



**CNG VIETNAM**

Đem nguồn

**năng lượng sạch**

tới mọi nơi



*Sẵn sàng*  
CHO  
**HÀNH TRÌNH MỚI**



**2018**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

[www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)





# Mục lục

- 07 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 08 Những con số nổi bật giai đoạn 2014-2018

## I - GIỚI THIỆU CNG VIỆT NAM

### *Gốc Vững Mạnh Cho Cánh Xum Xuê*

- 12 Thông tin tổng quan
- 14 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 16 Chặng đường phát triển và Thành tựu nổi bật
- 18 Giải thưởng tiêu biểu
- 20 Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ
- 22 Ngành nghề - Địa bàn kinh doanh và Khách hàng tiêu biểu
- 24 Sản phẩm và Vị thế cạnh tranh

## II - BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

### *Đào Dài, Bền Bỉ Dẫn Lối Hành Trình*

- 28 Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản trị
- 30 Giới thiệu HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc
- 36 Bối cảnh kinh doanh và định hướng chiến lược Giai đoạn đến 2025
- 44 Các bên liên quan và vấn đề trọng yếu trong chiến lược hoạt động
- 50 Quản trị để phát triển bền vững: Hệ thống quản trị tích hợp và quản trị rủi ro
- 60 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 74 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 75 Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD

## III - BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

### *Đoàn Kết Một Lòng Vì Mục Tiêu Chung*

- 78 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018
- 79 Đầu tư dự án – Nâng cao năng lực sản xuất, cung ứng, tồn trữ
- 80 Xây dựng thương hiệu và thị trường
- 82 Sản xuất, vận chuyển và phân phối
- 84 Quản trị nhân sự và văn hóa doanh nghiệp
- 86 Phân tích chi tiết tình hình tài chính
- 98 Định hướng giải pháp và kế hoạch kinh doanh năm 2019

## IV - TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### *Sát Cánh Để Gắn Nhau Thêm*

- 104 Đóng góp kinh tế
- 108 Môi trường
- 112 Xã hội
- 121 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

## V - BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

### *Cùng Nhau Vươn Mình Đón Năng*

- 124 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 125 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 126 Bảng cân đối kế toán
- 128 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 129 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 130 Thuyết minh báo cáo tài chính



# Giới Thiệu BCTN 2018

## CNG VIỆT NAM

Một trong những nguyên tắc của hoạt động quản trị chiến lược tại CNG Việt Nam là quản trị theo lĩnh vực trọng yếu. Để thực hiện điều này, chúng tôi phân tích bối cảnh chiến lược, xác định các bên liên quan quan trọng, các mối quan tâm, kỳ vọng của họ và cố gắng gắn kết vào chiến lược hoạt động của Công ty. Trên cơ sở đó, CNG Việt Nam đã tham khảo bộ Tiêu chuẩn GRI dành cho Báo cáo Phát triển Bền vững và Khung hướng dẫn lập Báo cáo Tích hợp của IIRC để lập BCTN năm 2018.

Năm 2018 kết thúc cũng là lúc CNG Việt Nam bước vào năm đầu tiên **“SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH MỚI”** đó là chinh phục các mục tiêu chiến lược kinh doanh Giai đoạn 2019-2025, với nhận dạng thương hiệu riêng mới, lấy lá tre màu xanh truyền thống làm biểu tượng. Lá tre và cây tre không chỉ biểu thị cho tôn chỉ kinh doanh các sản phẩm khí thiên nhiên CNG, LNG thân thiện với môi trường, mà còn là biểu tượng của sự bền bỉ, dẻo dai, không ngại gian khó trong mọi hoàn cảnh, đúng như tinh thần **bài thơ Tre Việt Nam của Nguyễn Duy**.

**“Ở đâu tre cũng xanh tươi  
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu”**

Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị để không ngừng cải thiện chất lượng BCTN của Công ty. Mọi ý kiến xin gửi về:

### NHÓM THỰC HIỆN BCTN – CTCP CNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4,  
Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
Điện thoại : (84.254) 3574.635  
Fax : (84.254) 3574.619  
Website : [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)

### DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ATCLMT	An toàn – Chất lượng – Môi trường
BGD	Ban Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
CNG	Khí thiên nhiên nén (Compressed Natural Gas)
CNG Việt Nam/Công ty	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ISO	Tiêu chuẩn ISO
KCN	Khu Công nghiệp
LNG	Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas)
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LPG	Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas)
OHSAS	Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PRU	Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit)
PVGas/Tổng Công ty	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
PVN/Tập đoàn	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam)
TUŁĐTT	Thỏa ước Lao động Tập thể
ƯCKC	Ứng cứu khẩn cấp
VĐL	Vốn điều lệ





**Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác  
và toàn thể CBCNV CNG Việt Nam**

Năm 2018, giá dầu thế giới diễn biến khởi sắc hơn nhưng lại có xu hướng biến động khó lường, đặc biệt đã sụt giảm rất mạnh trở lại trong Quý 4. Điều này khiến cho việc điều hành và hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam gặp không ít trở ngại.

Trong bối cảnh đó, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, giá dầu trong nước, triển vọng kinh tế vĩ mô và diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT cùng với Ban điều hành đã đưa ra các giải pháp định hướng phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng giai đoạn.

Năm 2018, Tập thể lãnh đạo cùng với toàn thể CBCNV CNG Việt Nam đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và đưa ra nhiều giải pháp để hoàn thành tốt các nhiệm vụ và đã vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do ĐHQĐ đề ra. Cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2018			So sánh với năm trước (2018/2017)	
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
Sản lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm <sup>3</sup>	132,0	164,6	125%	141,3	116%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.395,7	1.838,2	132%	1.324,5	139%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	117,9	145,2	123%	142,4	102%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	94,3	114,3	121%	109,3	105%

Năm 2019, kinh tế thế giới được dự báo duy trì đà tăng trưởng, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng có thể chững lại. Thị trường dầu khí thế giới cũng sẽ có biến động mạnh do ảnh hưởng của nhiều yếu tố đan xen phức tạp. Điểm sáng là kinh tế trong nước vẫn sẽ tiếp tục khởi sắc với sự tăng trưởng, mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp, dòng vốn FDI sôi động, hiệu ứng tích cực từ các hiệp định thương mại tự do... Đây sẽ là động lực giúp hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 khả quan hơn.

HĐQT cùng với Ban lãnh đạo CNG Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cường các giải pháp quản trị doanh nghiệp, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý hiệu quả đầu tư dự án, phát triển mở rộng thị trường để đón đầu cho LNG và không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất vận hành, cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng... và quan tâm chăm sóc đời sống CBCNV, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng-xã hội; là cơ sở vững chắc để Công ty bước vào năm 2019, năm đầu tiên thực hiện chính phục các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2019-2025, với tâm thế: **“SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH MỚI”**.

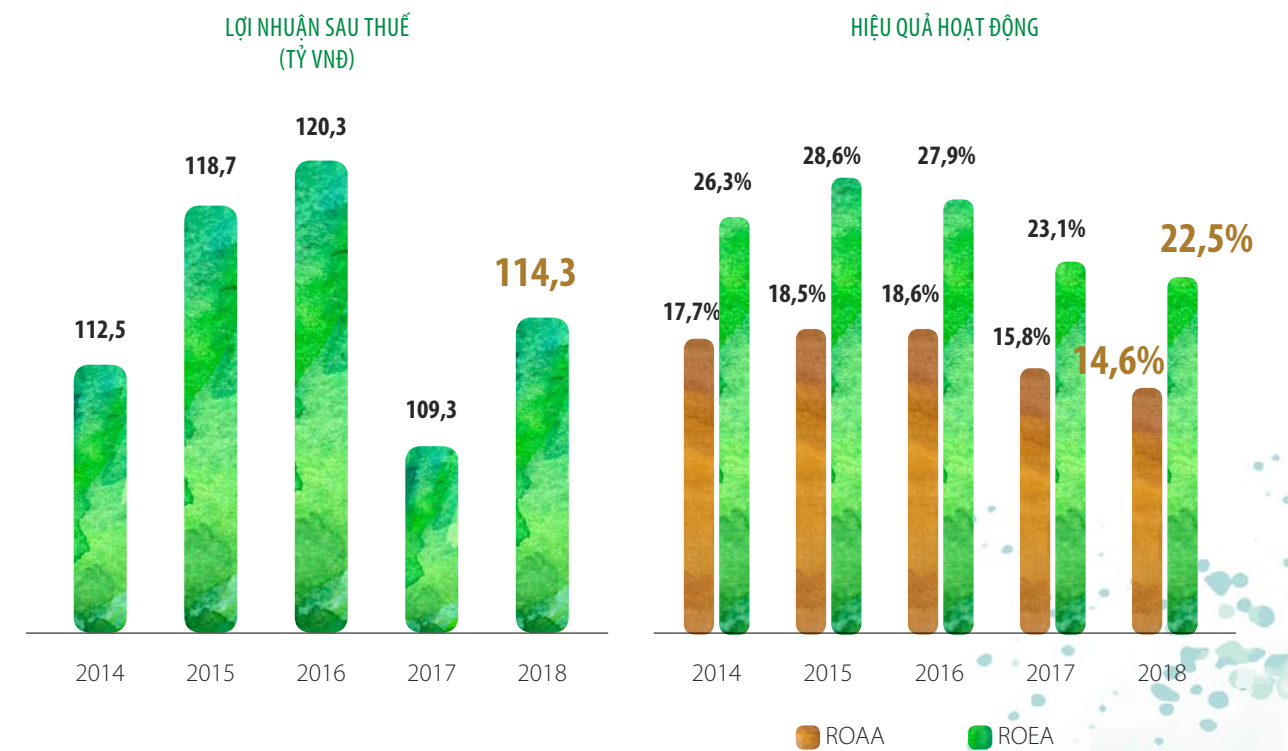
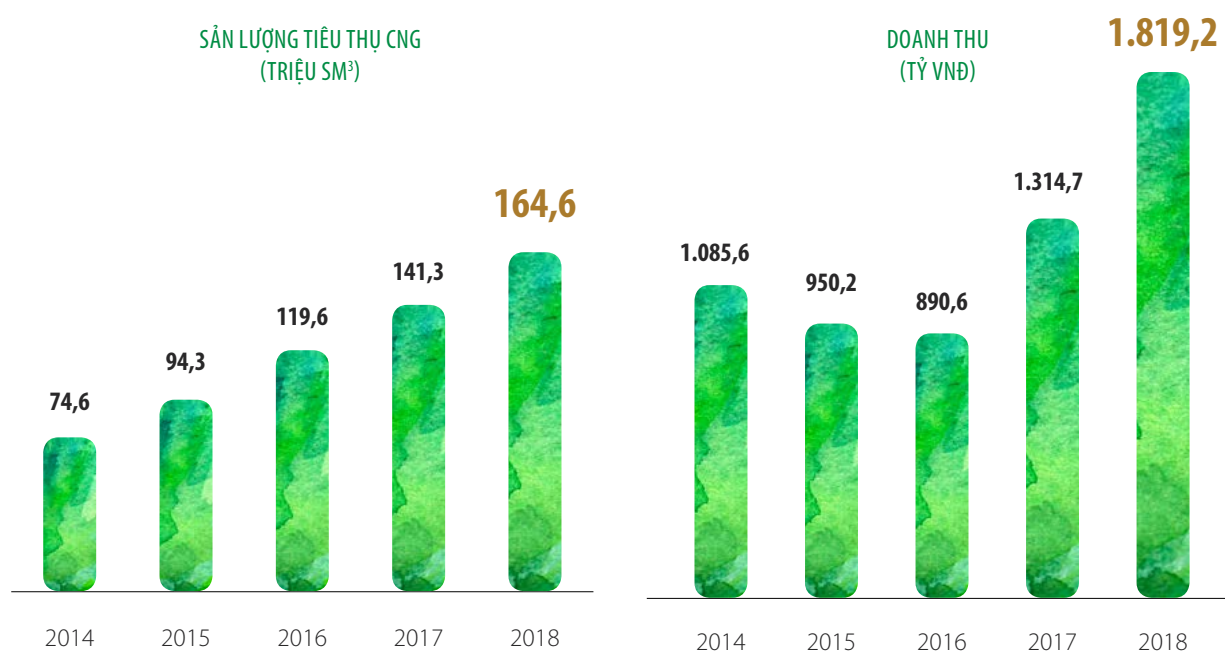
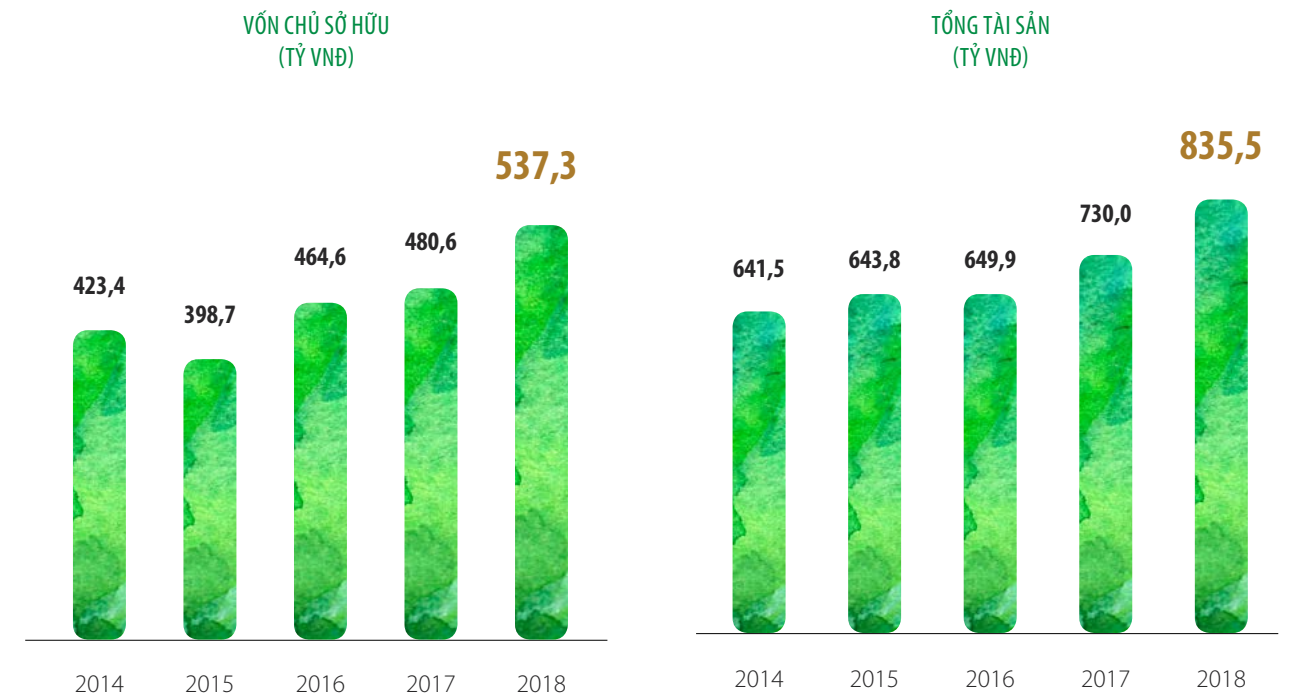
Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), Cơ quan chính quyền, Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBCNV đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng CNG Việt Nam và mong tiếp tục nhận được sự đồng hành của Quý Cổ đông để Công ty sẵn sàng cho hành trình mới.

Trân trọng,

**NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
<b>Hoạt động kinh doanh</b>					
Sản lượng tiêu thụ (Triệu Sm <sup>3</sup> )	74,6	94,3	119,6	141,3	164,6
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ đồng)</b>					
Doanh thu	1.085,6	950,2	890,6	1.314,7	1.819,2
Lợi nhuận gộp	229,5	232,7	238,5	237,2	236,6
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	136,1	146,2	150,5	142,3	138,6
Lợi nhuận trước thuế	130	145,1	147,7	142,4	145,2
Lợi nhuận sau thuế	112,5	118,7	120,3	109,3	114,3
<b>Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)</b>					
Tổng tài sản	641,5	643,8	649,9	730,0	835,5
Vốn chủ sở hữu	423,4	398,7	464,6	480,6	537,3
Vốn điều lệ	270,0	270,0	270,0	270,0	270,0
<b>Hiệu quả hoạt động</b>					
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	17,7%	18,5%	18,6%	15,8%	14,6%
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)	26,3%	28,6%	27,9%	23,1%	22,5%
<b>Chỉ tiêu cổ phiếu</b>					
Số lượng cổ phiếu lưu hành (Triệu cp)	27	27	27	27	27
Lãi cơ bản của 1 cổ phiếu (Đồng)	4.166	3.942	3.854	3.560	3.652
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (Đồng)	16.014	14.760	17.207	17.801	19.854
Cổ tức (%)	35	30	30	15	15
Giá cuối năm (Đồng)	29.000	31.400	40.800	31.900	26.000
Vốn hoá thị trường (Tỷ đồng)	783	847,8	1.101,5	831,6	702,0





**TỔNG QUAN VỀ CNG VIỆT NAM**

Thông tin tổng quan	12
Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	14
Chặng đường phát triển và Thành tựu nổi bật	16
Giải thưởng tiêu biểu	18
Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ	20
Ngành nghề - Địa bàn kinh doanh và Khách hàng tiêu biểu	22
Sản phẩm và Vị thế cạnh tranh	24

**GỐC VỮNG MẠNH**  
CHO CÀNH  
*Xum xuê*



Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
Tên tiếng Anh : **CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt : **CNG VIETNAM**  
Mã cổ phiếu : **CNG**  
Sàn niêm yết : **HOSE**  
Logo Công ty : 

Slogan :  Đem nguồn  
năng lượng sạch  
tới mọi nơi

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 492032000040, đăng ký lần đầu ngày 28/05/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ : **270.000.000.000 đồng** (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu : 537.280.028.164 đồng (tại ngày 31/12/2018)

Số lượng cổ phiếu  
lưu hành : 27,000,000 cp

Số lượng cổ phiếu  
niêm yết : 27,000,000 cp

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4,  
Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

Điện thoại : (84.254) 3574.635

Fax : (84.254) 3574.619

Website : **www.cng-vietnam.com**

Công ty Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam







## TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển CTCP CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường.



## SỨ MỆNH

Tạo dựng niềm tin cho khách hàng trong việc sử dụng nhiên liệu CNG, LNG sạch, an toàn, hiệu quả. Từ đó, phát triển Công ty ngày một lớn mạnh, mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Chất lượng



An toàn



Hợp tác



Hiệu quả



Trách nhiệm xã hội



## NĂM 2007

### **Thành lập với Vốn điều lệ ban đầu 19,2 tỷ đồng**

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được thành lập ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí – CTCP (DMC): 51% vốn điều lệ;
- Công ty IEV Energy Sdn. Bhd. (Malaysia): 42% vốn điều lệ; và
- Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

## NĂM 2008

### **Tăng mạnh Vốn điều lệ lên 67,2 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên tại KCN Phú Mỹ 1**

CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67,2 tỷ đồng với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), CTCP Phân phối Khí thấp áp (PVGas-D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm<sup>3</sup> khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

## NĂM 2009

### **Mở rộng thị trường, nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm<sup>3</sup>**

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG Việt Nam sang CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South). CNG Việt Nam tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm<sup>3</sup>.

## NĂM 2010

### **Tăng Vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng. Áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường được BSJ chứng nhận**

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, CNG Việt Nam đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67,2 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, căn bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược, theo Nghị quyết số 314/NQ – ĐHĐCĐ/2010 của ĐHĐCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

## NĂM 2011

### **Tiếp tục tăng Vốn điều lệ lên 203,1 tỷ đồng và niêm yết cổ phiếu trên HOSE**

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm<sup>3</sup>, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203,1 tỷ đồng, ngày 23/11/2011, cổ phiếu chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG, trên cơ sở Quyết định số 167/2011/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp.

## NĂM 2012

### **Phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV và tăng Vốn điều lệ lên 213,28 tỷ đồng**

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213,28 tỷ đồng.

## NĂM 2013

### **Tăng Vốn điều lệ lên 270 tỷ đồng và thông qua chính sách cổ tức 35%**

Ngày 25/9/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213,28 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 13/12/2013, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ – HĐQT phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% (trong cổ tức tổng cộng 35%) trên vốn điều lệ hiện hành.

## NĂM 2014

### **Chi nhánh Miền Bắc đi vào hoạt động**

Ngày 15/4/2014, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 4/NQ – HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ hiện hành.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

## NĂM 2015

### **Tổng sản lượng tăng mạnh lên 94,3 triệu Sm<sup>3</sup>. Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 chính thức hoạt động**

Năm 2015 đánh dấu sự thành công của CNG trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. CNG đã chính thức cấp khí cho 4 khách hàng tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG cung cấp cho khách hàng đạt mốc 94,3 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng trưởng mạnh 26% so với năm 2014.

Ngoài ra, tháng 4/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

## NĂM 2016

### **PVGas trở thành cổ đông lớn với tỷ lệ nắm giữ 56%**

Ngày 14/3/2016, PVGas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ nắm giữ 56% vốn điều lệ, sau khi mua lại toàn bộ cổ phần từ PVGas South.

Ngày 19/04/2016, HĐQT ra quyết định đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng, phù hợp với hệ thống quản lý của PVGas.

Ngày 17/05/2016, HĐQT ra nghị quyết thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.

## NĂM 2017

### **Kỷ niệm 10 năm thành lập**

Số lượng khách hàng tăng mạnh, sản lượng tiêu thụ khí lên đến 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt 35-40% so với kế hoạch.

## NĂM 2018

### **Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Khối văn phòng Công ty**

Ban lãnh đạo Công ty triển khai rà soát, ban hành chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc Chi nhánh làm cơ sở triển khai, áp dụng KPI cấp đơn vị.

Số lượng khách hàng tiếp tục tăng mạnh. Năm 2018 Công ty đã cấp khí cho 06 khách hàng mới, trong đó 04 khách hàng thực hiện ký hợp đồng trong năm 2018.

Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 164,6 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng 25% so với kế hoạch và tăng 16% so với năm 2017.

Vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 537 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước.





**BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**BẰNG KHEN ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC**

*do Thủ tướng Chính phủ trao tặng năm 2011*

**BẰNG KHEN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

**BẰNG KHEN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*từ năm 2010 – 2015*

**HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3**

**VÀ BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2014**

**TOP 50 DOANH NGHIỆP  
KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2012**

**TOP 50 DOANH NGHIỆP  
TĂNG TRƯỞNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2013**

**TOP 50 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
TỐT NHẤT NĂM 2011, 2012, 2015, 2016**

**TOP 20 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
TỐT NHẤT NĂM 2013**

**TOP 15 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
TỐT NHẤT NĂM 2014**

**TOP 100 DOANH NGHIỆP  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2016, 2017, 2018**

**TOP 10 DOANH NGHIỆP MID CAP  
CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT NĂM 2017**



**537**  
TỶ VNĐ  
**VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
↑11,8% so với năm 2017

**270**  
TỶ VNĐ  
**TỔNG VỐN ĐIỀU LỆ**  
đến ngày 31/12/2018

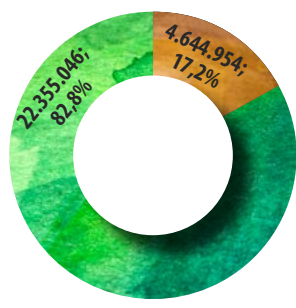
**THÔNG TIN CỔ PHẦN**

Tổng số cổ phần: 27.000.000 cp  
 Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông  
 Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không  
 Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 27.000.000 cp

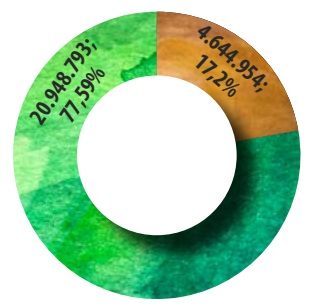
**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài (tại ngày 31/12/2018):

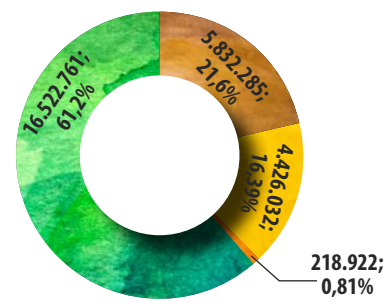
Chỉ tiêu	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	CP	% VĐL	CP	% VĐL	CP	% VĐL
Cá nhân	4.426.032	16,39%	218.922	0,81%	4.644.954	17,20%
Tổ chức	16.522.761	61,20%	5.832.285	21,60%	22.355.046	82,80%
<b>Tổng</b>	<b>20.948.793</b>	<b>77,59%</b>	<b>6.051.207</b>	<b>22,41%</b>	<b>27.000.000</b>	<b>100,00%</b>



Tổ chức  
Cá nhân



Trong nước  
Nước ngoài



Tổ chức trong nước  
Tổ chức nước ngoài  
Cá nhân trong nước  
Cá nhân nước ngoài

Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên) tại ngày 31/12/2018

Tên cổ đông	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas)	15.120.000	56,00
Samarang Ucits – Samarang Asian Prosperity	2.600.940	9,63
Các cổ đông khác	9.279.060	34,37
<b>Tổng</b>	<b>17.720.940</b>	<b>65,63</b>

**QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Năm	Vốn điều lệ ban đầu (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ tăng thêm (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ lũy kế (Tỷ VNĐ)	Hình thức tăng vốn
2007	19,2	-	19,2	
2008	19,2	48	67,2	Phát hành thêm
2010	67,2	57,8	125	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011	125	37,5	162,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011	162,5	40,6	203,1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
2012	203,1	10,2	213,3	ESOP cho CBCNV
2013	213,3	56,7	270,0	ESOP cho CBCNV và thưởng cổ phiếu

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2018 là 270 tỷ đồng, không thay đổi so với năm trước. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2018 đạt hơn 537 tỷ đồng gấp hai lần so với vốn điều lệ và tăng 11,8% so với năm 2017 nhờ tích lũy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

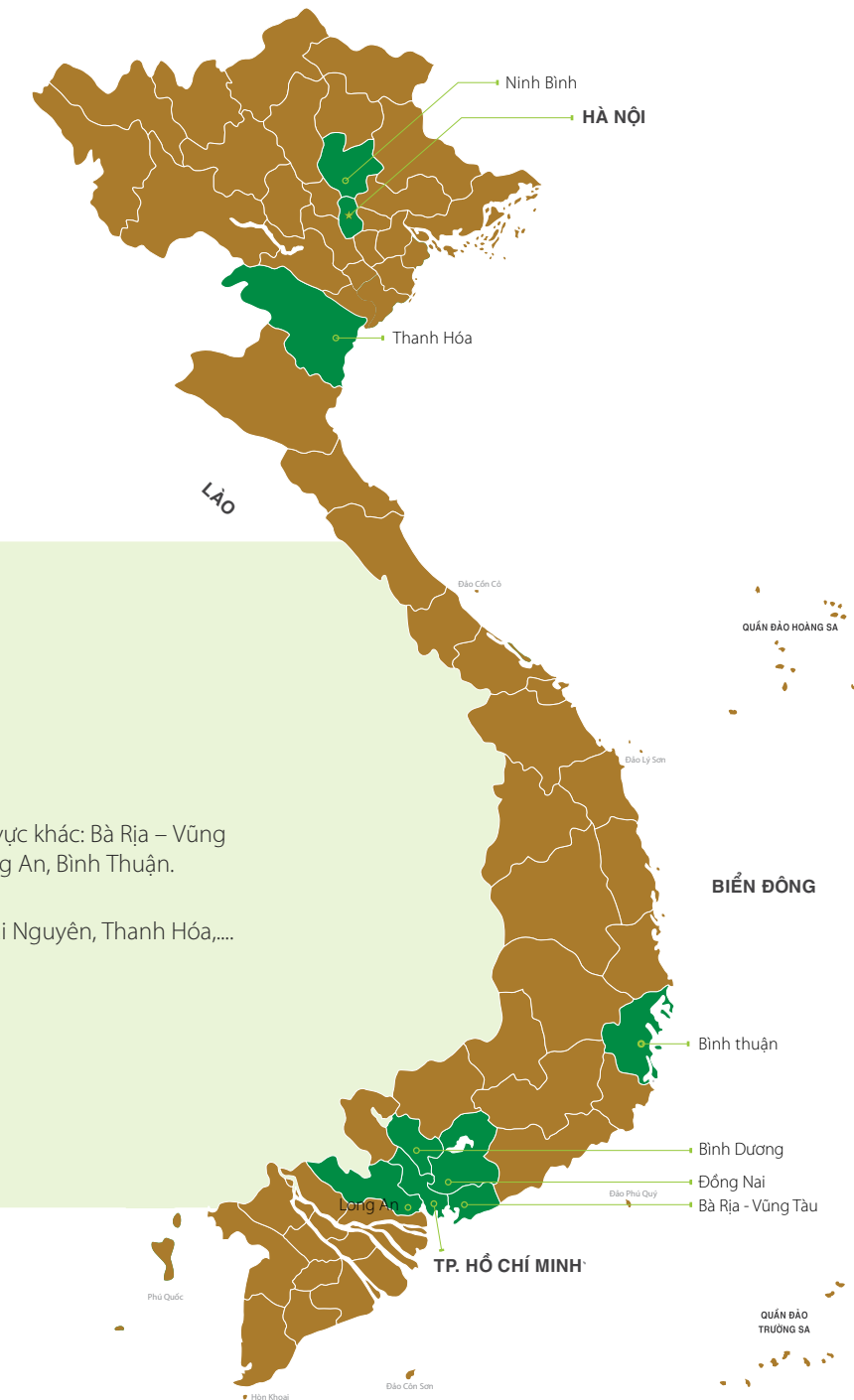




**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

	Tên Ngành	Mã Ngành theo VSIC
	<b>SẢN XUẤT KHÍ ĐỐT, PHÂN PHỐI NHIÊN LIỆU KHÍ BẰNG ĐƯỜNG ống</b> Chi tiết: Sản xuất, chiết nạp và phân phối các sản phẩm khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG	3520 (chính)
	<b>SỬA CHỮA MÁY MÓC, THIẾT BỊ</b> Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện, máy móc, thiết bị sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG	3312
	<b>VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ</b> Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các khí nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng Công ten-nơ	4933
	<b>LẮP ĐẶT MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP</b> Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí	3320
	<b>BÁN BUÔN MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ PHỤ TÙNG MÁY KHÁC</b> Chi tiết: Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí	4659
	<b>SẢN XUẤT MÁY THÔNG DỤNG KHÁC</b> Chi tiết: Sản xuất thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí	2819
	<b>ĐỐI VỚI NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN</b> Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam



**ĐỊA BÀN KINH DOANH**

- ★ Khu vực miền Đông Nam Bộ và các khu vực khác: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, TP.HCM, Long An, Bình Thuận.
- ★ Khu vực miền Bắc: Hà Nội, Ninh Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa,...

**KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU**





**CNG Việt Nam là công ty tiên phong và hiện đang chiếm thị phần lớn nhất trong sản xuất, phân phối sản phẩm Khí thiên nhiên nén (CNG) tại Việt Nam. CNG được CNG Việt Nam phân phối để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải hay phục vụ sinh hoạt của cư dân ở các khu chung cư.**

Khách hàng của CNG Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực Sản xuất - Vật liệu xây dựng, Sản xuất thực phẩm, Giao thông vận tải và các nhóm khách hàng khác.

CNG Việt Nam có thị phần lớn nhất trong lĩnh vực sản xuất và phân phối CNG tại Việt Nam và thương hiệu ngày càng chiếm được niềm tin của khách hàng nhờ các lợi thế cạnh tranh sau:

## 01 SẢN PHẨM ĐEM LẠI HIỆU QUẢ CAO

CNG Việt Nam có lợi thế hơn hẳn so với những doanh nghiệp kinh doanh các nhiên liệu truyền thống như than, dầu FO, DO... nhờ tính ưu việt của việc sử dụng CNG làm nhiên liệu thay thế.

### HIỆU SUẤT CAO – TĂNG TUỔI THỌ MÁY MÓC, THIẾT BỊ

- ★ CNG có nhiệt trị cao, hiệu suất đốt cháy cao, dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ buồng đốt, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- ★ CNG có ưu thế trong khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiên liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.
- ★ Khí thiên nhiên không gây ăn mòn thiết bị, không phát sinh cặn bám, muội than, giúp tăng tuổi thọ vận hành của máy móc, thiết bị.

### THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG

- ★ Thành phần CNG chủ yếu là CH<sub>4</sub> (84%), C<sub>2</sub>H<sub>6</sub> (12%), dễ xử lý loại bỏ tạp chất, khi cháy sinh ra ít khí CO<sub>2</sub>, SOx, NOx, giúp môi trường sạch hơn, không gây hiệu ứng nhà kính.
- ★ Động cơ sử dụng CNG sẽ làm giảm 90-97% lượng khí thải độc hại đến môi trường và gần như không có bụi so với động cơ sử dụng xăng.

### HIỆU QUẢ KINH TẾ, TIẾT KIỆM CHI PHÍ HƠN Hẳn NHIÊN LIỆU TRUYỀN THỐNG

- ★ Khí thiên nhiên rẻ hơn nhiều so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện, nên việc sử dụng khí thiên nhiên sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.
- ★ Các trạm giảm áp (PRU) được hiện đại hóa, cải tiến liên tục, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng nên tiết kiệm được diện tích đất cũng như chi phí vận hành.

### AN TOÀN HƠN TRONG VẬN HÀNH SẢN XUẤT

- ★ CNG nhẹ hơn không khí nên nhanh chóng bốc lên cao khi bị rò rỉ, do đó hạn chế tối đa nguy cơ cháy nổ trong quá trình sử dụng so với các loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện...
- ★ Hệ thống sử dụng CNG làm việc theo chu trình kín, tất cả các thiết bị chuyên dụng đều được kiểm nghiệm nghiêm ngặt trước khi xuất xưởng, các bình chứa CNG luôn được trang bị thiết bị dừng khẩn cấp khi gặp sự cố.

### KHÍ THIÊN NHIÊN NÉN (CNG - COMPRESSED NATURAL GAS) LÀ GÌ?

CNG (Compressed Natural Gas) là khí thiên nhiên được khai thác từ các mỏ khí tự nhiên hay là khí đồng hành trong quá trình khai thác dầu mỏ, qua thiết bị làm sạch để loại bỏ các tạp chất và các cấu tử nặng, vận chuyển bằng đường ống tới nhà máy nén khí. Khí thiên nhiên này được nén tới áp suất 200 – 250 bars ở nhiệt độ môi trường để giảm thể tích bốn chứa, tăng hiệu suất và giảm chi phí vận chuyển bằng các phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy.

Tại nơi tiêu thụ, CNG được gia nhiệt và giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là 3 bar).

## 02 SỨC MẠNH CỦA NGUỒN NHÂN LỰC

Đội ngũ ban lãnh đạo, công nhân viên của Công ty đều là những cán bộ lâu năm của ngành Dầu khí với năng lực, kinh nghiệm và tâm huyết cao với ngành. Do đó, hệ thống tổ chức, nhân sự luôn gắn kết, hoạt động ổn định hướng tới mục tiêu chung của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng công tác đào tạo để nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân viên nhằm duy trì thế mạnh nhân sự của mình.

## 03 SỨC MẠNH VỀ NGUỒN CUNG

Nguồn khí đầu vào của Công ty luôn được đảm bảo ổn định, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng.

Hiện nguồn khí đầu vào của Công ty được cấp trực tiếp thông qua đường ống của PVGas-D và Hệ thống thu gom khí và phân phối khí mở Hàm Rồng và mỏ Thái Bình.

## 04 SỨC MẠNH CỦA HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

★ **Vị trí nhà máy, trung tâm cấp khí thuận lợi:** Các nhà máy sản xuất, trạm cấp khí của Công ty được đặt tại các vị trí thuận lợi, gần các khu công nghiệp trọng điểm, phù hợp với đặc thù kinh doanh của khí CNG và LPG với phạm vi không quá 200km. Bên cạnh đó, vị trí thuận lợi càng phát huy tối đa lợi thế cơ động trong việc vận chuyển khí CNG, giúp đáp ứng nhanh chóng và tối đa nhu cầu khách hàng.

★ **Hệ thống PRU trải rộng:** Công ty đã đẩy mạnh đầu tư và lắp đặt 20 trạm PRU tại các khu công nghiệp. Với hệ thống trải rộng giúp Công ty có thể thu hút khách hàng tại các khu công nghiệp này và chiếm lĩnh thị trường. Bên cạnh đó, hệ thống phương tiện vận tải, bồn chứa cũng được Công ty tích cực đầu tư để đáp ứng đầy đủ và nhanh chóng yêu cầu vận chuyển cho nhiều vị trí khác nhau của khách hàng.

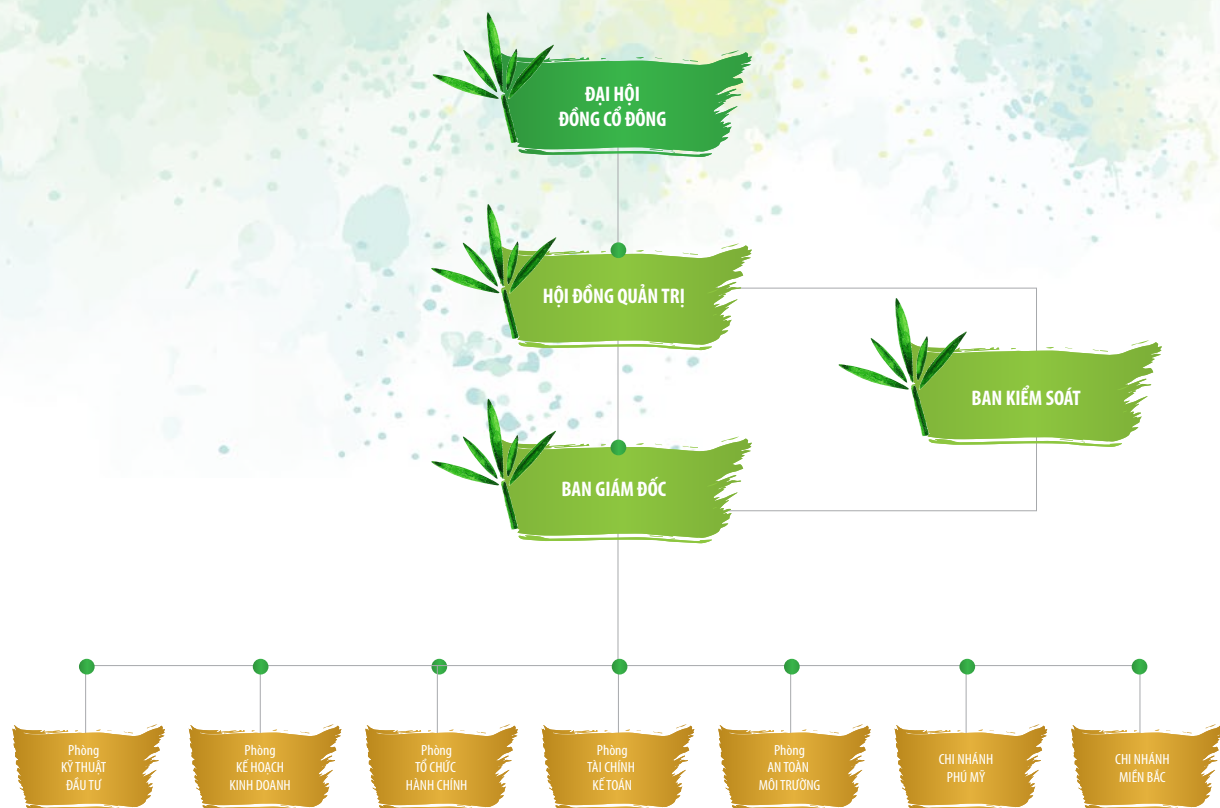




Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản trị	28
Giới thiệu HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	30
Bối cảnh kinh doanh và định hướng chiến lược Giai đoạn đến 2025	36
Các bên liên quan và vấn đề trọng yếu trong chiến lược hoạt động	44
Quản trị để phát triển bền vững:	50
Hệ thống quản trị tích hợp và quản trị rủi ro	
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	60
Báo cáo của Ban Kiểm soát	74
Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGĐ	75

**DẪO DAI** *Bền bỉ*  
**DẪN LỐI HÀNH TRÌNH**





**Năm 2018, Bộ máy quản trị của Công ty duy trì ổn định sau khi đã tổ chức lại trong năm 2017. Theo đó, CNG Việt Nam đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan, Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua.**

CNG Việt Nam hoạt động theo mô hình CTCP với cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng, ưu tiên tổ chức bộ máy và nhân sự tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo vận hành hiệu quả xuyên suốt các hoạt động chỉ đạo, giám sát, sản xuất kinh doanh, hoạt động hỗ trợ văn phòng... đồng thời không ngừng nỗ lực cải tiến để tiệm cận các thông lệ quản trị tốt nhất trên thế giới.

**CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:** Không.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Đây là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật.

**BAN KIỂM SOÁT**

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

**BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

**PHÒNG KỸ THUẬT – ĐẦU TƯ**

Là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư – xây dựng và kỹ thuật.

Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động khoa học – công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty.

Xây dựng chiến lược, quản lý công tác đầu tư – xây dựng và tổ chức thực hiện.

Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, đất đai.

**PHÒNG KẾ HOẠCH - KINH DOANH**

Là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (CNG, LNG...) của Công ty.

Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí theo chiến lược kinh doanh của Công ty.

Quản lý các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan khác.

Nghiên cứu, dự báo giá và đánh giá chính sách kinh doanh hàng hóa của sản phẩm trong nước, khu vực và thế giới.

Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

**PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH**

Là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật trong toàn Công ty.

Công tác quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc.

Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

**PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**

Là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty.

Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty.

Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty.

Xây dựng, trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty. Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định.

Phối hợp với các Phòng khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

**PHÒNG AN TOÀN – MÔI TRƯỜNG**

Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường.

Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

**CHI NHÁNH PHÚ MỸ**

Là đơn vị thuộc bộ máy điều hành của Công ty, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Chi nhánh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan.

Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Chi nhánh Phú Mỹ được Công ty giao.

Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.

**CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng.



HĐQT Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên, trong đó 02 thành viên kiêm nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc, 01 thành viên chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập.

**Các tiểu ban thuộc HĐQT:** Với quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty, HĐQT nhận thấy chưa cần thiết phải thành lập các tiểu ban trực thuộc. Thay vào đó, các thành viên HĐQT sẽ cùng hợp để trao đổi các vấn đề trong thẩm quyền, để ra giải pháp và định hướng một cách hiệu quả.



Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**  
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán, Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 4.680.000 (18,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **VŨ VĂN THỰC**  
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 4.680.000 (18,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **PHẠM ĐÌNH ĐẠT**  
Thành viên HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 2.700.000 (10,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **BÙI VĂN ĐẢN**  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Công nghệ Dầu khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 2.700.000 (10,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6



Bà **LÊ THỊ THU GIANG**  
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính – Kế toán, Thạc sỹ QTKD

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 625 (0,002%)







**Bà PHAN THỊ KIM THOA**  
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1967  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán  
doanh nghiệp  
Cổ phần đại diện sở hữu: 0  
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

**Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN**  
Kiểm soát viên

Năm sinh: 1972  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành  
Kế toán - Kiểm toán  
Cổ phần đại diện sở hữu: 0  
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

**Ông NGUYỄN QUANG BÁ**  
Kiểm soát viên

Năm sinh: 1985  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính - Kế toán  
Cổ phần đại diện sở hữu: 0  
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0







Ông **VŨ VĂN THỰC**  
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn:  
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
4.680.000 (18,00%)



Ông **BÙI VĂN ĐẢN**  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh: 1965  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ  
Dầu khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6



Ông **TRẦN QUANG ĐÁN**  
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1963  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xây dựng,  
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 762



Ông **NGUYỄN NGUYỄN VŨ**  
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1971  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn,  
Kỹ sư Kinh tế thủy sản

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 4



Ông **TRƯƠNG MẠNH THẮNG**  
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**  
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0





## **KINH TẾ THẾ GIỚI: DỰ BÁO TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG TRONG BẤT ỔN**

Dù kinh tế thế giới duy trì tăng trưởng ổn định nhưng bất ổn lại gia tăng mạnh trong năm vừa qua. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, các vấn đề địa chính trị khắp nơi trên thế giới, biến động mạnh trên thị trường dầu khí... là những trở ngại đáng kể.

Dự báo thế giới năm 2019 tiếp tục chứng kiến nhiều bất ổn, khi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn diễn biến phức tạp khó lường, chính sách nới lỏng tiền tệ có thể chấm dứt hoàn toàn đẩy rủi ro lãi suất tăng cao,... Những bất ổn về thương mại toàn cầu sẽ tạo sự phân hóa về dòng vốn đầu tư trong năm 2019.

## **THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN VIỆT NAM: NHU CẦU Ở MỨC CAO, NGUỒN CUNG ĐỐI DIỆN RỦI RO THIỂU HỤT**

### **VIỆT NAM LÀ ĐIỂM SÁNG TRONG BẤT ỔN KINH TẾ TOÀN CẦU**

Kinh tế Việt Nam năm 2018 tiếp tục đà tích cực khi tăng trưởng GDP đạt 7,08%, cao hơn rất nhiều so với chỉ tiêu kế hoạch 6,7% đề ra, đánh dấu năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng GDP trên 6,7%. Trong đó, đáng chú ý là ngành công nghiệp, chế biến và chế tạo duy trì vai trò dẫn dắt tăng trưởng vững chắc với mức tăng 12,98%.

Năm 2019, nhiều tổ chức uy tín trên thế giới tiếp tục lạc quan về Việt Nam, chẳng hạn Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam có khả năng đạt 6,8% và tiếp tục duy trì mặt bằng tăng trưởng ở mức cao của những năm qua. Các Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP... đi vào hiệu lực sẽ tạo động lực tăng trưởng mới cho kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp và dòng vốn đầu tư sẽ dịch chuyển để phòng ngừa rủi ro, trong đó Việt Nam là điểm đến hàng đầu.

### **ĐÒNG VỐN FDI TĂNG TRƯỞNG THúc ĐẨY NHU CẦU KHÍ THIÊN NHIÊN TẠI VIỆT NAM**

Năm 2018, nguồn vốn FDI đăng ký vào Việt Nam sụt giảm nhẹ so với năm 2017. Tuy nhiên, nguồn vốn FDI thực hiện duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định đạt 9,1% cho năm 2018 với giá trị giải ngân hơn 19 tỷ USD. Trong năm 2019, nguồn vốn FDI được kỳ vọng tiếp tục trở thành động lực quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh dịch chuyển dòng chảy đầu tư và thương mại từ Trung Quốc.

Đối với triển vọng kinh doanh của CNG Việt Nam, đây là thông tin rất tích cực khi Công nghiệp chế biến, chế tạo, Điện và Sản xuất thực phẩm đang là những ngành có lượng tiêu thụ khí thiên nhiên lớn nhất. Ngoài ra, khi vấn đề môi trường đang trở thành ưu tiên hàng đầu của Chính phủ thì Công ty sẽ có rất nhiều lợi thế khi CNG hiệu quả và thân thiện với môi trường hơn hẳn các loại năng lượng truyền thống (than, dầu, xăng...). Cơ hội mở rộng mạng lưới khách hàng của CNG Việt Nam trong tương lai là rất lớn.





**THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN VIỆT NAM: NHU CẦU Ở MỨC CAO,  
NGUỒN CUNG ĐỐI DIỆN RỦI RO THIỂU HỤT (tiếp theo)**

**SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP DỰ BÁO  
DUY TRÌ KHẢ QUAN TRONG NĂM 2019**

So với các nước trong khu vực thì mức tăng PMI Việt Nam được đánh giá khả quan. Số lượng đơn đặt hàng, sản lượng cùng tuyển dụng lao động cải thiện là các nhân tố giúp PMI Việt Nam duy trì lạc quan trong thời gian qua.

Năm 2019, kinh tế Việt Nam sẽ đón nhận những tín hiệu tích cực hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, nổi bật như sự dịch chuyển dòng chảy thương mại, các hiệp định thương mại tự do... Những yếu tố này kỳ vọng giúp ngành sản xuất trong nước tiếp tục phát triển và góp phần thúc đẩy chỉ số PMI Việt Nam nổi dài đà tăng trưởng.

**GIAO THÔNG CÔNG CỘNG SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU THÂN  
THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG**

Bên cạnh cấp khí cho các khách hàng công nghiệp, mảng cấp khí CNG cho hoạt động giao thông vận tải công cộng là phân khúc tiềm năng của Công ty. Sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường đang là ưu tiên hàng đầu khi lượng CO<sup>2</sup> phát thải và chi phí vận hành của phương tiện giao thông sử dụng khí CNG, LNG đều thấp hơn nhiều so với các loại nhiên liệu truyền thống. Trong đó, xe buýt sử dụng nhiên liệu CNG đã được ưu tiên phát triển tại Việt Nam trong các năm qua.

**THỊ TRƯỜNG KHÍ TỰ DO TĂNG TÍNH CẠNH TRANH**

Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng thị trường khí thả nổi sau năm 2020. Với thị trường khí thả nổi, các chủ mỏ khí có thể cung cấp khí trực tiếp cho các khách hàng tiêu thụ khí trên thị trường giao dịch khí thiên nhiên. Giá khí thiên nhiên theo đó cũng sẽ giảm phần nào phụ thuộc và giá dầu thế giới. Do đó, khi thị trường khí tự do đi vào vận hành sẽ tạo sự thay đổi mạnh mẽ đối với ngành khí thiên nhiên Việt Nam, đặc biệt là gia tăng tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành.

**KHẢ NĂNG THIỂU HỤT NGUỒN CUNG KHÍ  
TỪ CÁC MỎ TRONG NƯỚC**

Ngành khí thiên nhiên trong nước đối diện với sự thiếu hụt nguồn cung khí mỏ khí Sao Vàng Đại Nguyệt tri hoãn tiến độ cung cấp khí, dự kiến bắt đầu cung cấp khí kể từ quý 04/2019 – đầu năm 2020. Điều này sẽ gia tăng áp lực nhập khẩu khí thiên nhiên (LNG) từ các thị trường khác trong khu vực để đáp ứng sự tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ khí dự báo ở mức cao trong năm 2019. Trong trường hợp LNG được nhập khẩu trước tiên từ công ty ngoài hệ thống của PVGas thì CNG Việt Nam có thể gặp cạnh tranh nhất định.

**NHIỀU DOANH NGHIỆP VẪN ĐANG ƯA CHUỘNG NHIÊN LIỆU  
TRUYỀN THỐNG**

Áp lực cắt giảm chi phí, chuyển đổi công nghệ hay việc chưa quan tâm đúng mức đến các vấn đề môi trường khiến nhiều doanh nghiệp vẫn đang ưa chuộng nhiên liệu truyền thống như dầu DO, FO, than, biomass... Với ưu thế giá thành rẻ hơn 20-25%, nguồn cung dồi dào và chi phí chuyển đổi thấp, khả năng cạnh tranh trong thị trường nhiên liệu công nghiệp ngày càng gay gắt hơn.



**CHIẾN LƯỢC CỦA CNG VIỆT NAM:  
PHÁT HUY SỨC MẠNH – SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH MỚI**

*Trong năm qua, CNG Việt Nam đã hoàn tất xây dựng Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 của Công ty, trên cơ sở phân tích toàn diện bối cảnh bên ngoài và các điều kiện nội tại, nhằm phát huy các thế mạnh đồng thời tăng cường quản trị rủi ro để chinh phục các mục tiêu chiến lược đã đề ra.*

**THẾ MẠNH CỦA CNG VIỆT NAM**

- 01 Lợi thế từ sản phẩm CNG: Là nhiên liệu cho hiệu suất cao, giúp tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị; thân thiện môi trường; hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống; và an toàn hơn trong vận hành sản xuất.
- 02 Có uy tín và thương hiệu trên thị trường và luôn nhận được sự ủng hộ của khách hàng. Hệ thống khách hàng ổn định đa dạng, tập trung tại các khu vực kinh doanh trọng điểm của Công ty như: Bình Dương, Bà Rịa- Vũng Tàu, Long An, Thái Bình...
- 03 Cơ sở hạ tầng và công nghệ: Công suất nhà máy đạt 160 triệu Sm<sup>3</sup>/năm đảm bảo cấp khí cho khách ổn định, hệ thống PRU trải rộng khắp các KCN. Công ty cũng đã làm chủ công nghệ CNG và đang đẩy mạnh nghiên cứu, hướng tới tiên phong trong công nghệ LNG.
- 04 Nhân sự và Văn hóa doanh nghiệp: Nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao có trình độ và tầm nhìn quản lý doanh nghiệp, CBCNV năng động, sáng tạo và chủ động công việc; Tạo lập được văn hóa doanh nghiệp, tập hợp được sức mạnh tập thể đoàn kết hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty.
- 05 Mọi quan hệ với các bên liên quan: Luôn nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) và các đơn vị thành viên, các đơn vị trong và ngoài ngành.





**CHIẾN LƯỢC CỦA CNG VIỆT NAM:  
PHÁT HUY SỨC MẠNH – SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH MỚI (tiếp theo)**

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2019 - 2025

**TÂM NHÌN**

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường.

**ĐỊNH HƯỚNG  
CHIẾN LƯỢC**

- 1 | Xây dựng CNG Việt Nam trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- 2 | Phát triển CNG Việt Nam theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG.
- 3 | Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.

**MỤC TIÊU  
CHIẾN LƯỢC  
ƯU TIÊN**

- 1 | Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.
- 2 | Nâng cao năng lực sản xuất, tồn trữ CNG, LNG.
- 3 | Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.
- 4 | Tiên phong công nghệ tồn trữ, vận chuyển, phân phối LNG.
- 5 | Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.
- 6 | Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.



**1**

**BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG CNG/LNG TOÀN QUỐC; VÀ NHANH CHÓNG CHIẾM LĨNH THỊ PHẦN LNG**

*Chiến lược chung là tiếp tục phát triển CNG đến năm 2022, sau đó duy trì giữ ổn định khách hàng CNG, từ 2023 triển khai phát triển khách hàng sử dụng LNG (hoặc triển khai sớm hơn tùy theo tiến độ nhập khẩu LNG của Tổng Công ty) để nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần.*

**Mục tiêu sản lượng giai đoạn 2019-2026**

Năm	ĐVT: Triệu Sm <sup>3</sup>						
	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
<b>Thị trường</b>							
Miền Nam	137	150	160	170	181	193	206
Miền Bắc	19	28	28	28	52	68	81
Miền Trung	0	0	0	0	10	30	39
<b>Tổng cộng</b>	<b>156</b>	<b>178</b>	<b>188</b>	<b>198</b>	<b>243</b>	<b>292</b>	<b>326</b>

Để thực mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- ★ Đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.
- ★ Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán CNG/LNG tại trạm mẹ, bán qua các Nhà phân phối/Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- ★ Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với CNG Việt Nam.
- ★ Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng CNG/LNG, đối tác vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân sự,...





**CHIẾN LƯỢC CỦA CNG VIỆT NAM:  
PHÁT HUY SỨC MẠNH – SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH MỚI (tiếp theo)**

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2019 - 2025 (tiếp theo)

**2**

**NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA CNG, LNG**

Hiện nay, khả năng mở rộng công suất tại Nhà máy Phú Mỹ không còn nhiều. Vì vậy, để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty cần đầu tư hoặc thuê nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:

- ★ Năm 2019 tăng công suất nén lên 180 triệu Sm<sup>3</sup>/năm.
- ★ Giai đoạn 2020 đến 2021 nâng công suất lên 200 triệu Sm<sup>3</sup>/năm, phát triển thị trường LNG miền Bắc và đầu tư hệ thống xe bồn chuyên dụng vận chuyển LNG.
- ★ Giai đoạn 2023 trở đi phát triển thị trường LNG Miền Nam và Miền Trung, xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển LNG.

**Ước tính chi phí đầu tư 2019-2022**

Stt	Hạng mục	Sản lượng tăng thêm (Triệu Sm <sup>3</sup> )	Đơn giá (Tỷ đồng)	Thành tiền (Tỷ đồng)	Ghi chú
1	Khách hàng hiện hữu (tăng SL)	10	4,12	41,2	Giá trị đầu tư cho 10 triệu Sm <sup>3</sup> CNG tăng thêm của khách hàng hiện hữu là 41,2 tỷ đồng
2	Khách hàng mới	20	8,94	178,8	Giá trị đầu tư cho 10 triệu Sm <sup>3</sup> CNG tăng thêm áp dụng cho khách hàng mới là 89,4 tỷ đồng
<b>Tổng cộng</b>		<b>30</b>		<b>220,0</b>	

**Ước tính chi phí đầu tư 2023-2025**

Stt	Hạng mục	Sản lượng tăng thêm (Triệu Sm <sup>3</sup> )	Đơn giá (Tỷ đồng)	Thành tiền (Tỷ đồng)	Ghi chú
1	Khách hàng hiện hữu	30	4,12	123,60	Giá trị đầu tư cho 10 triệu Sm <sup>3</sup> CNG tăng thêm của khách hàng hiện hữu là 41,2 tỷ đồng
2	Khách hàng mới	100	3,31	331,00	Giá trị đầu tư cho 10 triệu Sm <sup>3</sup> LNG phát sinh áp dụng cho khách hàng mới là 33,1 tỷ đồng
<b>Tổng cộng</b>		<b>130</b>		<b>454,60</b>	



**3 & 4**

**HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH/TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI LNG**

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp LNG để đón đầu phát triển thị trường. Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy LNG/CNG hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

**5**

**XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CNG VIỆT NAM VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP**

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa thương hiệu CNG Việt Nam ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.

**6**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG**

Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.

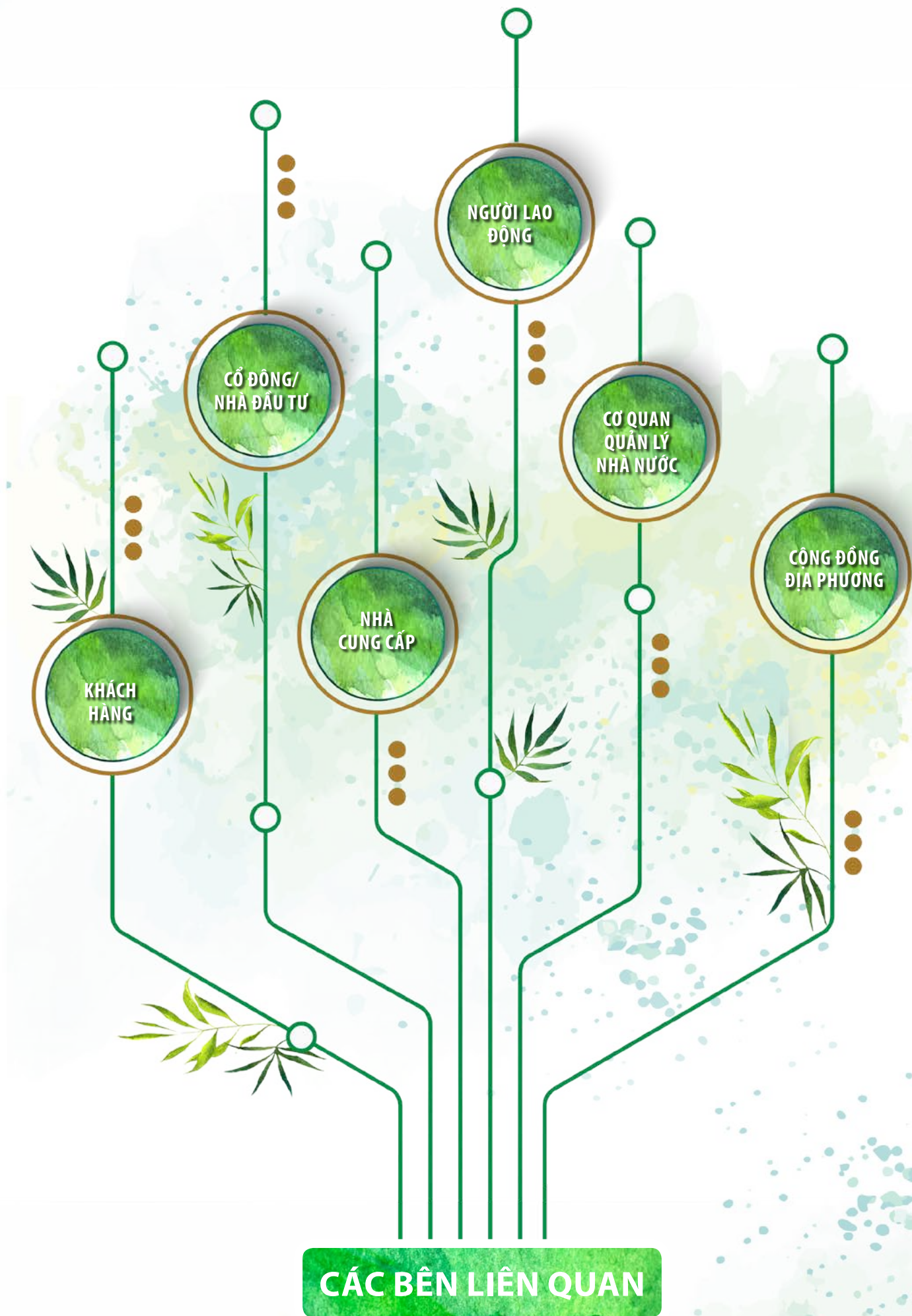
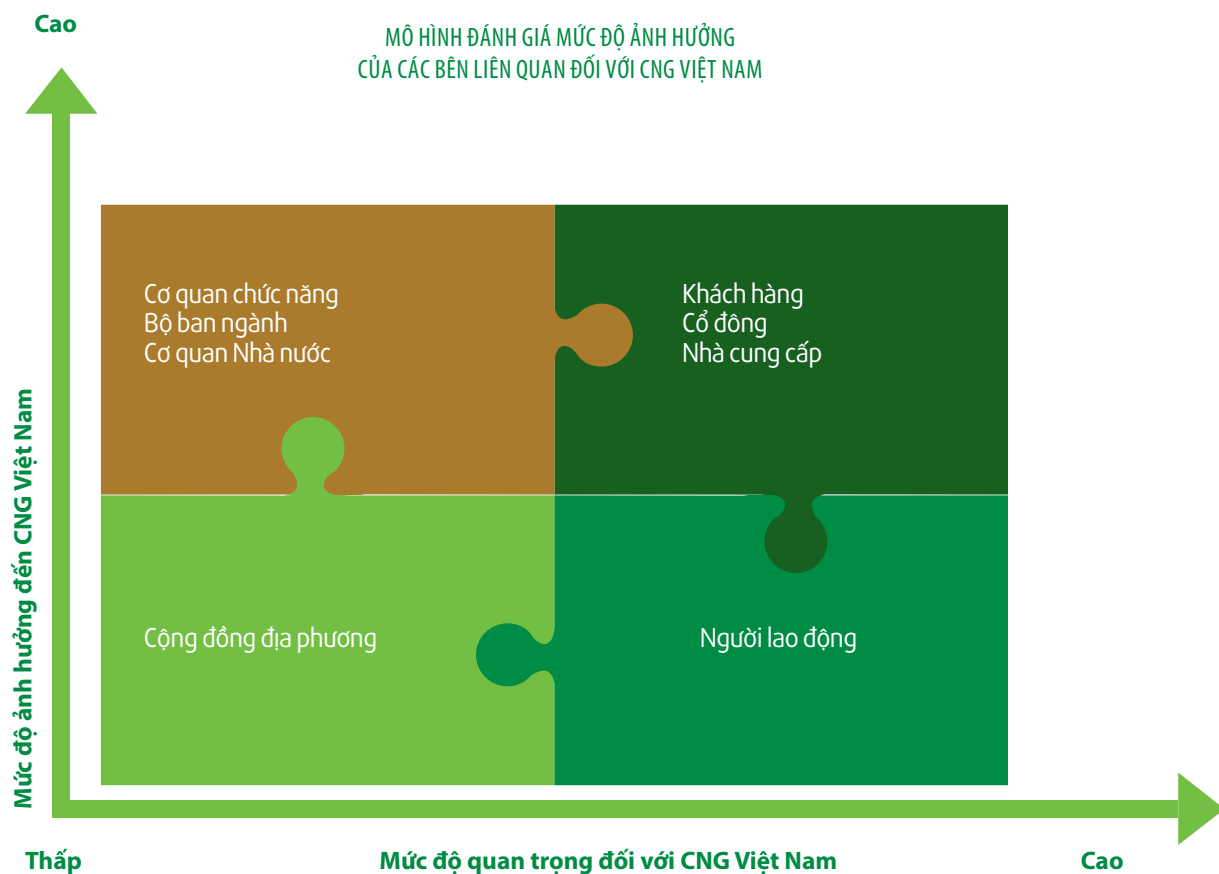




**CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG**

Là công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và phân phối khí thiên nhiên, cụ thể là CNG, Công ty có mối quan hệ mật thiết với các bên liên quan từ đầu vào đến đầu ra và với cộng đồng – xã hội. Đặt trong bối cảnh kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn, CNG Việt Nam luôn xem các bên liên quan là những đối tác quan trọng bậc nhất và ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động SXKD của Công ty trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Xác định được điều đó, CNG Việt Nam đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. CNG Việt Nam xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương,** dựa trên “Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” bên dưới.







**CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD**

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, CNG Việt Nam có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.







BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
  <p><b>KHÁCH HÀNG</b></p>	<p>Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”.</p> <p>Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”.</p> <p>Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.</p> <p>Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu (giá FO, LPG) có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.</p> <p>Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng.</p>	<p>Giá khí, chất lượng khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.</p> <p>An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường.</p> <p>Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.</p>	<p>Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</p> <p>Xã hội</p> <p>Môi trường</p> <p>Phân tích chi tiết tình hình tài chính</p>
  <p><b>CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ</b></p>	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.</p> <p>Viếng thăm Công ty, nhà máy.</p> <p>Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại.</p> <p>Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.</p> <p>Tiếp nhận phản hồi qua website.</p> <p>Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.</p> <p>Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.</p> <p>Công bố thông tin theo quy định.</p>	<p>Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.</p> <p>Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.</p> <p>(5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Báo cáo của Hội đồng Quản trị</p> <p>Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</p> <p>Phân tích chi tiết tình hình tài chính</p>
  <p><b>NHÀ CUNG CẤP</b></p>	<p>PVGas là công ty mẹ và cũng là nhà cung cấp khí CNG duy nhất. Ngoài ra, CNG Việt Nam còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì-bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung khí CNG cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.</p> <p>Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.</p> <p>Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.</p> <p>(2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa CNG, LNG.</p> <p>(3) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.</p> <p>(4) Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối LNG.</p>	<p>Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</p> <p>Phân tích chi tiết tình hình tài chính</p>





**CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD (tiếp theo)**

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
  <p><b>NGƯỜI LAO ĐỘNG</b></p>	<p>Đánh giá thành tích của các đợt bỏ nhiệm và xem xét lương.</p> <p>Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.</p> <p>Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.</p> <p>“Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc” theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.</p>	<p>Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...</p> <p>Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.</p> <p>Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.</p>	<p>(5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Xã hội</p> <p>Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</p> <p>Phân tích chi tiết tình hình tài chính</p>
  <p><b>CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b></p>	<p>Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do các cơ quan trung ương, sở ban ngành tổ chức.</p> <p>Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn.</p> <p>Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dầu khí.</p>	<p>Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.</p> <p>Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p> <p>(5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Môi trường</p> <p>Xã hội</p> <p>Đóng góp kinh tế</p>
  <p><b>CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</b></p>	<p>Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.</p> <p>Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.</p> <p>Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p>	<p>Môi trường</p> <p>Xã hội</p> <p>Đóng góp kinh tế</p>





**CNG Việt Nam thực hiện quản trị phát triển bền vững bằng cách gắn kết các mối quan tâm, kỳ vọng của các bên liên quan trọng yếu vào chiến lược hoạt động của Công ty. Theo đó, một trong những trọng tâm trong điều hành của Ban lãnh đạo CNG Việt Nam là đạt được các mục tiêu về chất lượng, an toàn và môi trường bằng việc duy trì hiệu quả Hệ thống quản lý tích hợp “An toàn – Chất lượng – Môi trường”. Bên cạnh đó, Công ty còn có cơ chế để kiểm soát các rủi ro phát sinh để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không bị ảnh hưởng và nếu có xảy ra, sẽ giảm thiểu được mức thiệt hại cho các bên liên quan.**

## **HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP “AN TOÀN – CHẤT LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG”**

Ban lãnh đạo CNG Việt Nam đã đưa hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 hợp thành Hệ thống quản trị tích hợp (Integrated management systems – IMS) áp dụng trong các hoạt động của Công ty. Hệ thống IMS này đã được Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận, cấp chứng chỉ.

Hệ thống IMS của Công ty là nhằm ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản, môi trường và thỏa mãn nhu cầu khách hàng trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối khí CNG. Để thực hiện chính sách này, CNG Việt Nam cam kết thiết lập và duy trì một Hệ thống quản trị tích hợp (IMS) đảm bảo:

1. Tuân thủ luật pháp hiện hành và các yêu cầu khác từ các bên liên quan;
2. Đáp ứng các yêu cầu quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế;
3. Phù hợp với cơ cấu tổ chức của CNG Việt Nam;
4. Kiểm soát các nguy hiểm, rủi ro có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, hư hỏng tài sản, tác hại môi trường và chất lượng sản phẩm dịch vụ;
5. Được định kỳ xem xét và không ngừng cải tiến;
6. Được thấu hiểu thông suốt trong toàn thể CBCNV và phổ biến đến các bên liên quan.

### **ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP (IMS)**

Các quy trình hoạt động được chuẩn hóa bằng văn bản, phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, CBCNV, giúp thực hiện công việc đúng ngay từ đầu, có sự kiểm soát chặt chẽ, qua đó giảm khối lượng công việc làm lại, giảm được lãng phí về thời gian, nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất và là cơ sở để Công ty ngày càng hoàn thiện công tác quản lý.

Cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, theo dõi sự không phù hợp, đánh giá sự hài lòng của khách hàng, đánh giá nội bộ và đánh giá giám sát của bên ngoài... đã tạo cơ hội thường xuyên để Công ty thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến hiệu quả hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hướng đến sự thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ và đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu của tiêu chuẩn, giảm thiểu rủi ro, không có tai nạn lao động, thể hiện sự quan tâm của Công ty đến môi trường làm việc an toàn, sức khỏe của người lao động cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng, đối với xã hội.

Việc xây dựng và áp dụng thành công Hệ thống IMS theo các tiêu chuẩn quốc tế góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu có uy tín, đi đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch, an toàn, thân thiện với môi trường.



**HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP “AN TOÀN – CHẤT LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG” (tiếp theo)**

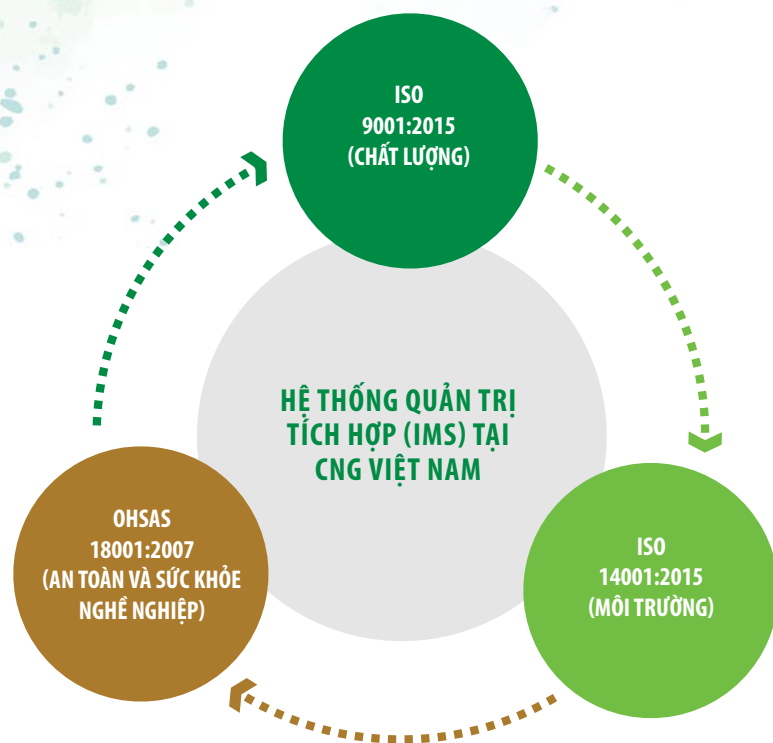
**CƠ CẤU HỆ THỐNG QUẢN TRỊ  
TÍCH HỢP (IMS) TẠI CNG VIỆT NAM**

**MỤC TIÊU:**

ISO 9001:2015: Thiết lập các quá trình hoạt động của Công ty và kiểm soát các hoạt động thông qua các chỉ số đo lường hiệu lực của quá trình, qua thực hiện cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cho khách hàng.

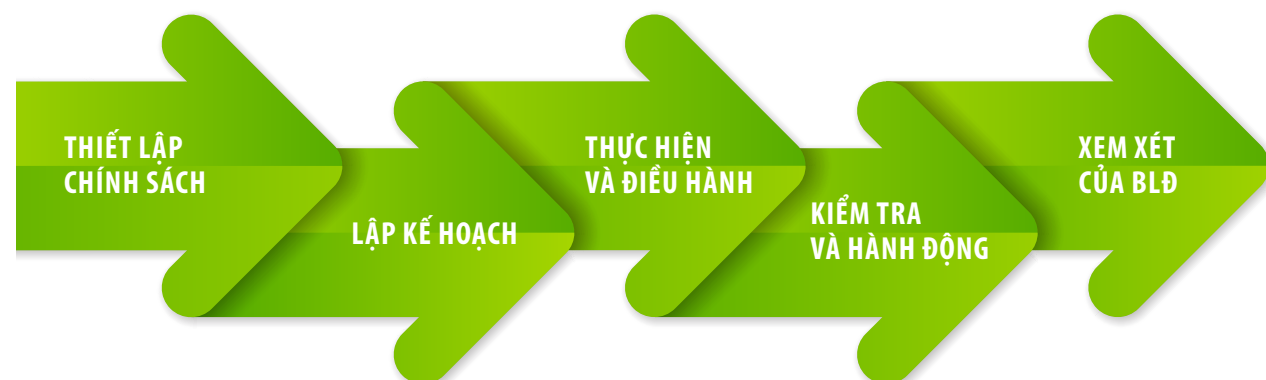
ISO 14001:2015: Nhận diện các mối nguy về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh và đưa ra các biện pháp kiểm soát để đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường đồng thời tuân thủ các luật pháp về bảo vệ môi trường.

OHSAS 18001:2007: Nhận diện các rủi ro về an toàn, sức khỏe của người lao động và đưa ra các biện pháp kiểm soát để đảm bảo an toàn và sức khỏe của người lao động cũng như thiệt hại về tài sản đồng thời tuân thủ luật pháp về An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp.



**MÔ HÌNH CẤU TRÚC**

Các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 trong Hệ thống quản trị tích hợp (IMS) của CNG Việt Nam được xây dựng dựa trên mô hình P-D-A-C (Plan – Do – Act – Check) và có chung mô hình cấu trúc như sau:



**QUẢN TRỊ RỦI RO**



**QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP**

Rủi ro tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và có tác động rất đa dạng đến hoạt động kinh doanh. Vì thế việc quy định nhiệm vụ, trách nhiệm cho từng cấp là điều cần thiết nhằm đảm bảo quá trình quản trị rủi ro được hiệu quả.

CNG thực hiện việc phân cấp trách nhiệm theo chiều dọc nhằm đảm bảo quy trình quản trị không những hạn chế rủi ro ở mức tối đa mà còn phù hợp với định hướng phát triển trong dài hạn.







**QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

STT	RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
01	<b>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO</b>	Hiệu quả kinh doanh Kế hoạch kinh doanh trung hạn	CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí nén CNG. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.  Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty được áp dụng dẫn theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua nhiên liệu theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Với hệ thống kho chứa lớn giúp Công ty có thể đạt mức chiết khấu giá đầu vào tốt hơn.  Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.  Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.  Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.  Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.
02	<b>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</b>	Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro Kế hoạch kinh doanh trung hạn  Mục tiêu chiến lược dài hạn	Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.	Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.  Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.  Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.
03	<b>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</b>	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn  Hiệu quả kinh doanh	Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty.  Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá CNG sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.	Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.  Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.  Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, CNG luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.  Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.  Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.  Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả. Ưu tiên lựa chọn các khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu Sm <sup>3</sup> /năm trở lên và khoảng cách ngắn hơn 150km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư.

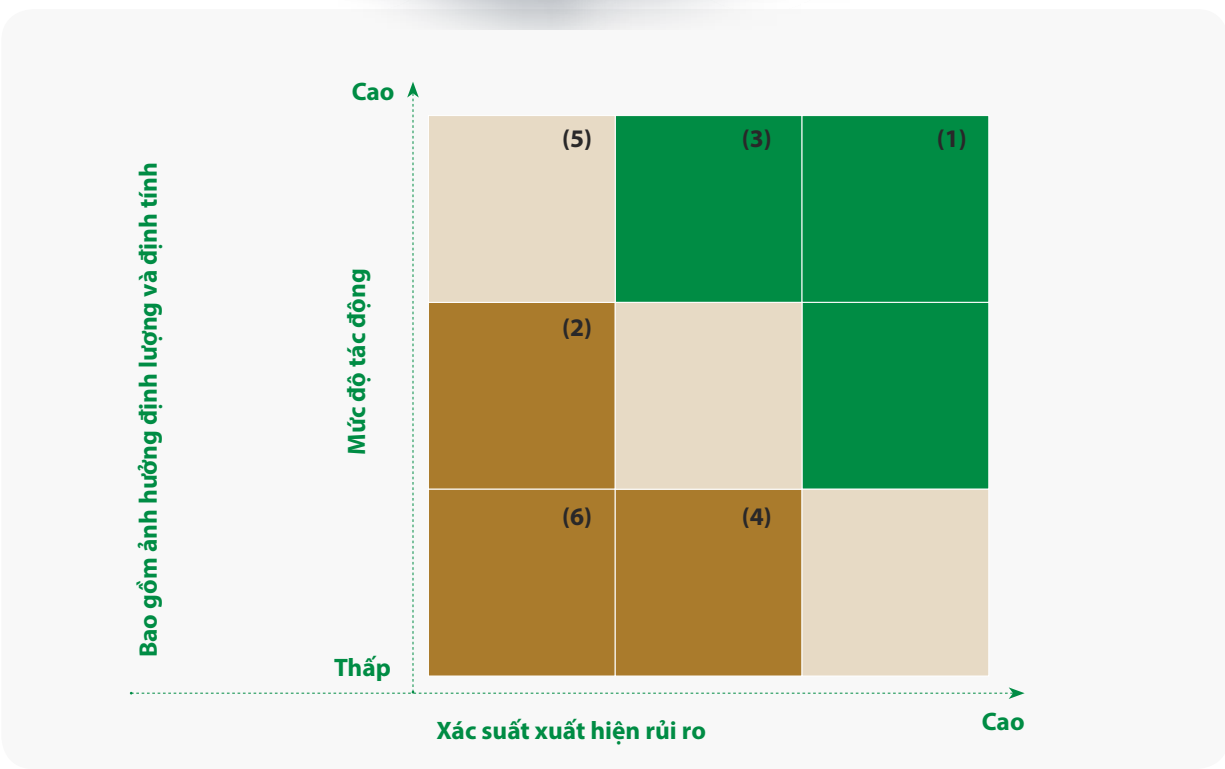


**QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

STT	RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
04	<b>RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</b>	Hiệu quả kinh doanh	<p>Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.</p> <p>Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.</p>	<p>Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.</p> <p>Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nói lời về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.</p> <p>Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.</p> <p>Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 12 ngày trở lên của khách hàng.</p> <p>Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.</p> <p>Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.</p>
05	<b>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</b>	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Danh tiếng của Công ty	<p>Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của CNG luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.</p> <p>Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.</p>	<p>Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.</p> <p>CNG hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 &amp; OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.</p> <p>Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.</p> <p>Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.</p> <p>Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.</p>
06	<b>RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ</b>	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	<p>Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm.</p> <p>Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kĩ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.</p>	<p>Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.</p> <p>CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.</p>



MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO  
LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CNG VIỆT NAM



CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT của CNG Việt Nam hiện có 05 thành viên, bao gồm 02 Nữ chiếm tỷ lệ 40%. Cơ cấu HĐQT bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên trong đó 02 thành viên kiêm nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc, 01 thành viên chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên trong HĐQT có sự đa dạng về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quản lý điều hành đã được khẳng định qua nhiều năm công tác trong ngành Dầu khí. Điều này giúp đảm bảo HĐQT hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp và phù hợp với các chuẩn mực quản trị tiên tiến.



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp (%)	Lý do
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	4/4	100%	
3	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên HĐQT chuyên trách	4/4	100%	
4	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập	4/4	100%	
5	Ông Bùi Văn Đản	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	3/4	75%	Nghỉ phép

**Các tiểu ban trong HĐQT:** HĐQT chưa lập ra các tiểu ban vì nhận thấy chưa cần thiết trong bối cảnh hiện tại của Công ty.



## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

HĐQT trong năm 2018 đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động, điều hành của Công ty, trong đó tập trung vào các công tác: Xây dựng chiến lược, Giám sát và quản lý hiệu quả hoạt động, Giám sát hiệu quả quản trị của bộ máy lãnh đạo và Quản trị rủi ro.

VAI TRÒ	NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	CÁCH THỨC THỰC HIỆN
<b>XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>★ Xây dựng chiến lược kinh doanh, phương hướng hoạt động và định hình giá trị dài hạn của Công ty.</li> <li>★ Chịu trách nhiệm xét duyệt và chấp thuận các kế hoạch hoạt động thường niên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>★ Hợp tác, làm việc với đội ngũ điều hành nhằm nắm bắt sự thay đổi, phát triển của nhu cầu thị trường trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Qua đó nhận thức kịp thời các cơ hội mới và rủi ro tiềm ẩn để đưa ra các chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp.</li> <li>★ Liên tục truyền tải chiến lược phát triển, mục tiêu hoạt động cốt lõi đến các bộ phận chủ chốt trên nền tảng liên tục, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu đề ra.</li> <li>★ Bên cạnh việc hoạch định tầm nhìn và chiến lược, sự ghi nhận nỗ lực của nhân viên cũng được HĐQT quan tâm chú trọng. Sự phát triển của chính sách thù lao và lương thưởng luôn được HĐQT xem xét thường xuyên.</li> </ul>
<b>GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>★ Giám sát hiệu quả hoạt động của CNG Việt Nam.</li> <li>★ Đảm bảo kết quả hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt kế hoạch và chiến lược đề ra.</li> <li>★ Các báo cáo được thực hiện bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Báo cáo của Ban điều hành</li> <li>• Báo cáo hiệu quả hoạt động</li> <li>• Báo cáo tình hình tài chính</li> <li>• Báo cáo hoạt động đầu tư</li> <li>• Vấn đề cổ tức cho cổ đông</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>★ Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của Công ty.</li> <li>★ Tiếp nhận các đánh giá về hiệu quả hoạt động dựa trên các nhóm chỉ tiêu đánh giá riêng biệt.</li> <li>★ Dựa trên kết quả hoạt động thực tế, đưa ra yêu cầu cần thiết về sự cải thiện hiệu quả hoạt động cùng việc thực hiện các giám sát hoạt động thường xuyên trong năm tài chính.</li> <li>★ Xây dựng và đánh giá chính sách phân phối thu nhập cho cổ đông định kỳ hàng quý và năm dựa trên thành quả hoạt động của Công ty.</li> <li>★ Lắng nghe và tiếp nhận các ý kiến đóng góp của nhân viên, người lao động thông qua các khảo sát ý kiến định kỳ. Các khảo sát ý kiến nhân viên được dựa trên sự đo lường mức độ tích hợp giá trị Công ty vào văn hóa của doanh nghiệp trên nền tảng hoạt động kinh doanh cốt lõi.</li> </ul>
<b>GIÁM SÁT HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CỦA BỘ MÁY LÃNH ĐẠO</b>	Sự thành công của công tác quản trị HĐQT và Ban điều hành	Đóng vai trò chủ chốt đối với sự vận hành của con tàu CNG Việt Nam, việc duy trì tính liên tục và sự phù hợp của bộ máy lãnh đạo luôn được chú trọng trong nhiều năm qua. Do đó, HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc lựa chọn nhân sự phù hợp nhất về chuyên môn và văn hóa hoạt động của Công ty.
<b>QUẢN TRỊ RỦI RO</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>★ Đảm bảo sự nhận dạng chính xác các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty.</li> <li>★ Đảm bảo quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro diễn ra chính xác và kịp thời.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>★ HĐQT, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bộ phận chức năng, thường xuyên đánh giá quy trình quản trị rủi ro.</li> <li>★ Đánh giá tính hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty. Đưa ra những sự điều chỉnh kịp thời khi cần thiết.</li> <li>★ Thiết lập quy trình đánh giá tác động lên lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận tài chính từ biến động giá nhiên liệu đầu vào. Xây dựng các kịch bản giá nhiên liệu và cách thức Công ty phản ứng với các biến động ngoài dự kiến của thị trường dầu mỏ và thị trường khí thiên nhiên.</li> </ul>



## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018 (tiếp theo)

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT như kế hoạch kinh doanh, quy chế tài chính, hoạt động đầu tư, quy chế lương thưởng... Những định hướng và giải pháp của HĐQT đã giúp Công ty vận hành đúng chiến lược, giải quyết được những vấn đề cấp bách đặc biệt trong bối cảnh thị trường dầu khí biến động mạnh, công tác vận hành hoạt động hiệu quả cao.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	10/01/2018	Nghị quyết Hội đồng Quản trị về kết quả SXKD năm 2017
2	13/QĐ-CNG	16/01/2018	Chuyển xếp lương cho Ban quản lý, điều hành Công ty
3	32/QĐ-CNG	30/01/2018	Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV
4	02/NQ-HĐQT	26/02/2018	Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018
5	66/QĐ-CNG	02/3/2018	Ban hành Quy chế tài chính Công ty (sửa đổi lần 2)
6	75/QĐ-CNG	5/3/2018	Phê duyệt cơ cấu tổ chức các Phòng khối điều hành Công ty
7	135/QĐ-CNG	21/3/2018	Điều chỉnh quy mô và tổng vốn đầu tư dự án CNG Việt Nam
8	136/QĐ-CNG	21/3/2018	Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho Báo chí, Cơ quan quản lý nhà nước
9	03/NQ-HĐQT	30/3/2018	Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017
10	182/QĐ-CNG	13/4/2018	Ban hành Quy chế thưởng an toàn
11	04/NQ-HĐQT	9/4/2018	Nghị quyết Hội đồng Quản trị Quý 1/2018
12	192/QĐ-CNG	20/4/2018	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty
13	263/QĐ-CNG	11/6/2018	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 196/QĐ-CNG ngày 7/7/2016 về Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu của Công ty
14	06/NQ-HĐQT	9/7/2018	Nghị quyết Hội đồng Quản trị Quý 2/2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
15	298/QĐ-CNG	10/7/2018	Quy chế chế độ công tác phí trong nước đối với CBCNV
16	317/QĐ-CNG	26/7/2018	Định mức cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Nam
17	367/QĐ-CNG	24/8/2018	Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh miền Bắc
18	368/QĐ-CNG	24/8/2018	Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Phú Mỹ
19	375/QĐ-CNG	5/9/2018	Định mức cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Bắc và Định mức tiêu hao năng lượng xe Innova biển số 72A 260.14
20	07/NQ-HĐQT	1/10/2018	Nghị quyết Hội đồng Quản trị Quý 3/2018
21	459/QĐ-CNG	12/11/2018	Quyết định phê duyệt định mức cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Nam cho 3 khách hàng mới
22	460/QĐ-CNG	12/11/2018	Quyết định Quy chế tài chính của các chi nhánh trực thuộc Công ty
23	497/QĐ-CNG	6/12/2018	Quyết định Quy chế thưởng an toàn của Công ty CP CNG Việt Nam
24	08/NQ-HĐQT	2/1/2019	Nghị quyết Hội đồng Quản trị Quý 4/2018
25	367/QĐ-CNG	24/8/2018	Quyết định phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của CN Miền Bắc
26	368/QĐ-CNG	24/8/2018	Quyết định phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của CN Phú Mỹ
27	375/QĐ-CNG	5/9/2018	Quyết định Định mức cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Bắc và Định mức tiêu hao năng lượng xe Innova biển số 72A 260.14
28	07/NQ-HĐQT	1/10/2018	Nghị quyết Hội đồng Quản trị Quý 3/2018
29	459/QĐ-CNG	12/11/2018	Quyết định phê duyệt định mức cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Nam cho 3 khách hàng mới
30	460/QĐ-CNG	12/11/2018	Quyết định Quy chế tài chính của các chi nhánh trực thuộc Công ty





## ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2018

**Quản trị công ty là nền tảng thiết yếu để tạo ra năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu quả lâu dài, và nâng cao khả năng điều chỉnh với những thay đổi.**

Quản trị công ty là nền tảng thiết yếu để tạo ra năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu quả lâu dài, và nâng cao khả năng điều chỉnh với những thay đổi. CNG Việt Nam luôn đảm bảo hoạt động Quản trị công ty tuân thủ các nguyên tắc: Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả, Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông, Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty, Minh bạch trong hoạt động của Công ty, và HĐQT định hướng và giám sát, BKS kiểm soát Công ty hiệu quả.

### TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA PHÁP LUẬT

Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ đều được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng dựa trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Các công tác đầu tư xây dựng của Công ty được thực hiện dựa trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật đầu thầu và quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

Về chế độ báo cáo, công bố thông tin, CNG Việt Nam cũng chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với các công ty niêm yết. Các thông tin được công bố kịp thời và đầy đủ trên website Công ty.

Nguyên tắc quản trị này được quy định tại Điều 3 Quy chế quản trị nội bộ năm 2018. CNG Việt Nam luôn coi trọng việc xem xét và cập nhật Quy chế quản trị nội bộ cũng như Điều lệ công ty theo các nguyên tắc quản trị quốc tế và thông lệ thực hành quản trị tốt. Cụ thể, Quy chế quản trị nội bộ được sửa đổi và phê duyệt dựa trên Quyết định số 192/QĐ-CNG, ngày 20/04/2018; và Điều lệ Công ty cũng được sửa đổi lần thứ 13 và thông qua ngày 18/04/2018.

### ĐẢM BẢO CƠ CẤU QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

Hiện nay, CNG Việt Nam hoạt động với bộ máy quản trị gồm những thành viên có kinh nghiệm dày dặn trong nghề cũng như kiến thức chuyên môn vững chắc trong ngành Dầu khí. Ngoài ra, HĐQT Công ty cũng tuân thủ quy định về việc tối thiểu 1/3 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.

Trong năm 2018, CNG Việt Nam thông qua nhiều quyết định liên quan đến cơ cấu tổ chức và quy chế tổ chức hoạt động nhằm tăng cường hiệu quả cơ cấu quản trị. Cụ thể, ngày 05/03/2018, Quyết định số 75/QĐ-CNG về việc Phê duyệt cơ cấu tổ chức các Phòng khối điều hành Công ty, Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu của Công ty được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 263/QĐ-CNG, thông qua ngày 11/6/2018. Ngoài ra, ngày 24/8/2018, Quyết định số 367/QĐ-CNG và 368/QĐ-CNG về Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh miền Bắc & Chi nhánh Phú Mỹ được thông qua.

Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng. Hiện tất cả các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ về Quản trị công ty. Các thành viên trong Ban lãnh đạo, Thư ký Công ty thường xuyên tham gia các chương trình, hội thảo, phổ biến kiến thức về quản trị công ty, công bố công ty, thẻ điểm quản trị... do HOSE, UBCKNN, IFC... tổ chức, nhằm ứng dụng các kiến thức hiện đại vào công tác quản trị tại CNG Việt Nam, không ngừng nâng cao chất lượng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế.

### ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

Điều 22 Điều lệ Công ty quy định các nghị quyết và quyết định được thông qua với ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông, và các nghị quyết, quyết định có nội dung quan trọng thì cần ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền, phiếu biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Điều này sẽ đảm bảo được quyền lợi và công bằng cho các cổ đông của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 13 và 14 Điều lệ Công ty để cổ đông hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Hoạt động giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của các công trình được BKS liên tục thực hiện nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

Những người được tiếp cận các thông tin nội bộ không được phép mua bán cũng như không được dùng thông tin đó tư vấn hoặc xui khiến người khác mua chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình tiếp cận. Điều này được quy định chi tiết tại điều 50 Quy chế quản trị nội bộ nhằm đảm bảo quyền lợi và công bằng cho cổ đông.

Điều 48 Quy chế quản trị nội bộ cũng quy định việc công bố thông tin phải được thực hiện theo những phương thức mà cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời.

### ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Trách nhiệm với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty như cổ đông, người lao động, cộng đồng-xã hội luôn được CNG Việt Nam coi trọng. Các chính sách, chế độ và quy chế lương thưởng được Công ty quan tâm, thông qua việc đưa ra khá nhiều quyết định liên quan trong năm 2018. Cụ thể, Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV, Quy chế thưởng an toàn, Quy chế chế độ công tác phí trong nước đối với CBCNV lần lượt được quy định tại các Quyết định số 32/QĐ-CNG, 182/QĐ-CNG, 497/QĐ-CNG, 298/QĐ-CNG, và được thông qua trong năm 2018.

Việc Chuyển xếp lương cho Ban quản lý, điều hành Công ty được thông qua ngày 16/01/2018 theo Quyết định số 13/QĐ-CNG.

Tiền lương và thù lao cho CBCNV cũng là một trong những hành động đảm bảo lợi ích cho các Bên liên quan. Ngày 30/3/2018, Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 được thông qua dựa trên Quyết định số 03/NQ-HĐQT.

### MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hiện tại, HĐQT của CNG Việt Nam hoạt động với 01 thành viên HĐQT chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập trên tổng số 05 thành viên HĐQT nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.

Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD và Kế toán trưởng được công khai chi tiết tại BCTN 2018 của Công ty nhằm thể hiện tính minh bạch trong hoạt động.

Các biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định đều được công bố tại website Công ty. Ngoài ra, BCTN và BCTC cũng được đăng tải trên website Công ty bằng tiếng Anh và tiếng Việt giúp cổ đông trong và ngoài nước có thể theo dõi, góp phần đảm bảo công bằng cho cổ đông.

Ngày 21/03/2018, Quyết định số 136/QĐ-CNG về việc Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho Báo chí, Cơ quan quản lý nhà nước được thông qua nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.

Quy chế tài chính Công ty được sửa đổi lần 2 theo Quyết định số 66/QĐ-CNG ngày 02/3/2018 và Quyết định Quy chế tài chính của các chi nhánh trực thuộc Công ty dựa trên Quyết định số 460/QĐ-CNG được thông qua với mục tiêu nâng cao tính minh bạch cho hoạt động tài chính của Công ty.

### HĐQT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIÁM SÁT, BKS KIỂM SOÁT CÔNG TY HIỆU QUẢ

HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ cụ thể dựa trên các mục tiêu và định hướng ĐHĐCĐ để ra. Ngoài ra, HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2018. Bên cạnh đó, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi với BKS, BGD thông qua các cuộc họp định kỳ và kênh thông tin nội bộ nhằm đưa ra các định hướng và quyết định kịp thời.

Các thành viên Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động và đóng góp hiệu quả hơn cho quá trình hoạt động của Công ty.

BKS đã nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót để đảm bảo hoạt động Công ty tuân theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và các nghị quyết ĐHĐCĐ để ra.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

**Trong năm vừa qua, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế.**

Thị trường dầu khí thế giới trong năm 2018 tiếp tục duy trì khởi sắc với sự tăng trưởng của giá dầu. Tuy nhiên, xu hướng biến động khó lường của giá dầu gia tăng mạnh hơn, đặc biệt là trong quý cuối cùng của năm đã khiến việc hoạch định kế hoạch và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều trở ngại. Vì vậy, khả năng biến động mạnh của giá dầu vẫn là vấn đề mà Công ty cần theo dõi trong năm 2019 khi thị trường dầu khí thế giới sẽ đón nhận ảnh hưởng đồng thời của nhiều yếu tố tác động khác nhau.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực

tế. Với quyết tâm, nỗ lực cùng sự đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 do ĐHQĐ giao phó.

### HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Với các giải pháp đồng bộ vừa chăm sóc tốt khách hàng hiện tại vừa đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, CNG Việt Nam đã cấp khí cho 06 khách hàng mới, trong đó có 02 khách hàng đã ký hợp đồng trong năm 2017 và 04 khách hàng mới ký hợp đồng mua bán khí trong năm 2018. Bên cạnh đó, các chính sách giá và thanh toán linh hoạt cũng đã giúp khách hàng gia tăng lượng khí tiêu thụ. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ khí CNG trong năm 2018 tăng 16,5% so với năm 2017 lên mức 164,6 triệu Sm<sup>3</sup>.

Qua đó, doanh thu tiêu thụ khí năm 2018 đã tăng mạnh 38,8% so với năm 2017 đạt 1.819,2 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt 1.838,2 tỷ đồng, hoàn thành 132% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 114,3 tỷ đồng, hoàn thành 121% kế hoạch năm 2018.

Đây là một kết quả xứng đáng cho những nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV, trong bối cảnh giá dầu tăng mạnh nhưng biến động khó lường trong năm qua, gây không ít khó khăn cho công tác dự báo và điều hành kinh doanh của CNG Việt Nam.

## SẢN XUẤT VÀ AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT

Trong hoạt động kinh doanh của mình, CNG Việt Nam luôn đặt sự an toàn trong công tác sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Công ty đã cải tiến hệ thống quản lý an toàn để đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Trong năm 2018, trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt, tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 là 155,39 tỷ đồng.

Để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả cũng như đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng, Bộ phận đầu tư đã phối hợp cùng phòng kinh doanh và khách hàng, rà soát lại nhu cầu đầu tư để giải ngân cho các dự án một cách hợp lý. Do nhu cầu thực tế và yêu cầu thay đổi thời gian thực hiện dự án của khách hàng nên tổng giá trị giải ngân năm 2018 đã thực hiện là 88,8 tỷ đồng.

## QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Năm 2018, các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được Bộ phận Tài chính – Kế toán và Ban điều hành triển khai thực hiện.

Các chính sách tín dụng đã được quản trị kỹ càng hơn nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh lên hoạt động kinh doanh của Công ty. Song song với mục tiêu kiểm soát rủi ro, Công ty cũng chú trọng đến việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới cũng như gia tăng sự gắn kết của nhóm khách hàng hiện hữu.

Để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho HĐQT, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, HĐQT yêu cầu công tác tài chính chú trọng những vấn đề sau:

- ★ Tăng cường sự chủ động trong công tác quản trị vốn. Đảm bảo nguồn vốn hiện hữu đáp ứng được nhu cầu vốn luân chuyển và kế hoạch đầu tư xây dựng của Công ty.
- ★ Thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng.
- ★ Các biện pháp bảo toàn vốn, bao gồm công tác theo dõi, đánh giá và thu hồi công nợ, trích lập dự phòng nợ xấu khi phát sinh được Công ty tiếp tục quan tâm thực hiện.
- ★ Phối hợp với các ban, nhà máy trên nền tảng liên tục để hoạch định chính xác nhu cầu nguồn vốn dự kiến phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tránh các trường hợp dư thừa hoặc thiếu hụt nguồn vốn luân chuyển đáp ứng cho mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu lợi nhuận.
- ★ Phối hợp thực hiện công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của pháp luật.
- ★ Thực hiện định kỳ việc phân tích triển vọng nền kinh tế, những chuyển biến của ngành nhằm phát hiện các cơ hội và rủi ro và kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty cho phù hợp hơn với thực tế. Trong đó, việc dự báo biến động giá dầu và các kịch bản ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty được xem là một trong các nhiệm vụ trọng yếu.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

### TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.



## GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Nhận thức rõ khó khăn và thách thức mà Công ty phải đối mặt, Ban Giám đốc đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động của Công ty, có chiến lược kinh doanh phù hợp định hướng.

Trong kết quả đánh giá hoạt động năm 2018, HĐQT đề cao các hoạt động sau của Ban Giám đốc:

- ★ Tập trung thực hiện đầy đủ các chiến lược đề ra, cụ thể là sự gia tăng quản trị hoạt động, quản trị chi phí trong một năm tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng từ thị trường dầu khí.
- ★ Trong bối cảnh tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn từ thị trường dầu khí, Ban Giám đốc vẫn nỗ lực hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra cho năm 2018.
- ★ Đánh giá hiệu quả sinh lời, hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của hoạt động kinh doanh cốt lõi. Giám sát sự phân bổ nguồn vốn đầu tư và hiệu quả sinh lời của tài sản, đưa ra các điều chỉnh hợp lý về kế hoạch đầu tư trong tương lai.
- ★ Phối hợp tích cực cùng HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ★ Thấu hiểu tốt hơn mức độ hiệu quả của Công ty trong khả năng truyền tải chiến lược và tầm nhìn của HĐQT. Đạt được góc nhìn sâu sắc hơn về tầm nhìn của cổ đông.

## HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Chủ trương chung của Công ty là luôn luôn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết đến nhà đầu tư khi yêu cầu, tiếp nhận các ý kiến, khuyến nghị từ cổ đông hiện tại và tiềm năng. Công ty luôn có cán bộ phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư (IR) để tạo mối tương tác với cổ đông hiện tại và tiềm năng.

Các kênh tương tác trọng yếu gồm: ĐHĐCĐ thường niên; Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại; Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email; Tiếp nhận phản hồi qua website; Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức; Báo cáo thường niên; Báo cáo phân tích của các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; và Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động tương tác với nhà đầu tư, đặc biệt là việc công bố thông tin luôn được chú trọng không chỉ theo đúng yêu cầu của UBCK và SGDCK mà còn đẩy mạnh ở nhiều kênh tương tác với nhiều thông tin hữu ích về thị trường, về hoạt động sản xuất, hoạt động đầu tư... giúp các cổ đông và nhà đầu tư có nhiều thông tin hữu ích. Điều này góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hình ảnh minh bạch và hiệu quả của CNG Việt Nam, HĐQT và Ban lãnh đạo.

Trong năm 2018, CNG Việt Nam cũng thực hiện chính sách chi trả cổ tức năm 2017 bằng 15% vốn điều lệ, tương đương giá trị 40,5 tỷ đồng.





## ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Trong bối cảnh thị trường dầu khí thế giới có cải thiện nhưng biến động khó lường, HĐQT và Ban điều hành đã làm việc tận tụy, chuyên nghiệp, phối hợp nhịp nhàng nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất, vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.

HĐQT đã không ngừng cải thiện hoạt động của mình tiến tới các chuẩn mực tiên tiến, minh bạch, thúc đẩy toàn bộ hệ thống quản trị Công ty phát huy hiệu quả. Nhờ đó, tất cả các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đều vượt mức kế hoạch do ĐHCĐ giao phó. Cùng với các kế hoạch đầu tư mở rộng đang triển khai, đây là nền tảng để Công ty bứt phá mạnh mẽ trong thời gian tới.

Trong năm 2018, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, chủ động đưa ra các ý kiến đóng góp để hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình.

Năm 2019, thành viên HĐQT độc lập sẽ tiếp tục đồng hành cùng HĐQT và Ban điều hành thảo luận chuyên sâu các giải pháp định hướng để Công ty vượt qua thách thức khi thị trường dầu khí tiếp tục diễn biến phức tạp và cạnh tranh trên thị trường khí trong nước ngày càng khốc liệt.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Biến động của giá dầu thế giới sẽ là biến số quan trọng nhất mà CNG Việt Nam cần lưu tâm. Các yếu tố đan xen như: thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC và Nga, sự suy yếu nhu cầu dầu khí toàn thế giới và rủi ro giảm tốc tăng trưởng kinh tế Trung Quốc... sẽ khiến thị trường dầu khí có thể gia tăng biến động trong năm 2019.**

Năm 2019, nền kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng được cảnh báo có thể chững lại do những ảnh hưởng khó lường từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, đà giảm tốc của kinh tế Trung Quốc, biến động của thị trường dầu khí hay những bất ổn của nền kinh tế Anh đến từ sự kiện Brexit.

Trái ngược với diễn biến không còn duy trì sáng sủa của kinh tế thế giới, tình hình kinh tế trong nước được dự báo sẽ có nhiều khởi sắc với sự tăng trưởng, mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp. Nổi bật trong đó là kỳ vọng tăng trưởng dòng vốn FDI trong năm 2019 và hỗ trợ tích cực cho nhóm doanh nghiệp ngành khí khi nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu tăng cao. Đây sẽ là động lực giúp hoạt động kinh doanh của Công ty khả quan hơn trong năm 2019.

Biến động của giá dầu thế giới sẽ là biến số quan trọng nhất mà CNG Việt Nam cần lưu tâm. Các yếu tố đan xen như: thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC và Nga, sự suy yếu nhu cầu dầu khí toàn thế giới và rủi ro giảm tốc tăng trưởng kinh tế Trung Quốc... sẽ khiến thị trường dầu khí có thể gia tăng biến động trong năm 2019.

Dựa trên hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và nhận định về thị trường trong giai đoạn tiếp theo, HĐQT đã đưa ra kế hoạch và định hướng phát triển của CNG Việt Nam như sau:

### VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT



Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.

Thực hiện đầy đủ các các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ giao phó.

Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định 71 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.

Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.



## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**1**

Về mặt chiến lược, đây là năm đầu tiên thực hiện chiến lược giai đoạn 2019-2025 với 6 định hướng lớn: (1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG. (2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn trữ CNG, LNG. (3) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành. (4) Tiên phong công nghệ tồn trữ, vận chuyển, phân phối LNG. (5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp. (6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.

**2**

Vì vậy, cần tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ CNG ở miền Nam và miền Bắc, đón đầu tiêu thụ LNG tại khu vực Nam bộ. Đồng thời, đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.

**3**

Tăng cường công tác trao đổi với PVGas, đảm bảo nguồn cung khí duy trì ổn định với mức chi phí đầu vào hợp lý. Sẵn sàng cho mọi kịch bản nhập khẩu LNG khi nguồn cung khí trong nước thiếu hụt.

**4**

Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng. Thực hiện các khảo sát thị trường thường xuyên nhằm tìm kiếm, phát hiện các nhu cầu tiềm ẩn trên thị trường để có chiến lược kinh doanh hợp lý.

**5**

Thường xuyên trao đổi với khách hàng hiện hữu, tìm hiểu yêu cầu và nguyện vọng của khách hàng, thực hiện điều chỉnh chính sách kinh doanh hợp lý mang lại hiệu quả cho cả hai bên, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

**6**

Duy trì chính sách tín dụng hợp lý nhằm tạo sự hài hòa giữa khả năng cạnh tranh và mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

**7**

Tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo khả năng huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau với chi phí vốn hợp lý, đem lại hiệu quả hoạt động cao hơn.

**8**

Tăng cường công tác quản lý nguồn vốn luân chuyển, tạo sự linh động trong cách sử dụng vốn nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao hơn. Đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán cho đối tác và nâng cao uy tín của công ty.

**9**

Thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, chất lượng tài sản nhằm đạt sự tối ưu trong hiệu quả đầu tư vốn cố định.

**10**

Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**11**

Đảm bảo công việc và thu nhập cho CBCNV an tâm công tác. Tăng cường công tác đào tạo và tuyển dụng nhân sự có tay nghề cao gia tăng khả năng cạnh tranh của Công ty với các đối thủ.

**12**

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty, nâng cao uy tín của Công ty, HĐQT và Ban lãnh đạo.

## CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp (%)	Lý do
1	Bà Phan Thị Kim Thoa	Trưởng Ban Kiểm soát	2/2	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Kiểm soát viên	2/2	100%	
3	Ông Nguyễn Quang Bá	Kiểm soát viên	2/2	100%	

### Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- ★ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ. Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty.
- ★ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.
- ★ Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành. Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm trước và sau kiểm toán.

## KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao. Công ty tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí cho khách hàng cũng như bảo vệ an toàn các trạm khí và hành lang an toàn tuyến ống; thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2018.

Công ty tiếp tục thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện cải tiến chính sách tiền lương và phân phối lương, thường theo hướng gắn với hiệu quả công việc dựa trên các chỉ tiêu KPI.

## KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

### VỀ THỰC THI NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.





## KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

### VỀ VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

*Công tác đầu tư:* Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

*Chế độ báo cáo:* Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

### VIỆC BAN HÀNH CÁC QUI CHẾ, QUI ĐỊNH NỘI BỘ

Được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các qui định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của CNG Việt Nam.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ để ra hàng năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Để thực hiện tốt công tác soát xét theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2018 như sau:

- ★ Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- ★ Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- ★ Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- ★ Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.
- ★ Xem xét thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- ★ Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.
- ★ Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

Chức danh	Lương, thù lao năm 2018 (Đồng)
<b>I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>4.550.966.396</b>
Chủ tịch HĐQT chuyên trách	854.057.587
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	979.163.010
Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	891.651.305
Thành viên HĐQT độc lập	926.883.443
Thành viên HĐQT chuyên trách	899.211.051
<b>II. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>703.841.969</b>
Trưởng Ban Kiểm soát	631.841.969
Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người)	72.000.000
<b>III. KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>801.081.151</b>

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	Utilico Emerging Markets Limited	Cổ đông lớn	25/01/2018	1.842.730 CP, tương đương 6,82%	Bán 175.460 CP
2	Utilico Emerging Markets Limited	Cổ đông lớn	19/04/2018	1.580.770 CP, tương đương 5,85%	Bán 40.750 CP
3	Utilico Emerging Markets Limited	Cổ đông lớn	25/09/2018	1.409.320 CP, tương đương 5,22%	Bán 63.110 CP

### GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY, THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BGD VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Loại giao dịch	Tình trạng
1	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	Không có
2	Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan, người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ	Không có
3	Giao dịch giữa người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát	Không có
4	Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, BGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong vòng 03 năm trở lại đây	Không có
5	Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành	Không có
6	Các giao dịch khác của Công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành	Không có



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	78
Đầu tư dự án – Nâng cao năng lực sản xuất, cung ứng, tồn trữ	79
Xây dựng thương hiệu và thị trường	80
Sản xuất, vận chuyển và phân phối	82
Quản trị nhân sự và văn hóa doanh nghiệp	84
Phân tích chi tiết tình hình tài chính	86
Định hướng giải pháp và kế hoạch kinh doanh năm 2019	98

*Đoàn kết* **MỘT LÒNG**  
**VÌ MỤC TIÊU CHUNG**





**Năm 2018 tiếp tục là một năm đầy thử thách đối với công tác điều hành của Ban lãnh đạo CNG Việt Nam. Trong năm qua, kinh tế trong nước duy trì đà khởi sắc, giá nhiên liệu thế giới cũng có xu hướng hồi phục so với năm 2017. Tuy nhiên, tình hình địa chính trị thế giới cũng như thị trường tài chính-tiền tệ vẫn diễn biến rất phức tạp, giá dầu đột ngột sụt giảm mạnh kể từ quý 4/2018... đã tác động mạnh đến công tác dự báo, thương thảo hợp đồng, đàm phán giá bán cũng như xây dựng các mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty.**

Với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý, Ban Giám đốc đã nỗ lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng định hướng và kế hoạch đề ra. Với sự đồng thuận cao của CBCNV, sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của PVGas và HĐQT, CNG Việt Nam tiếp tục đạt được những thành quả tích cực.

**Cơ sở khách hàng:** Trong năm 2018, bên cạnh việc chăm sóc tốt các khách hàng hiện tại, Công ty đã không ngừng tìm kiếm và tiếp xúc với khách hàng mới, làm việc với Ban quản lý các KCN để tìm kiếm khách hàng tiềm năng, đồng thời đàm phán để xây dựng trạm cấp khí trung tâm trong các KCN. Tích cực thực hiện các chương trình quảng bá thương hiệu CNG Việt Nam thông qua nhiều hình thức như quảng cáo ngoài trời, quảng cáo trên xe buýt... nhằm hỗ trợ hoạt động bán hàng. Công ty tiếp tục đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG với nhóm ngành nghề sản xuất khác nhau nhằm đảm bảo tính ổn định về sản lượng và giảm bớt sự lệ thuộc vào nhóm khách hàng khi thị trường biến động.

Từ những nỗ lực ấy, năm 2018, Công ty đã cấp khí thêm cho 06 khách hàng mới, trong đó 04 khách hàng mới ký hợp đồng mua bán khí trong năm 2018 và 02 khách hàng khác ký hợp đồng trong năm 2017.

**Sản lượng tiêu thụ và Chỉ tiêu tài chính:** Nhờ cấp khí thêm cho 06 khách hàng mới và khách hàng hiện hữu gia tăng sản lượng, tổng sản lượng tiêu thụ CNG của Công ty năm 2018 đạt 164,6 triệu Sm<sup>3</sup>, vượt mạnh 25% so với kế hoạch và tăng 16% so với năm 2017.

Tổng doanh thu (gồm doanh thu tiêu thụ khí và doanh thu tài chính, doanh thu khác) đạt 1.838,2 tỷ đồng, vượt 32% kế hoạch đề ra và tăng trưởng 39% so với năm 2017. Trong khi đó, tổng chi phí trong năm 2018 ở mức 1.693,8 tỷ đồng, tăng mạnh 43% so với năm 2017 chủ yếu do giá khí đầu vào tăng cao.

Công ty ghi nhận LNTT đạt 145,2 tỷ đồng và LNST đạt 114,3 tỷ đồng, tương ứng vượt 23% và 21% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao phó. Các con số LNTT và LNST này cũng lần lượt tăng trưởng 102% và 105% so với năm 2017, thể hiện sự cố gắng vượt bậc của Công ty trong bối cảnh ngành Dầu khí diễn biến không hoàn toàn thuận lợi.

Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2018			So sánh với năm trước (2018/2017)	
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
<b>Sản lượng khí tiêu thụ</b>	Triệu Sm <sup>3</sup>	132,0	<b>164,6</b>	125%	141,3	116%
Miền Nam	Triệu Sm <sup>3</sup>	122,0	<b>136,4</b>	112%	114,9	119%
Miền Bắc	Triệu Sm <sup>3</sup>	10,0	<b>28,2</b>	282%	26,4	107%
<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	1.395,7	<b>1.838,2</b>	132%	1.324,5	139%
<b>Tổng chi phí</b>	Tỷ đồng	1.277,8	<b>1.693,8</b>	133%	1.182,1	143%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	117,9	<b>145,2</b>	123%	142,4	102%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	94,3	<b>114,3</b>	121%	109,3	105%

Việc đầu tư các dự án, nhà máy sản xuất và phương tiện vận chuyển, tồn trữ... là công tác trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh doanh của CNG Việt Nam. Công ty luôn nhất quán với các nguyên tắc sau trong hoạt động đầu tư: (1) Kế hoạch đầu tư phải phù hợp với nhu cầu tăng trưởng doanh thu, dòng tiền và hiệu quả đầu tư nhằm tránh những tác động tiêu cực lên hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. (2) Quản lý nghiêm ngặt công tác giải ngân vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn cho hoạt động đầu tư, hạn chế các hoạt động đầu tư dàn trải ngoài ngành. (3) Theo dõi, giám sát, đôn đốc chặt chẽ quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.

### TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM KCN THUẬN ĐẠO - LONG AN

Công ty đã hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Thuận Đạo, tỉnh Long An và cấp khí cho các khách hàng trong KCN này với tổng số vốn đầu tư giải ngân thêm trong năm 2018 là 3,38 tỷ đồng. KCN Thuận Đạo là một trong những KCN tư nhân đầu tiên tại Việt Nam, tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, gần kề với trung tâm kinh tế TP.HCM và là cửa ngõ giao thương giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đồng bằng Sông Cửu Long. Với hoạt động sản xuất công nghiệp sôi động, đây là đầu mối phân phối CNG cho rất nhiều khách hàng tiềm năng ở Long An, giúp Công ty mở rộng cơ sở khách hàng và là một động lực tăng trưởng của Công ty trong thời gian tới.



### MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

CNG Việt Nam tiếp tục đầu tư vào hệ thống trang thiết bị để đảm bảo khả năng sản xuất và cung ứng. Cụ thể:

- ★ Hệ thống máy nén khí phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018:
  - Hoàn thành mua sắm và lắp đặt 04 máy nén khí và đưa vào sử dụng ngày 7/12/2018, đúng tiến độ.
  - Hoàn thành báo cáo đánh giá tác động môi trường nâng công suất Dự án CNG Việt Nam lên 185 triệu Sm<sup>3</sup>/năm.
- ★ Hệ thống PRU phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 (05 PRU): Hoàn thành mua sắm 05 PRU đúng tiến độ.
- ★ Mua sắm thiết bị khác phục vụ SXKD: Mua sắm 01 máy phát điện tại chi nhánh Phú Mỹ.

### TRỤ SỞ VĂN PHÒNG CNG VIỆT NAM VÀ CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Trong năm 2018, CNG Việt Nam còn thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty và Văn phòng Chi nhánh Phú Mỹ. Hai dự án đều chậm tiến độ do có sự thay đổi thiết kế thi công để phù hợp nhu cầu sử dụng.

Trụ sở Văn phòng Chi nhánh Phú Mỹ đã nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Đối với Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam, tiến độ cụ thể như sau:

- ★ Xin cấp chứng chỉ quy hoạch: Hoàn thành
- ★ Phê duyệt PCCC: Hoàn thành
- ★ Phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường: Hoàn thành
- ★ Lập báo cáo nghiên cứu khả thi và mô phỏng diễn họa thiết kế kiến trúc công trình: Hoàn thành
- ★ Lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán: Đang thực hiện

**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN:** Tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư trong năm 2018 là 88,8 tỷ đồng, đạt 57,14% so với kế hoạch.

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Dự án	Vốn giải ngân năm 2018
1	Trạm cấp khí trung tâm Thuận Đạo Long An	3,38
2	Mua sắm và lắp đặt 04 máy nén 2.000 SM <sup>3</sup> – 2.500 SM <sup>3</sup> , áp suất nén 250 Bar, áp suất đầu vào 18 Bar	45,38
3	Mua sắm 05 PRU	24,21
	Mua sắm thiết bị khác phục vụ SXKD (Máy phát điện CN Phú Mỹ)	5,62
4	Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam	0,76
5	Văn phòng chi nhánh Phú Mỹ	9,44
	<b>Tổng cộng</b>	<b>88,8</b>



**Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nhiều công tác chẳng hạn như: thiết kế lại hệ thống nhận diện thương hiệu cho CNG Việt Nam, đồng thời triển khai áp dụng trong toàn bộ Công ty từ Văn phòng cho đến nhà máy, phương tiện vận tải...**



Nhằm mục tiêu đưa thương hiệu CNG Việt Nam ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư, trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nhiều công tác chẳng hạn như: thiết kế lại hệ thống nhận diện thương hiệu cho CNG Việt Nam, đồng thời triển khai áp dụng trong toàn bộ Công ty từ Văn phòng cho đến nhà máy, phương tiện vận tải... Công ty cũng tích cực triển khai các hoạt động quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG bằng các bảng quảng cáo ngoài trời, quảng cáo trên xe buýt... để không ngừng phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến khắp cả nước.

Bên cạnh công tác thương hiệu, CNG Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng và phát triển thị trường thông qua tiếp xúc và các chính sách phát triển thị trường, chính sách bán hàng, chính sách tín dụng và các chương trình hỗ trợ hợp lý:

- ★ Tích cực mở rộng mạng lưới khách hàng, đặc biệt đẩy mạnh khu vực thị trường phía Bắc và các tỉnh thành trọng điểm công nghiệp Đông Nam Bộ.
- ★ Các chính sách chiết khấu giá, tín dụng, tiếp cận khách hàng theo từng khu vực và giai đoạn nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu.
- ★ Tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định, với các chiến lược đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tìm kiếm khách hàng mới. Đây là giải pháp hợp lý nhằm giảm rủi ro biến động doanh thu trong bối cảnh tính cạnh tranh trong ngành đang diễn ra trong chiều hướng gia tăng.
- ★ Bộ phận chuyên trách về giám sát và dự báo giá dầu tiếp tục bám sát diễn biến thị trường dầu khí thế giới và có các giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động xấu nhất. Phối hợp cùng các phòng ban để đưa ra giải pháp phù hợp, trong đó tập trung vào các giải pháp thị trường phù hợp, giải pháp cân đối dòng tiền, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ★ Phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, nhằm đảm bảo có được nguồn cung cấp khí ổn định, liên tục, đồng thời thảo luận các cơ chế giá thành hợp lý.

Định kỳ mỗi 6 tháng, Công ty thực hiện đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng theo Quy trình bán khí CNG và chăm sóc khách hàng, nhằm để không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự gắn bó của khách hàng, gia tăng uy tín thương hiệu. Sự thỏa mãn của khách hàng được đánh giá căn cứ vào 08 yếu tố:

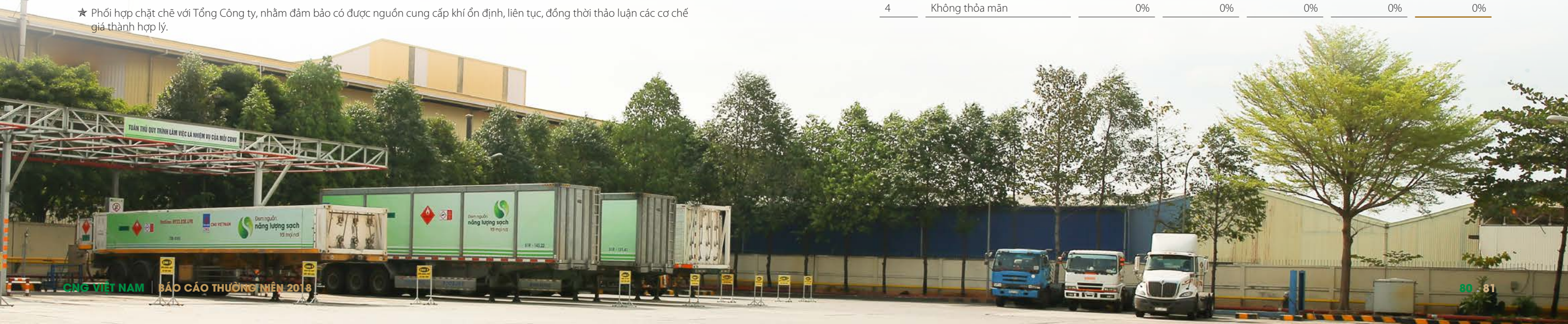


Tất cả các phản hồi, ý kiến của khách hàng đều được các đơn vị ghi nhận, phản hồi khách hàng trong vòng 03 ngày làm việc. Các ý kiến về vấn đề an toàn, kỹ thuật tại các trạm khách hàng được Công ty tích cực xử lý trong thời gian sớm nhất, đảm bảo cấp khí an toàn, liên tục cho khách hàng.

**Kết quả đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng năm 2018:** Kết quả khảo sát năm 2018 cho thấy không có trường hợp nào không hài lòng hoàn toàn với chất lượng khí và dịch vụ của Công ty. Dù vậy, có thể thấy tỷ lệ "Rất thỏa mãn" và "Thỏa mãn" trong năm 2018 có giảm sút so với năm 2017, và mức độ "Chấp nhận được" lại tăng lên đáng kể.

Phân tích sâu hơn cho thấy một số tiêu chí khách hàng chưa hoàn toàn thỏa mãn như sau: (1) Sản lượng khí cung cấp chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng, (2) Mức độ ổn định trong giao nhận khí, (3) Phối hợp của hai bên trong việc vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa, (4) Lập hóa đơn thanh toán, và (5) Công tác bảo đảm an toàn đối với hệ thống cấp khí và việc phối hợp giữa các bên trong việc khắc phục sự cố.

Stt	Mức độ đánh giá	2014	2015	2016	2017	2018
1	Rất thỏa mãn	22,22%	19,05%	25%	22,22%	15%
2	Thỏa mãn	66,67%	66,67%	70,83%	74,08%	72,50%
3	Chấp nhận được	11,10%	14,29%	4,17%	3,7%	12,50%
4	Không thỏa mãn	0%	0%	0%	0%	0%







**Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất và phân phối CNG. Đây là khí thiên nhiên có áp suất cao, phải thường xuyên vận chuyển trên đường đến các khách hàng nên luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro.**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất và phân phối CNG. Đây là khí thiên nhiên có áp suất cao, phải thường xuyên vận chuyển trên đường đến các khách hàng nên luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, sản lượng khí hàng năm tăng, máy móc, thiết bị hoạt động liên tục, khách hàng tiêu thụ CNG có đặc thù sản xuất khác nhau và phân tán tại nhiều nơi thuộc nhiều tỉnh thành, chế độ làm việc ca/kíp... nên yêu cầu đảm bảo triệt để về công tác An toàn – Chất lượng – Môi trường luôn được CNG Việt Nam chú trọng.

### RÀ SOÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN QUẢN LÝ

Công ty tiến hành rà soát và cập nhật Hệ thống văn bản quản lý an toàn chất lượng môi trường, đáp ứng các yêu cầu của Tổng Công ty và theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, 14001: 2015 và OHSAS 18001: 2004, bao gồm:

Loại tài liệu	Công ty	CN Phú Mỹ	CN Miền Bắc	Tổng cộng
Quy trình quản lý hệ thống ATCLMT	17			17
Quy trình kiểm soát hoạt động	22		08	30
Hướng dẫn công việc	13	62	20	95

Thực hiện duy trì và cải tiến hoạt động kiểm tra an toàn và đánh giá nội bộ hệ thống ATCLMT toàn công ty, nhằm phát hiện những điểm không phù hợp và kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa, đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tuân thủ, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật hiện hành.

Sau các đợt kiểm tra an toàn, đánh giá nội bộ và của bên ngoài, Công ty đều phân công các đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai thực hiện các kiến nghị theo đúng tiến độ yêu cầu.

### DUY TRÌ HIỆU QUẢ HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍCH HỢP

Năm qua, Hệ thống quản lý tích hợp ATCLMT nhìn chung đã được duy trì một cách hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn trong suốt quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ, thể hiện qua:

Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác sản xuất và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.

Duy trì công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ tài sản hoạt động. Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban nhằm cải thiện hiệu suất hoạt động và phát hiện kịp thời những thay đổi trọng yếu trong chất lượng tài sản.

Công tác bảo trì, bảo dưỡng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển luôn tuân theo quy định của nhà sản xuất và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa giúp giảm thiểu thời gian dừng vận hành do sự cố, cũng như tận dụng hiệu quả các máy móc phương tiện dù đã hết khấu hao.

Tổ chức thực hiện công tác an toàn - sức khỏe - môi trường, PCCC và ứng cứu các sự cố xảy ra cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.

Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.

### ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN MỤC TIÊU

Năm 2018, Công ty đã xây dựng 4 mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu này, bao gồm: Biện pháp thực hiện mục tiêu, nguồn lực, người chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành, phương pháp đánh giá. Hàng quý, Công ty có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu.

Mục tiêu ATCLMT năm 2018, tính đến 31/12/2018, đã hoàn thành 11/12 chỉ tiêu đề ra, đạt 91.7%.



Stt	Mục tiêu	Tổng số chỉ tiêu	Chỉ tiêu không đạt	Nguyên nhân
1	Đảm bảo sản lượng khí và chất lượng khí cung cấp cho khách hàng.	3	0	
2	Ngăn ngừa sự cố trong hoạt động vận hành, BDSC và xây lắp trên công trình khí.	4	1	Tỷ lệ bảo dưỡng định kỳ đạt 99,68% so với mục tiêu là 100%. Lý do: Một số thiết bị chưa đủ giờ hoạt động để BDSC định kỳ theo kế hoạch.
3	Kiểm soát các hoạt động có khả năng gây tác động đến môi trường	2	0	
4	Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý ATCLMT	3	0	



**Năm 2018, trước nhu cầu phát triển và mở rộng thị trường, Công ty đã gia tăng lực lượng lao động từ 243 người lên 257 người. Các vấn đề liên quan tới người lao động trong năm 2018 như: Việc làm, chế độ chính sách, lương thưởng, bảo hiểm, phúc lợi, hợp đồng lao động, công tác đào tạo, thực hiện dân chủ tại nơi làm việc ... tiếp tục được thực hiện tốt, đảm bảo nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.**

 **257**  
NGƯỜI  
SỐ LƯỢNG CBCNV NĂM 2018

Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống đánh giá công việc dựa trên KPI. Đây là phương pháp đánh giá khoa học, minh bạch, giúp Công ty có thể có cái nhìn chính xác về năng lực của từng CBCNV, qua đó có thể giúp bố trí công việc, luân chuyển hay bổ nhiệm hợp lý, phát huy nhân tài. Song song, Công ty tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện giúp người lao động phát huy tối đa khả năng chuyên môn, tính sáng tạo.



## THỰC HÀNH 5S

Một trong những trọng tâm về tạo dựng môi trường làm việc trong năm 2018 là thực hành 5S. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc triển khai thực hiện 5S tại các địa điểm làm việc mới như nhà Văn phòng Chi nhánh Phú Mỹ, Trung tâm Điều độ Chi nhánh Miền Bắc; Xây dựng, ban hành các hướng dẫn cụ thể, quy định các tiêu chí thực hành 5S tại tất cả các khu vực trong phạm vi toàn Công ty như: khu vực văn phòng, khu vực Vận hành sản xuất, các trạm trung tâm, trung tâm điều độ và các trạm PRU; Tổ chức thực hiện đánh giá, chấm điểm và tích hợp với chấm điểm an toàn định kỳ hàng quý; Tổ chức các kỳ đánh giá theo quy trình đánh giá nội bộ THT 5S của Công ty (04/2018 và 12/2018).

Công ty cũng đã được Viện Năng suất Việt Nam công nhận kết quả giám sát thực hiện và duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận thực hành tốt 5S đến 07/2019.

Tuy nhiên, hoạt động thực hành 5S trong Công ty vẫn còn một số tồn tại như:

- ★ Việc tổ chức thực hiện một số nội dung theo mục tiêu chưa đồng đều trong phạm vi toàn Công ty, còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện cơ sở vật chất, đặc thù hoạt động.
- ★ Hiệu quả thực hiện mới chỉ đạt ở khu các khu vực văn phòng Công ty, văn phòng Chi nhánh và các khu vực tại Nhà máy và Trung tâm điều độ. Các trạm trung tâm, trạm khách hàng đã có triển khai thực hiện nhưng chưa đạt.
- ★ Phần lớn các khu vực đã thực hiện được đến S3 (Sạch sẽ), tuy nhiên các nội dung S4, S5 tiếp sau còn hạn chế.
- ★ Công tác kiểm tra, đánh giá chấm điểm được tích hợp vào các chương trình kiểm tra an toàn, đánh giá nội bộ các cấp nhằm tăng cường thúc đẩy việc thực hiện nhưng cũng còn ảnh hưởng về thời lượng và nội dung kiểm tra, đánh giá.



## CHUNG SỨC VỚI CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng – xã hội là một nét văn hóa của Công ty. Năm qua, Công ty tiếp tục truyền thống các chương trình phát động từ Tổng Công ty (quỹ nghĩa tình đồng đội, quỹ tương trợ dầu khí, quỹ vì thế hệ trẻ, ...) cũng như các phong trào đền ơn đáp nghĩa, từ thiện của địa phương, các hoạt động vì môi trường...

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết trong phần **Trách nhiệm Môi trường và Xã hội**.







### QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Một trong những ưu tiên của năm 2018 là giám sát chi phí, quản lý công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng. Năm qua, Bộ phận Tài chính – Kế toán đã tham mưu và thực hiện các chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của Tổng Công ty và CNG Việt Nam, thực hiện đồng thời nhiều giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động SXKD (chi phí nhiên liệu, điện, nước,...) với tổng chi phí tiết giảm là 16,49 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, các nguồn vốn, quỹ được sử dụng linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính; đồng thời ưu tiên, chủ động thu xếp nguồn vốn để phục vụ các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh trong năm.

Hoạt động quản trị tài chính cũng đã phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### PHÂN TÍCH CHI TIẾT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng)	2017	2018	Tăng/giảm (%)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.314,7</b>	<b>1.819,2</b>	<b>38,4%</b>
Giá vốn hàng bán	1.077,5	1.582,2	46,8%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>237,2</b>	<b>236,6</b>	<b>-0,3%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	9,7	11,6	19,6%
Chi phí tài chính	2,0	0,072	-96,4%
Trong đó: Chi phí lãi vay	2,0	0,072	-96,4%
Chi phí bán hàng	27,9	34,4	23,3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	74,6	75,1	0,7%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>142,3</b>	<b>138,6</b>	<b>-2,6%</b>
Thu nhập khác	0,1	7,3	7.200,0%
Chi phí khác	0,1	0,66	560,0%
Lợi nhuận khác	0,1	6,6	6.500,0%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>142,4</b>	<b>145,2</b>	<b>2,0%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>109,3</b>	<b>114,3</b>	<b>4,6%</b>

### SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ ĐẠT 164,6 TRIỆU SM<sup>3</sup>, TĂNG MẠNH 16,5% SO VỚI NĂM 2017 VÀ VƯỢT 25% KẾ HOẠCH NĂM

**164,6**  
TRIỆU SM<sup>3</sup>

SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ  
**↑16,5%** so với năm 2017  
vượt **25%** kế hoạch năm

Hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục gặt hái những kết quả khả quan trong năm 2018 khi sản lượng tiêu thụ đạt 164,6 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng trưởng 16,5% so với năm 2017 và vượt 25% kế hoạch năm. Sản lượng tiêu thụ của Công ty đã liên tục đạt mức tăng trưởng cao trong nhiều năm trở lại nhờ các chính sách thúc đẩy thị phần hợp lý. Cụ thể, tỷ lệ tăng trưởng kép 5 năm tiếp tục duy trì trên 20%, đạt 22% trong năm 2018.

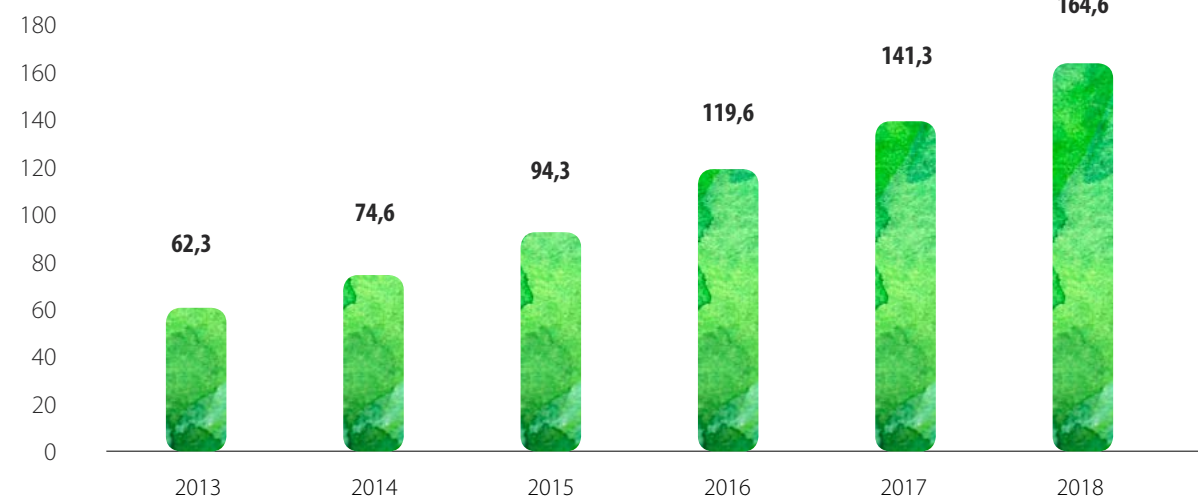
Với chính sách gia tăng mở rộng thị phần và đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, kết quả tăng trưởng này là thành quả xứng đáng với những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong năm vừa qua.

Trong năm 2018, bên cạnh nhóm khách hàng hiện hữu, Công ty đã cấp khí cho 06 khách hàng mới, trong đó có 02 khách hàng đã ký hợp đồng trong năm 2017 và 04 khách hàng mới ký hợp đồng mua bán khí trong năm 2018.

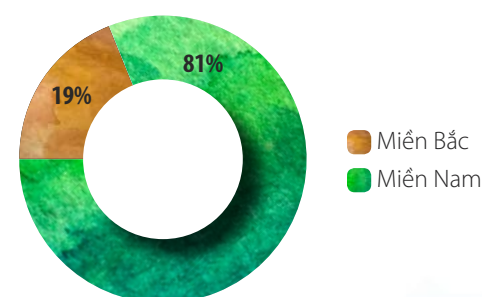
Xét theo cơ cấu sản lượng theo khu vực, khu vực miền Nam chiếm tỷ trọng cao nhất khi tiêu thụ đến 136,4 triệu Sm<sup>3</sup> khí trong năm qua, tăng trưởng 18,7% so với năm 2017. Sản lượng tiêu thụ của khu vực miền Bắc đạt hơn 28,2 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng trưởng 6,8% so với năm 2017. Kết quả tiêu thụ của 02 khu vực đều vượt xa các con số kế hoạch tương ứng của năm 2018. Riêng miền Bắc ghi nhận sự vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng tiêu thụ 182%.

Năm 2018, khu vực miền Nam vẫn giữ vững vai trò khu vực có lượng tiêu thụ khí CNG cao nhất, với tỷ trọng 83% tổng sản lượng tiêu thụ. Trong khi đó, miền Bắc có sự sụt giảm thị phần trong cơ cấu sản lượng tiêu thụ, giảm còn 17% so với mức thị phần 19% của năm 2017.

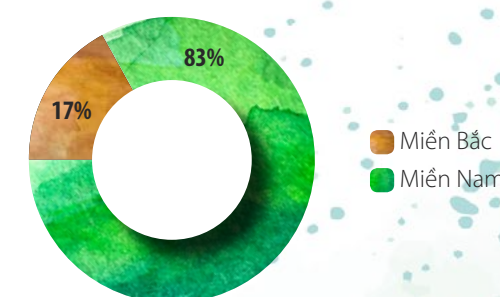
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (TRIỆU SM<sup>3</sup>)



SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ NĂM 2017



CƠ CẤU TIÊU THỤ KHÍ CNG THEO KHU VỰC NĂM 2018





# 1.819,2



TỶ ĐỒNG  
DOANH THU TIÊU THỤ KHÍ  
↑38,8% so với năm trước

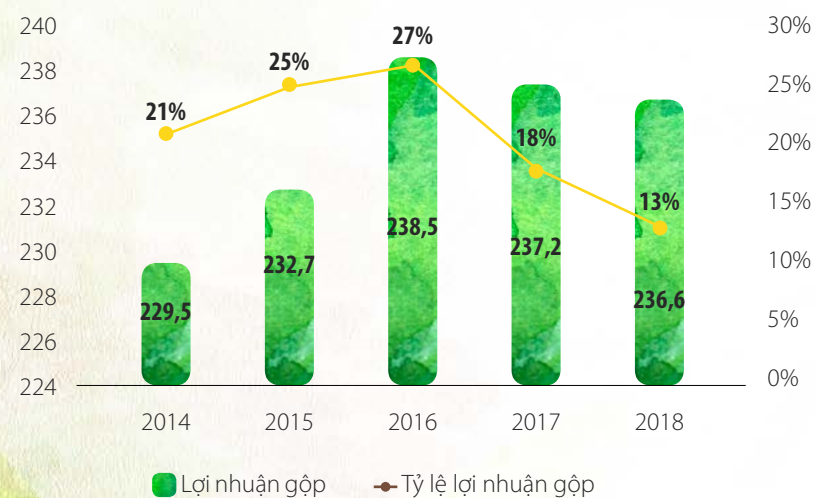
## DOANH THU TIÊU THỤ KHÍ ĐẠT 1.819,2 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG MẠNH 38,8% SO VỚI NĂM TRƯỚC

Doanh thu tiêu thụ khí năm 2018 đạt 1.819,2 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 38,8% so với năm trước. Bên cạnh sự tăng trưởng sản lượng tiêu thụ, điểm nhấn tăng trưởng còn đến từ sự tăng trưởng tích cực của giá bán khí. Giá dầu thế giới tăng trưởng khả quan trong năm vừa qua và thúc đẩy một sự hồi phục mạnh của giá bán khí. Cụ thể, giá bán khí trung bình năm 2018 đạt 11.052 VND/m<sup>3</sup>, tăng trưởng 18,8% so với giá bán khí trung bình của năm 2017. Sự tăng trưởng đồng thuận của sản lượng tiêu thụ và giá bán khí đã giúp doanh thu của Công ty duy trì mức tăng trưởng cao trong năm 2018.

## TỶ LỆ LỢI NHUẬN GỘP SỤT GIẢM CÒN 13% SO VỚI MỨC 18% CỦA NĂM 2017

Dù doanh thu tăng trưởng nhưng lợi nhuận gộp của Công ty sụt giảm 0,3% so với năm 2017 ở mức 236,6 tỷ đồng; tỷ lệ lợi nhuận gộp cũng giảm còn 13% trong năm 2018.

Nguyên nhân khiến tỷ lệ lợi nhuận gộp sụt giảm đến từ sự gia tăng mạnh của tỷ lệ giá vốn hàng bán. Cụ thể, giá vốn hàng bán trong năm 2018 tăng 47%, cao hơn tốc độ tăng trưởng 38,4% của doanh thu thuần. Sự gia tăng mạnh giá vốn hàng bán khi giá khí đầu vào tăng mạnh là nguyên nhân khiến tỷ lệ lợi nhuận gộp của Công ty sụt giảm trong năm 2018.



## DUY TRÌ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHI PHÍ

Năm 2018, tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 109,6 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2017. Công tác quản trị chi phí hoạt động vẫn được Công ty chú trọng trong năm qua. Hiệu quả sử dụng tài sản, máy móc hoạt động nhận được sự chú tâm của Ban lãnh đạo.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý và giám sát chặt hoạt động sản xuất kinh doanh đã giúp tiết giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu và nhân công, hỗ trợ tăng cường năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả hoạt động sản xuất. Với những nỗ lực không ngừng, tổng chi phí (ngoài giá vốn hàng bán) sụt giảm chỉ còn 8,6% trong năm 2018. Tỷ lệ chi phí khấu hao/doanh thu thuần giảm chỉ còn 2,5% kể từ mức 3,5% của năm 2017.

Tỷ lệ chi phí bán hàng và tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu đồng loạt sụt giảm, lần lượt đạt 1,9% và 4,1% trong năm 2018. Nguyên nhân đến từ tốc độ tăng trưởng của tổng hai khoản chi phí này chỉ đạt 6,8%, thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt hơn 38%.

Cơ cấu chi phí	2017	2018
Chi phí khấu hao / Doanh thu thuần	3,5%	2,5%
Chi phí tài chính / Doanh thu thuần	0,2%	0,0%
- Chi phí lãi vay / Doanh thu thuần	0,2%	0,0%
Chi phí bán hàng / Doanh thu thuần	2,1%	1,9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp / Doanh thu thuần	5,7%	4,1%
Chi phí khác / Doanh thu thuần	0,0%	0,0%



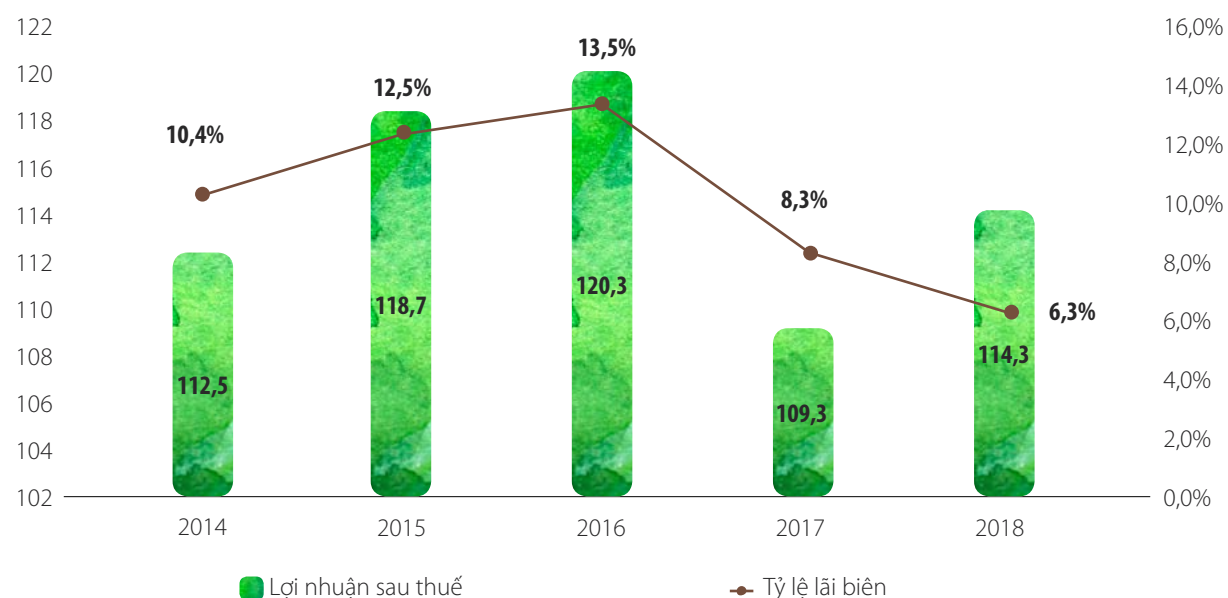


**114,3**  
TỶ ĐỒNG  
LỢI NHUẬN SAU THUẾ  
↑20% so với kế hoạch

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 114,3 TỶ ĐỒNG,  
VƯỢT HƠN 20% KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM**

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty đạt 114,3 tỷ đồng, tăng trưởng 4,6% so với năm 2017. Chi phí nhiên liệu đầu vào tiếp tục gây sức ép lên biên lợi nhuận. Tuy vậy, Công ty vẫn nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận sau thuế để ra, với tỷ lệ vượt kế hoạch đạt hơn 20%.

Tỷ lệ lãi biên sụt giảm từ mức 8,3% (năm 2017) về mức 6,3% trong năm 2018. Hệ số biên lợi nhuận hoạt động cũng sụt giảm chỉ còn 7,6% trong năm 2018.



**TÀI SẢN & NGUỒN VỐN**

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn lành mạnh đã giúp duy trì sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn tuân thủ ba nguyên tắc vàng trong quản trị tài chính:

- ★ Tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh. Không đầu tư vốn dàn trải.
- ★ Ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi để tài trợ cho hoạt động kinh doanh, giúp giảm thiểu áp lực tài chính cho doanh nghiệp.
- ★ Hiểu rõ bản chất hoạt động sản xuất đòi hỏi nhu cầu vốn luân chuyển cao. Công ty luôn duy trì tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm tối thiểu 70% tổng tài sản.



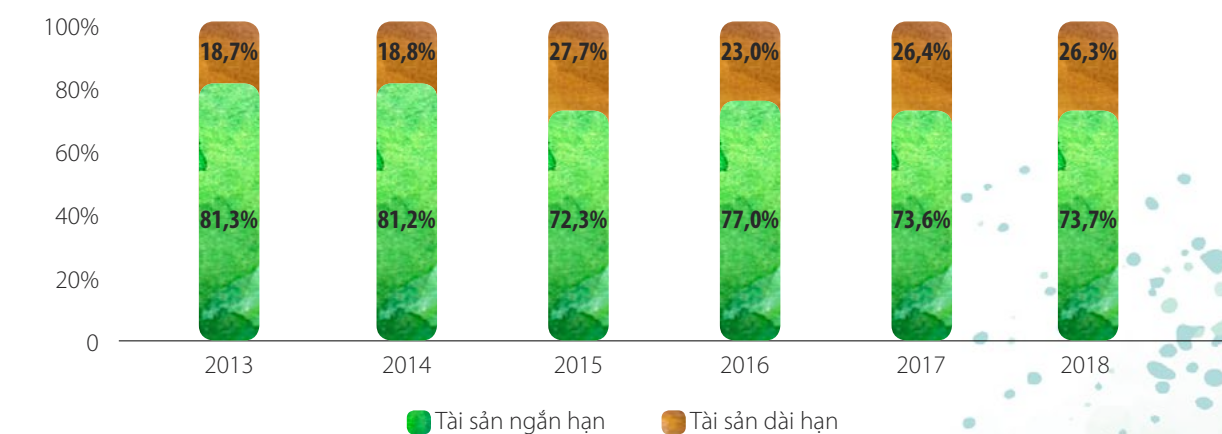
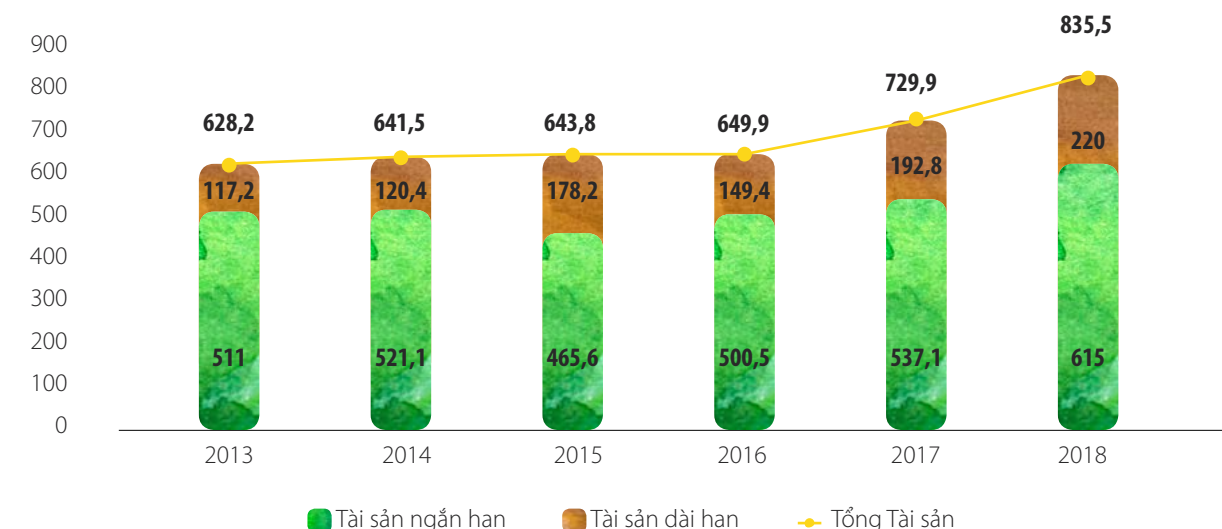
ĐVT: Tỷ đồng

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
<b>Tổng tài sản</b>	<b>641,5</b>	<b>643,8</b>	<b>649,9</b>	<b>730,0</b>	<b>835,5</b>
Tài sản ngắn hạn	521,1	465,6	500,5	537,1	615,5
Tài sản dài hạn	120,4	178,2	149,4	192,8	220,0
<b>Nợ phải trả</b>	<b>209,2</b>	<b>245,1</b>	<b>185,3</b>	<b>249,3</b>	<b>298,2</b>
Nợ ngắn hạn	184,3	201,2	157,3	230,9	280,4
Nợ dài hạn	24,9	43,9	28,0	18,5	17,8
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>432,4</b>	<b>398,5</b>	<b>464,6</b>	<b>480,6</b>	<b>537,3</b>

**835,5**  
TỶ ĐỒNG  
TỔNG TÀI SẢN  
↑14,1% so với năm 2017

**TÀI SẢN**

Tính đến cuối năm 2018, Tổng tài sản của Công ty đạt 835,5 tỷ đồng, tăng trưởng 14,4% so với cuối năm 2017. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất với gần 74% tổng tài sản. Trong khi đó, Tài sản dài hạn ghi nhận sự tăng trưởng 14,1%, chiếm hơn 26% tổng tài sản với 220 tỷ đồng.







**TÀI SẢN & NGUỒN VỐN (tiếp theo)**

**TÀI SẢN (tiếp theo)**

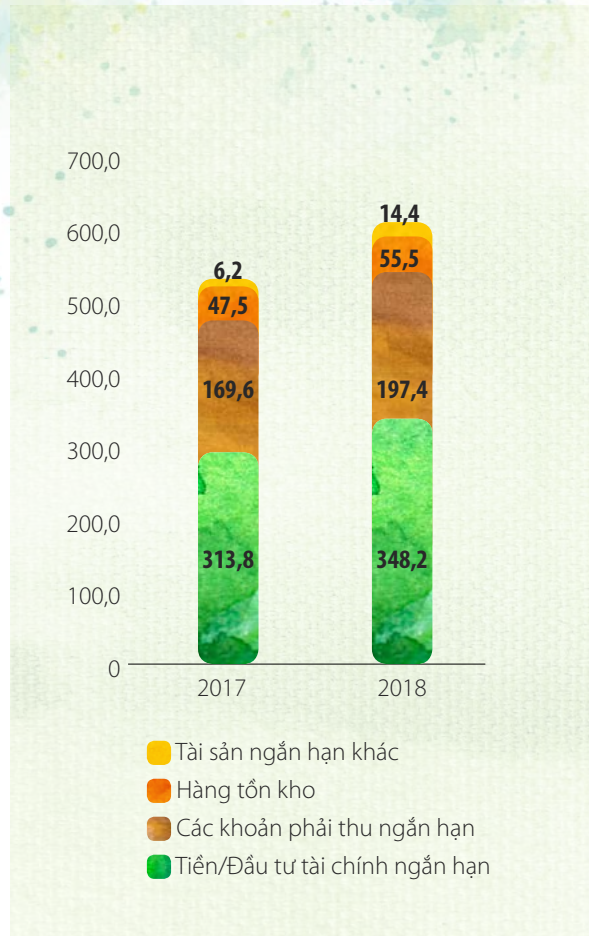
**TÀI SẢN NGẮN HẠN**

Tính đến cuối năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 615,5 tỷ đồng, tăng trưởng 14,6% so với cuối năm 2017. Trong đó, Các khoản phải thu ngắn hạn tăng trưởng 16,4%, đạt gần 197,4 tỷ đồng. Hàng tồn kho đạt 55,5 tỷ đồng, tăng trưởng 16,8%. Tiền và tương đương tiền đạt mức tăng trưởng mạnh nhất 24,4%, đạt gần 348,2 tỷ đồng tính đến cuối năm 2018. Trong khi đó, Đầu tư tài chính ngắn hạn sụt giảm 100% khi Công ty đã tắt toán khoản tiền gửi tại NHTM MTV Đại Dương trong quý 01/2018 với giá trị 33,9 tỷ đồng.

Sự tăng trưởng của Tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn chủ yếu đến từ (1) sự tăng trưởng của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và (2) sự cải thiện thặng dư dòng tiền từ hoạt động đầu tư trong năm 2018. Với tỷ trọng Tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm hơn 40% tổng tài sản, điều này sẽ giúp Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn và chuẩn bị đủ dòng tiền cho các hoạt động đầu tư mở rộng trong tương lai.

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 16,4% so với cuối năm 2017, đạt 197,37 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh chủ yếu đến từ sự gia tăng của Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với mức tăng trưởng gần 15%, đạt gần 195 tỷ đồng. Năm 2018, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách tìm kiếm khách hàng, thúc đẩy doanh số góp phần giúp doanh thu năm 2018 tăng trưởng ấn tượng. Tuy nhiên, mức tăng trưởng khoản phải thu đã giảm đi đáng kể so với năm 2017 và thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng doanh thu thể hiện sự cải thiện trong khả năng quản trị khoản phải thu của Công ty. Dự phòng khoản phải thu khó đòi dù chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng khoản phải thu từ khách hàng nhưng cũng đã cải thiện tích cực, chỉ còn hơn 1 tỷ đồng trong năm 2018.

Hàng tồn kho của Công ty tăng 16,8% so với cuối năm 2017, đạt 55,48 tỷ đồng. Hoạt động tiêu thụ CNG khả quan đã giúp doanh thu tăng trưởng mạnh và kéo theo lượng tiêu thụ hàng tồn kho diễn ra mạnh hơn. Vòng quay hàng tồn kho năm đạt 31 lần trong năm 2018, gia tăng so với mức 24 lần của năm 2017.



**TÀI SẢN DÀI HẠN**

Tính đến cuối năm 2018, tài sản dài hạn của Công ty đạt 220 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cuối năm 2017 và chiếm 26,3% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty tập trung ở khoản mục Tài sản cố định với tỷ trọng 23% tổng tài sản.

Tài sản dài hạn tăng trưởng 14,1% chủ yếu đến từ sự gia tăng mạnh của giá trị tài sản cố định hữu hình trong năm 2018. Tính đến cuối năm 2018, Tài sản dở dang dài hạn cũng ghi nhận sự tăng trưởng 296% so với thời điểm cuối năm 2017.

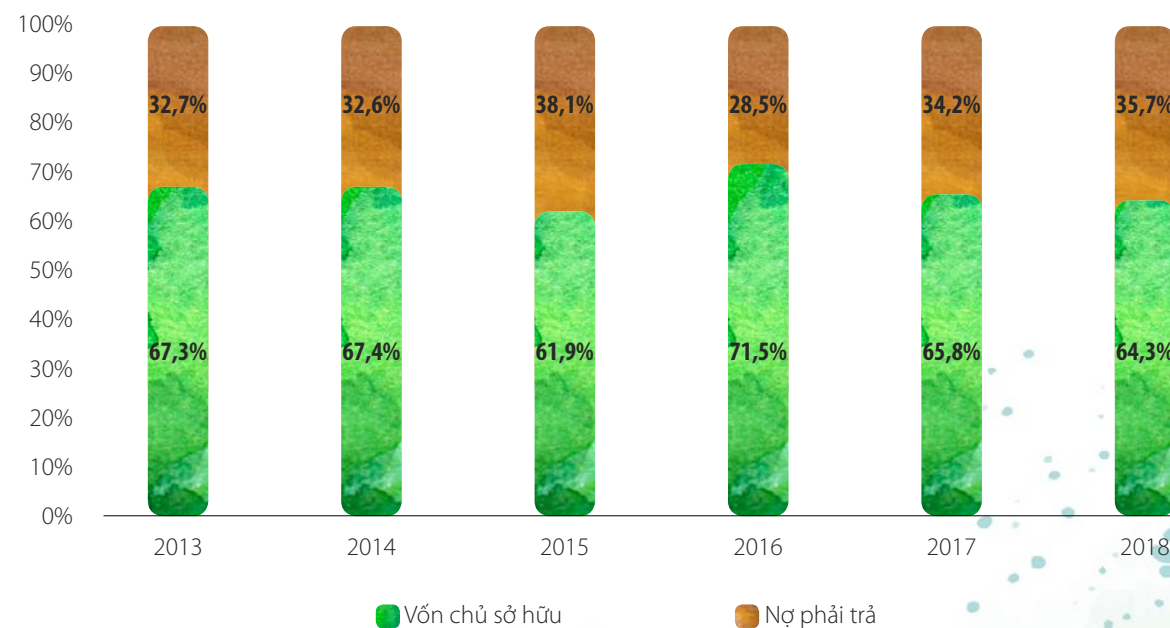
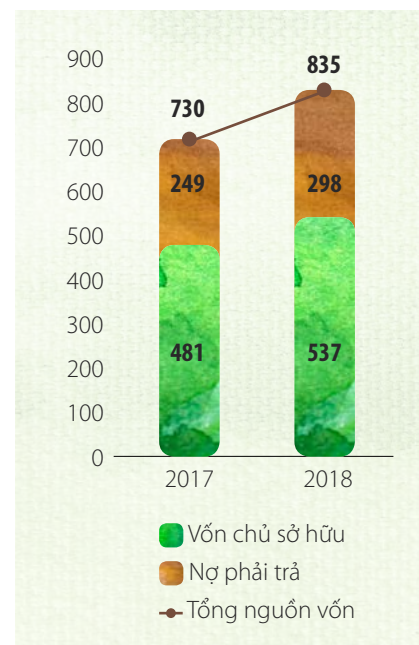
So với năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng 8,7% và đang đứng ở mức 810,5 tỷ đồng. Sự gia tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đến từ hoạt động đầu tư mua sắm tài sản cố định với giá trị gần 75 tỷ đồng trong năm 2018.

**NGUỒN VỐN**

Vốn chủ sở hữu vẫn đang là nguồn tài trợ chính cho hoạt động kinh doanh của Công ty khi chiếm 64,3% nguồn vốn kinh doanh, tương ứng 537,28 tỷ đồng. Nợ phải trả chiếm hơn 35% với hơn 298 tỷ đồng.

**537,28**  
TỶ ĐỒNG  
VỐN CHỦ SỞ HỮU

**764,3%** nguồn vốn





**TÀI SẢN & NGUỒN VỐN (tiếp theo)**

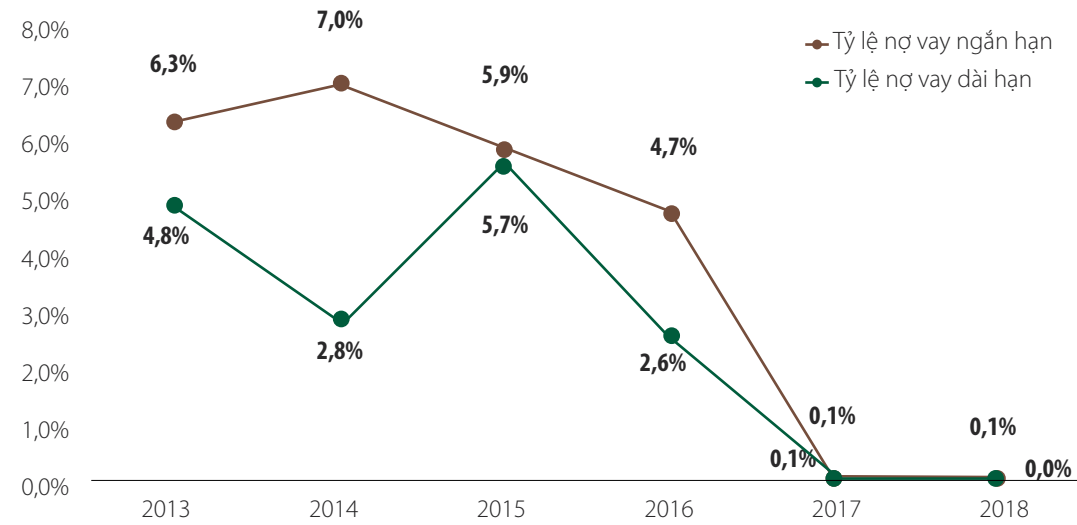
**NỢ PHẢI TRẢ**

Tính đến cuối năm 2018, Nợ phải trả của Công ty đạt 298,17 tỷ đồng, tăng trưởng 19,6% so với cuối năm 2017. Nợ phải trả tập trung chủ yếu ở Nợ ngắn hạn với 280,4 tỷ đồng, chiếm 33,6% tổng nguồn vốn kinh doanh. Nợ dài hạn đạt 17,78 tỷ đồng, chỉ còn chiếm tỷ trọng hơn 2,1% tổng nguồn vốn.

Nợ ngắn hạn của Công ty có sự tăng trưởng 21,5% lên mức 280,4 tỷ đồng tính đến cuối năm 2018. Nguyên nhân cho sự tăng trưởng của Nợ ngắn hạn đến từ mức tăng trưởng 45,7% của Phải trả người bán ngắn hạn. Nhờ mối quan hệ tín dụng ổn định từ CTCP Khí thấp áp Việt Nam,

khoản phải trả người bán đã trở thành một nguồn tài trợ chủ lực cho hoạt động kinh doanh của Công ty bên cạnh Nguồn vốn từ chủ sở hữu.

Tổng giá trị nợ vay giảm 57%, chỉ còn gần 0,5 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ vay/ nguồn vốn đạt 0,06%. Hoạt động cơ cấu nợ vay đã được Công ty đẩy mạnh trong những năm qua, với kết quả đạt được rất khả quan khi tổng tỷ lệ nợ vay trong nguồn vốn kinh doanh chỉ còn gần 0,1%. Việc không còn ưu tiên sử dụng nợ vay giúp Công ty không phải đối diện với nhiều rủi ro tài chính, hỗ trợ Công ty dễ dàng huy động vốn cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai khi cần thiết.



**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2018, Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 537,28 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước và chiếm 64,3% nguồn vốn kinh doanh.

Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu, Vốn góp của chủ sở hữu đạt 270 tỷ đồng, chiếm 32,3% tổng nguồn vốn. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 164,6 tỷ đồng, chiếm 19,7% tổng nguồn vốn tính đến cuối năm 2018. Năm 2018 Công ty gia tăng giá trị Quỹ đầu tư phát triển ở mức gần 92 tỷ đồng, tăng trưởng 31,2% so với năm 2017.

**PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN**

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	189,6	161,8	181,4	165,3	138,8
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(48,7)	(86,9)	(12,2)	(100,8)	(29,3)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(101,9)	(82,0)	(108,3)	(127,3)	(41,2)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>288,7</b>	<b>281,7</b>	<b>342,7</b>	<b>279,9</b>	<b>348,2</b>

Khả năng sinh tiền từ hoạt động kinh doanh duy trì ổn định trong năm 2018 với mức thặng dư dòng tiền thuần hơn 179 tỷ đồng. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh chính tiếp tục đã liên tục trở thành động lực mang lại dòng tiền chủ đạo cho Công ty trong nhiều năm trở lại, thể hiện sự hiệu quả và tăng trưởng bền vững dài hạn của Công ty.

Giải ngân cho hoạt động tài chính trong năm cải thiện chỉ còn ghi nhận mức thâm hụt 81,6 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là chi trả cổ tức cho cổ đông với 81 tỷ đồng. Sự cải thiện dòng tiền từ hoạt động tài chính đến từ việc Công ty không còn ghi nhận các dòng tiền trả nợ gốc vay lớn như các năm vừa qua.

Trong năm qua, dòng tiền từ hoạt động đầu tư đã cải thiện so với năm 2017. Các hoạt động đầu tư mua sắm tài sản cố định dù vẫn được đẩy mạnh như năm 2017 (giá trị gần 75 tỷ đồng) nhưng nhờ sự tắt toán dòng tiền đầu tư tài chính ngắn hạn đã giúp dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư của Công ty chỉ còn thâm hụt 29,3 tỷ đồng trong năm 2018.

Sự cải thiện của dòng tiền thuần đã khiến khoản mục Tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 348,2 tỷ đồng, tăng trưởng 24,4% so với năm 2017.







## PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đvt	2014	2015	2016	2017	2018
<b>1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán</b>						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	2,8	2,3	3,2	2,3	2,2
Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,7	2,2	2,9	2,1	1,9
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	1,6	1,4	2,2	1,2	1,2
<b>2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động</b>						
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	54,9	56,4	49,5	38,3	36,6
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	9,6	12,3	19,2	15,2	11,9
Kỳ trả tiền bình quân	ngày	45,5	56,5	55	42,9	44,3
Vòng quay tổng tài sản	lần	1,7	1,5	1,4	1,9	2,3
<b>3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</b>						
Hệ số lợi nhuận gộp	%	21,1%	24,5%	26,8%	18,0%	13,0%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,5%	15,4%	16,9%	10,2%	7,6%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	10,4%	12,5%	13,5%	8,3%	6,3%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	26,3%	28,6%	27,9%	23,1%	22,9%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	17,7%	18,5%	18,6%	15,8%	14,6%
<b>4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn</b>						
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	32,6%	38,1%	28,5%	34,2%	35,7%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	48,4%	61,5%	39,9%	51,9%	55,5%

### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Nhóm chỉ tiêu thanh toán của Công ty diễn biến trái chiều trong năm qua. Sự gia tăng nguồn tài trợ từ các khoản tín dụng cho người bán (với mức tăng trưởng 45,7%) đã khiến các chỉ số thanh toán ngắn hạn và chỉ số thanh toán nhanh sụt giảm so với năm 2017. Tuy nhiên, điểm tích cực là các chỉ số thanh toán đều duy trì trên ngưỡng 1. Trong đó, hai chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh đều duy trì trên ngưỡng 2 – thể hiện tính an toàn cao trong khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty.

### KỲ THU TIỀN BÌNH QUÂN

Các chính sách bán hàng, nới lỏng tín dụng nhưng kỳ thu tiền bình quân của Công ty tiếp tục duy trì xu hướng cải thiện, chỉ còn 36,6 ngày, duy trì xu hướng suy giảm qua 04 năm liên tiếp. Điều này cho thấy sự hiệu quả trong công tác quản lý công nợ và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định kế toán trong việc xử lý các khoản tín dụng phải thu từ khách hàng.

### KỲ TRẢ TIỀN BÌNH QUÂN

Kỳ trả tiền bình quân tiếp tục giảm nhẹ xuống còn 44,3 ngày. Công tác quản lý khoản phải trả và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nợ đối với nhà cung cấp luôn được Công ty coi trọng. Điều này đã giúp gia tăng uy tín và niềm tin đối với thương hiệu CNG trong những năm qua, góp phần tạo thuận lợi cho công tác quản trị dòng tiền của Công ty.

### KỲ LƯU KHO BÌNH QUÂN

Năm 2017, số ngày lưu kho bình quân sụt giảm mạnh chỉ còn 11,9 ngày. Sản lượng tiêu thụ tăng trưởng khả quan và thúc đẩy tốc độ tiêu thụ hàng tồn kho trong năm vừa qua. Tuy vậy, sự suy giảm nhanh chóng của số ngày lưu kho bình quân cũng là một tín hiệu cho thấy Công ty cần phải gia tăng mức dự trữ hàng tồn kho hợp lý để duy trì khả năng đáp ứng tốc độ tăng trưởng sản lượng tiềm năng trong tương lai.

## VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN

Vòng quay tổng tài sản đạt 2,3 lần, cao nhất trong vòng 5 năm trở lại. Năm vừa qua Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm tài sản cố định cho các dự án mở rộng kinh doanh. Tuy vậy, hiệu quả sử dụng tài sản vẫn được duy trì ổn định và có sự cải thiện mạnh so với các năm kinh doanh gần đây.

## CƠ CẤU VỐN

Tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Do đó, cơ cấu nợ phải trả luôn được giữ ở tỷ trọng thấp qua các năm. Năm 2018, tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản chỉ đạt 35,7%. Tỷ lệ này có sự tăng trưởng so với năm 2017 chủ yếu đến từ sự tăng trưởng của các khoản phải trả người bán.

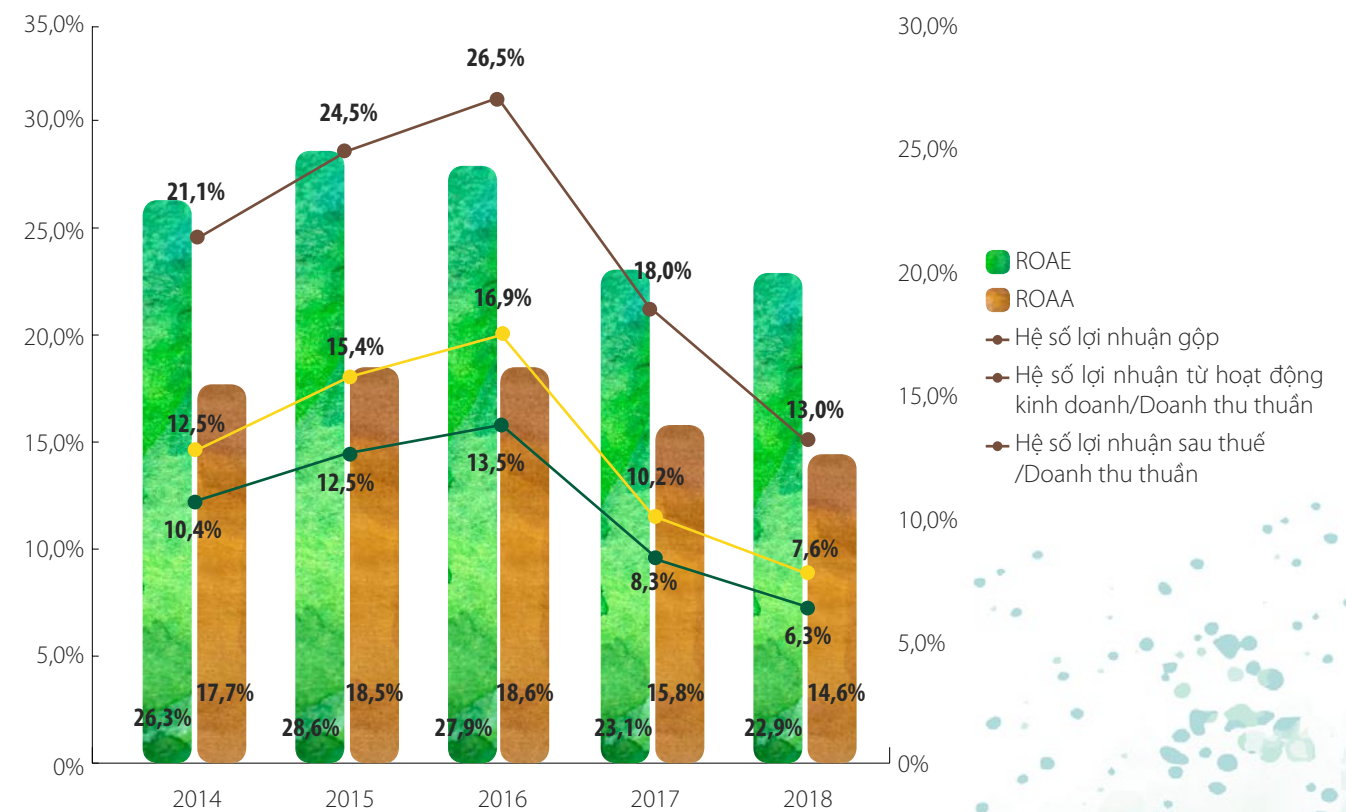
Sự thay đổi của cấu trúc nguồn vốn kinh doanh trong khi đòn bẩy tài chính không có nhiều sự biến động thể hiện hoạt động tái cơ cấu nguồn vốn kinh doanh theo hướng giảm thiểu sử dụng nợ vay. Theo đó, Nợ vay ngắn hạn và dài hạn sụt giảm mạnh 24,4%, chỉ còn gần 0,5 tỷ đồng tính đến cuối năm 2018.



## CHỈ SỐ SINH LỜI

Dù doanh thu tăng trưởng mạnh nhưng các khoản mục lợi nhuận lại sụt giảm so với năm 2017 trước áp lực giá vốn tăng cao. Điều này đã kéo các chỉ số sinh lời trên doanh thu sụt giảm trong năm 2018. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 6,3% và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 13%.

Chỉ số sinh lời trên tổng tài sản (ROAA) đạt 14,6% và chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROEA) đạt 22,9%. Nhóm chỉ số này sụt giảm chủ yếu đến từ tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đạt mức thấp hơn mức tăng trưởng của vốn chủ sở hữu và tổng tài sản trong năm vừa qua.





**GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG & KINH DOANH**







## GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

### SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI CNG

- ★ Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, phân phối và vận chuyển là mục tiêu quan trọng nhất và quyết định đến sự thành công của Công ty. Sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh tạo nên giá trị an toàn, hiệu quả hoạt động cho tài sản và nâng cao thương hiệu CNG Việt Nam.
- ★ Nhận biết rõ tầm quan trọng của yếu tố an toàn trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất, vận chuyển nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Bên cạnh đó là hoạt động triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Nghiêm túc xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn.

- ★ Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty;

- ★ Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.

### ĐẦU TƯ

Đứng trước triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, Công ty có cơ hội đón nhận nhiều hơn nhu cầu tiêu thụ khí từ các nhóm ngành khách hàng. Do đó, các kế hoạch đầu tư nâng công suất cung cấp khí, mở rộng mạng lưới trạm cung cấp tại khu vực cùng các dịch vụ song hành sẽ được lưu tâm, chú trọng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ khí trong tương lai.

- ★ Phối hợp với phòng kinh doanh và khách hàng lên kế hoạch cho các dự án và triển khai đầu tư kịp thời. Giúp tăng cường hiệu quả cho nguồn vốn giải ngân và kịp thời cung cấp khí cho khách hàng.

- ★ Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.

- ★ Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của pháp luật và Công ty.



### TÀI CHÍNH

- ★ Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD của Công ty.

- ★ Các chính sách tín dụng được xem xét phù hợp với mục tiêu tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị phần kinh doanh. Tuy nhiên, việc hạn chế rủi ro phát sinh nợ quá hạn của khách hàng cần được thực hiện song hành nhằm đảm bảo công tác quản lý chi phí, công nợ hiệu quả.

- ★ Với đặc thù hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường nhiên liệu đầu vào, kế hoạch quản trị hàng tồn kho, dự trữ nhiên liệu khí đầu vào để tối thiểu hóa tác động lên hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục được Công ty thực hiện trong những năm tới.

- ★ Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính. Ưu tiên giữ vững sự an toàn trong cấu trúc vốn và hạn chế rủi ro tài chính tiếp tục nhận được sự chú trọng từ Công ty.

- ★ Gia tăng dòng tiền hình thành từ hoạt động kinh doanh mà vẫn duy trì được mối quan hệ hợp lý với khách hàng và nhà cung ứng. Nỗ lực duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng dòng tiền và khả năng phân phối thu nhập cho cổ đông.

- ★ Hỗ trợ công tác công bố thông tin đúng quy định, tập trung cho hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) nhằm góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Công ty trước cổ đông.

## TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- ★ Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với "hiệu quả" nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.

- ★ Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động 5S trong toàn công ty.

- ★ Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.

- ★ Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.

- ★ Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.

- ★ Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV.

## CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>	<b>Triệu SM<sup>3</sup></b>	<b>156</b>
1	Miền Bắc	Triệu SM <sup>3</sup>	19
2	Miền Nam	Triệu SM <sup>3</sup>	137
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.746,88</b>
1	Miền Bắc	Tỷ đồng	224,32
2	Miền Nam	Tỷ đồng	1.522,55
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>105,56</b>
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,44
V	Tỷ lệ LNST/VĐL	%	31
VI	Tỷ lệ cổ tức	%	25





**TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

Đóng góp kinh tế	104
Môi trường	108
Xã hội	112
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh	121

# *Sát cánh* **ĐỂ GẮN NHAU THÊM**







Chiến lược phát triển bền vững được triển khai thông qua việc cân đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường và gắn kết các mục tiêu này trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó, hoạt động kinh tế là yếu tố nền tảng để thực hiện trách nhiệm xã hội và môi trường.



### HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

**1.838,2** Tỷ VNĐ  
GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA  
**↗38,8%** so với năm 2017

**Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra:** Năm 2018, tổng doanh thu do CNG Việt Nam tạo ra đạt 1.838,2 tỷ đồng, hoàn thành 125% kế hoạch và tăng trưởng 38,8% so với năm trước. Cụ thể:

- ★ Doanh thu hoạt động kinh doanh chính đạt 1.819,2 tỷ đồng, tăng trưởng 38,4% so với năm 2017, đến từ việc sản lượng tiêu thụ CNG tăng 16,5% so với năm 2017.
- ★ Doanh thu hoạt động tài chính đạt 11,7 tỷ đồng, tăng gần 20% so với cùng kỳ năm trước; và doanh thu hoạt động khác đạt 7,3 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	2017	2018	Tăng/Giảm
Doanh thu	1.314,7	1.819,2	38,4%
Doanh thu tài chính	9,7	11,7	19,6%
Doanh thu khác	0,1	7,3	7.200%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.324,5</b>	<b>1.838,2</b>	<b>38,8%</b>

**Giá trị kinh tế phân phối:** Bên cạnh việc tạo lập giá trị kinh tế, CNG Việt Nam cũng thực hiện việc phân phối giá trị cho xã hội với tổng giá trị đạt 1.803,5 tỷ đồng, tăng mạnh 38,8% so với năm 2017. Điều này được thể hiện qua các khoản mục:

**1.803,5** Tỷ VNĐ  
GIÁ TRỊ KINH TẾ PHÂN PHỐI  
**↗38,8%** so với năm 2017

Chỉ tiêu	2017	2018	Tăng/Giảm
Chi phí hoạt động kinh doanh	1.085,3	1.589,6	46,5%
Chi phí người lao động	50,6	50,6	0,0%
Chi phí tài chính	2,0		
Chi phí lãi vay	2,0	0,1	-96,5%
Cổ tức	40,5	40,5	0,0%
Chi phí đầu tư tài sản cố định	84,4	75,0	-11,1%
Nộp ngân sách Nhà nước	34,3	44,9	30,9%
Đóng góp cho cộng đồng và xã hội	2,0	2,8	40,0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.299,1</b>	<b>1.803,5</b>	<b>38,8%</b>





## LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI NHÂN VIÊN

★ Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương. Đối với các trường hợp CBCNV đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật lao động.

★ Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 và thực hiện theo đúng TULĐTT, các chế độ khác cho CBCNV như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về hiếu, hỷ cho người lao động theo chính sách phúc lợi của Công ty.
- Thực hiện việc bồi dưỡng hiện vật cho CBCNV theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.
- Tặng quà các ngày kỷ niệm thành lập Công ty, ngày truyền thống Dầu khí Việt Nam, ngày Lễ, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch.
- Trang bị đồng phục, trang phục, phù hiệu cho CBCNV trong Công ty.
- Thực hiện đầy đủ chế độ tham quan du lịch cho CBCNV.
- Tổ chức các hoạt động cho con em CBCNV như: Tặng quà nhân ngày 1/6, tặng quà và tổ chức vui chơi Trung thu, tặng quà cho con em CBCNV đạt kết quả cao trong học tập.
- Tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia các phong trào văn hóa, thể thao, dã ngoại, vui chơi giải trí nâng cao đời sống tinh thần.

★ Công ty mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho CBCNV với các mức trách nhiệm từ 110 - 420 triệu/người/vụ; hỗ trợ mua bảo hiểm hưu trí cho CBCNV mức 1 triệu/người/tháng.

**Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn:** đảm bảo chi trả các khoản thanh toán cho các nhà cung cấp vốn hiện tại của Công ty thể hiện trách nhiệm đối với lợi ích của Bên liên quan. Điều này cũng giúp Công ty tạo ấn tượng tốt đối với các nhà cung cấp vốn trong tương lai. Cụ thể, chỉ số tức trong năm 2018 của Công ty đạt hơn 40,5 tỷ đồng.

Công ty luôn tuân thủ pháp luật hiện hành trong hoạt động của mình, trong đó, các khoản phải nộp cho chính phủ là khoản luôn được Công ty thực hiện đầy đủ. Vì Công ty hiểu được rằng đóng thuế không chỉ là nghĩa vụ mà là hoạt động đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

Là một trong những doanh nghiệp hoạt động với mục tiêu phát triển bền vững nên các hoạt động đầu tư cộng đồng đều được Công ty thực hiện thường xuyên. Cùng với nhiệm vụ xây dựng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, Công ty luôn quan tâm coi trọng công tác xã hội, từ thiện tại cộng đồng. Công ty đã chi 2,8 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội trong năm vừa qua như xây dựng Trường tiểu học Xã Đồng Dương - Thái Bình, Quỹ tấm lòng Việt - Chương trình Trái Tim cho em, Ủng hộ chương trình Tình Xuân...



## CHỐNG THAM NHŨNG

Các quy định, quy trình trong quá trình hoạt động của Công ty luôn được công khai nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động và phòng chống tham nhũng. CNG Việt Nam đang nghiên cứu xây dựng phương thức truyền thông về chính sách và quy trình chống tham nhũng nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm của CBCNV trong việc phòng chống tham nhũng. Trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay CNG Việt Nam chưa từng xảy ra vụ việc tham nhũng nào.





Với mục tiêu phát triển bền vững thì vấn đề bảo vệ môi trường là một trong những yếu tố trọng yếu được Công ty giám sát chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc. Công ty nhận thức rõ về việc giảm thiểu tác động đến môi trường do đặc thù ngành nghề kinh doanh của mình. Các công nghệ hiện đại đang được Công ty đầu tư liên tục, và các sáng kiến sáng tạo nhằm tiết kiệm năng lượng cũng đang được khuyến khích trong CBCNV của Công ty. Tăng cường quảng bá, mở rộng hoạt động kinh doanh CNG cũng là đóng góp vào hoạt động chung tay giảm ô nhiễm môi trường, chống biến đổi khí hậu của CNG Việt Nam.



### VẬT LIỆU

Công ty chỉ thực hiện công đoạn nén/ nạp khí thiên nhiên vào thiết bị chứa chuyên dùng, vận chuyển đến khách hàng, nên không sử dụng nguyên liệu để sản xuất và đóng gói.

### NĂNG LƯỢNG

Thực hiện chủ trương, chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 của Tổng Công ty Khí Việt Nam, CNG Việt Nam thực hiện đồng thời nhiều sáng kiến, giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động SXKD (chi phí nhiên liệu, điện, nước, ...) với tổng chi phí tiết giảm là 16,49 tỷ đồng.

Tên vật tư	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ
Dầu Diesel 0.05	lít	650.893	8.771,8	641.248	6.713,5	693.707	9.017,5	764.390	13.090
Nhớt	lít	8.155	548,4	4.104	219,1	5.454	290,1	5.562	317
Xăng	lít	94.690	1.534,9	75.000	1.057,4	82.537	1.450,4	80.750	1.751,34
Điện sử dụng cho NM và Trạm MP3	Kwh	7.264.140	11.305,1	8.288.375	12.899,1	8.823.508	13.554,7	10.399.480	17.500
Nước sinh hoạt	m <sup>3</sup>	9.117	87,9	8.945	86,3	7.406	94,6	9.703	126,8

### NƯỚC, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

Hoạt động nén khí của Công ty không sử dụng nước, nước chỉ dùng để sử dụng cho các hoạt động phụ trợ như PCCC, bảo dưỡng sửa chữa và sinh hoạt của CBCNV. Nguồn nước máy sử dụng của Công ty được cung cấp bởi Công ty CP cấp nước Phú Mỹ, lượng nước sử dụng bình quân trong năm 2018 là 650 m<sup>3</sup>/ tháng. Công ty không có hoạt động tái chế và tái sử dụng nước trong năm 2018.



Hoạt động kiểm soát nước thải, chất thải luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ, và được phân loại để có biện pháp xử lý thích hợp.

★ **Chất thải rắn sinh hoạt:** nguồn phát sinh là từ các hoạt động ăn uống, vệ sinh và sinh hoạt hằng ngày của CBCNV. Đối với loại chất thải này Công ty đã bố trí các hệ thống các thùng rác trong phạm vi toàn Công ty nhằm tránh hiện tượng rác thải sinh hoạt này bị vứt bỏ bừa bãi. Lượng rác thải này sẽ được Công ty Môi trường Đô thị Tân Thành thu gom hằng ngày.

#### ★ Chất thải sản xuất gồm hai loại:

- Chất thải không nguy hại phát sinh từ quy trình hoạt động sản xuất và khu vực văn phòng của Công ty. Chất thải được phân loại theo 4 nhóm: nhóm sản phẩm thuộc nhóm kim loại, nhựa, giấy, thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết. Chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng (bao bì và thùng giấy, kim loại đóng gói sản phẩm,...) được thu gom, cho vào bao tải và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng. Chất thải công nghiệp không có khả năng tái chế sẽ được thu gom riêng, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
- Chất thải sản xuất nguy hại phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, hoặc phát sinh từ hoạt động sản xuất, từ quá trình vệ sinh nhà xưởng định kỳ. Loại chất thải này được phân loại và đóng gói theo từng chủng loại và trong các bao bì thích hợp, đáp ứng được yêu cầu về an toàn kỹ thuật và được dán nhãn theo quy định. Sau khi được phân loại và đóng gói, chất thải được lưu trữ trong thời gian ngắn, tại khu vực an toàn riêng biệt, có rào chắn và biển báo; sau đó yêu cầu đơn vị đã ký kết hợp đồng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Và được Công ty TNHH Hà Lộc là đơn vị ký kết hợp đồng với Công ty để vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.

★ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hằng ngày của CBCNV như nước thải từ nhà vệ sinh, nước rửa chân tay, nước tưới cây, rửa phương tiện vận chuyển... sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh. Sau đó được thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Mỹ 1 để xử lý cho đạt yêu cầu mới thải ra môi trường. Hợp đồng xử lý nước với Ban quản lý KCN cũng được Công ty ký kết.

Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	Tăng, giảm 2018/2017
<b>1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên</b>					
- Chất thải rắn	670 kg/năm	2.837 kg/năm	1.677 kg/năm	830 kg/năm	-50,5%
- Chất thải lỏng	3.860 kg/năm	3.981 kg/năm	4.681 kg/năm	5.100kg/năm	9%
<b>2. Chất thải thông thường</b>					
- Chất thải rắn	1.500 kg/năm	2.808 kg/năm	2.808 kg/năm	2.400 kg/năm	-14,5%
- Chất thải lỏng bùn	n/a	n/a	n/a	n/a	
<b>3. Khối lượng nước thải được xử lý đáp ứng tiêu chuẩn xả thải</b>					
- Thải vào khu xử lý chung của KCN	5.109 m <sup>3</sup> /năm	6.052 m <sup>3</sup> /năm	4.265 m <sup>3</sup> /năm	7.390 m <sup>3</sup> /năm	73,3%





## PHÁT THẢI

Biện pháp xử lý các nguồn phát thải sau khi được phân thành 3 loại dựa trên nguồn phát sinh như sau:

### ★ Hoạt động của phương tiện vận chuyển:

- Quy định khu vực làm riêng cho từng loại xe, không chờ quá tải, dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt.
- Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí.
- Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí.
- Đường nội bộ, sân bãi được tráng nhựa và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra.
- Không cho xe nổ trong khi chờ bốc hàng.

### ★ Hoạt động của máy phát điện dự phòng:

- Máy phát điện chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện. Các biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng được công ty áp dụng như sau:
- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp hơn 0,25% (dầu DO) để giảm nồng độ SO2 trong khí thải.
- Phòng đặt máy phát điện sẽ được xây dựng đúng kỹ thuật và được đặt tại các vị trí thích hợp nhằm hạn chế sự tác động đến môi trường xung quanh và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung.
- Máy phát điện nhà máy sử dụng là loại mới (100%) có trang bị các bộ phận giảm ồn, và rung nên hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn, rung và lượng khói thải gây ô nhiễm.
- Sử dụng biện pháp phát tán khí thải theo chiều cao nhằm pha loãng khí thải vào không khí.
- Công ty ưu tiên sử dụng điện lưới vì lý do kinh tế và môi trường.

### ★ Tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của thiết bị máy móc.
- Lắp đặt các bộ đệm chống ồn bằng cao su, kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh khi cần thiết, thường xuyên bảo trì theo định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất.
- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai hoặc bao tai chống ồn.
- Sử dụng các thiết bị có lò xo giảm sóc và hệ thống giảm chấn.
- Gia cố nền móng đặt máy gây rung riêng, cách ly với nền móng của các công trình khác bằng hệ thống kết cấu đàn hồi giảm rung.
- Khi thiết kế nền móng phải tính toán sao cho tần số dao động riêng của nền móng khác với tần số dao động của thiết bị nhằm không gây hiện tượng cộng hưởng rung động.
- Lựa chọn thiết bị, máy móc hiện đại ít gây rung.

## KẾT QUẢ VI KHÍ HẬU VÀ TIẾNG ỒN NĂM 2018:

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1. Khu vực cổng bảo vệ	62	31,3	70,6	0,8	ASTN
2. Khu vực tiếp tân	56	28,1	60,6	0,2	310
3. Khu vực phòng vận hành 200 bar	63	27,1	52,1	0,3	354
4. Khu vực phòng vận hành 250 bar	64	28,6	49,5	0,3	350
5. Khu vực trạm nén 200 bar	85	30,3	77,8	0,4	410
6. Khu vực trạm nén 250 bar	83	34,1	77,3	0,4	350
7. Khu vực phòng tổng hợp	57	28,5	54,8	0,2	305
8. Khu vực phòng vận chuyển (nghỉ tài xế)	56	28,4	56,7	0,2	310
9. Khu vực phòng bảo dưỡng sửa chữa (bảo trì)	63	28,2	63,7	0,2	350

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

## KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ KHU VỰC SẢN XUẤT

Điểm Đo (CNMB)	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
<b>I. Khu vực trung tâm điều độ</b>					
1. Khu vực văn phòng	59,2	26,5	68,3	0,3	360-410
2. Khu vực kho để vật tư	58,1	30,5	67,8	0,2	270-300
3. Khu vực nhà để xe	73,5	33,5	65,4	0,7	580-620
<b>II. Khu vực trạm Kyoel Ninh Bình</b>					
1. Khu vực vận hành trạm PRU	74,1	30,5	74,0	0,8	500-540
2. Khu vực giữa trạm PRU	71,5	30,6	71,2	0,8	505-540
3. Khu vực phòng điều hành trạm	70,9	30,1	72,4	0,4	510-530
<b>III. Khu vực văn phòng CNMB</b>					
1. Khu vực văn phòng	55,9	29,0	65,2	0,2	330-340
2. Khu vực lễ tân	58,4	28,0	66,8	0,3	300-420
3. Khu vực phòng họp	50,6	28,0	63,1	0,2	410-480

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

## KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ KHU VỰC SẢN XUẤT:

Điểm Đo (CNMB)	Bụi	CO	CO2	SO2	NO2	CxHy	H2S	Gia tốc rung đứng	Gia tốc rung ngang	Cường độ điện trường E (kV/m)	Cường độ điện trường H (kW/h)
Điểm đo (CNMB)											
I. Khu vực trạm Kyoel Ninh Bình											
1. Khu vực vận hành trạm PRU	0,48	KPH	530	KPH	0,23	KPH	KPH	0,31	0,1	2,8	140
2. Khu vực giữ trạm PRU	0,45	KPH	595	KPH	0,16	KPH	KPH	0,37	0,06	3,1	150
3. Khu vực phòng điều hành trạm PRU	0,32	KPH	495	KPH	0,09	KPH	KPH	KPH	KPH	2,8	120

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

**TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG:** Với vai trò là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhiên liệu xanh nên CNG Việt Nam hiểu rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, nên Công ty không có bất kì vi phạm nào liên quan đến tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.





## XÃ HỘI

**Đây là những yếu tố cơ bản và là nền tảng thiết yếu để tạo ra năng lực cạnh tranh cho Công ty, nâng cao hiệu quả lâu dài, vận hành kinh doanh có đạo đức, tôn trọng quyền và trách nhiệm của các Bên liên quan, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và nâng cao khả năng điều chỉnh với những thay đổi.**

 **257**  
NGƯỜI  
TỔNG SỐ CBCNV  
tính đến ngày 31/12/2018

### VIỆC LÀM

Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số CBCNV là 257 người. 100% người lao động trong Công ty được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với trình độ chuyên môn và ổn định lâu dài. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty được thực hiện căn cứ định biên lao động được HĐQT Công ty phê duyệt, quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty. Quản lý và tổ chức làm thêm, tăng ca đối với NLD không vượt quá 200 giờ/người/năm theo đúng quy định của Nhà nước và Công ty. Mức lương trung bình của Người lao động tại CNG Việt Nam là 19,34 triệu đồng/ người/ tháng.

Ban Lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện để nhân viên chủ động trong công việc, và xây dựng chính sách lương thưởng hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật cũng như Quy chế, Điều lệ Công ty.

Điều 45 Điều lệ công ty đã quy định rõ các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn cần được Giám đốc lập kế hoạch để HĐQT thông qua dựa trên các chuẩn mực, thông lệ, chính sách quản lý tốt nhất và quy định pháp luật hiện hành.



Hiện tại, CNG Việt Nam đang áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 195/QĐ-CNG ngày 19/8/2013. Cụ thể, Việc lập kế hoạch SXKD hàng quý, năm được thực hiện từ các phòng, ban, đơn vị. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD của Công ty được công khai hóa trước Hội nghị người lao động. Ban lãnh đạo luôn tiếp nhận các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty, thông qua các cấp quản lý đơn vị, các tổ công đoàn và trực tiếp người lao động. Ngoài ra, quyền dân chủ trực tiếp của Người lao động cũng được phát huy thông qua việc tạo điều kiện để Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người lao động; ...

### SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

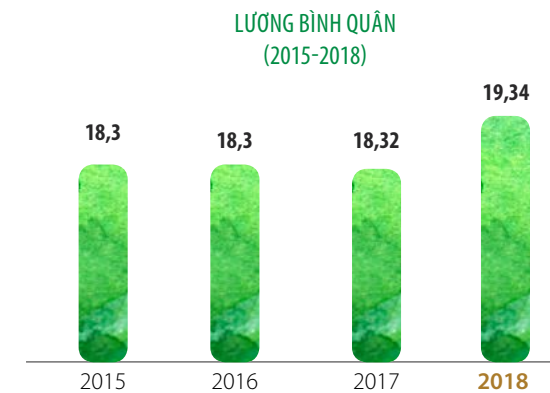
Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	DVT: Người
					2018
Tuyển dụng, tiếp nhận mới	13	37	18	9	18
Nghỉ việc, trong đó	1	0	5	1	6
Nghỉ hưu	0	0	0	1	0
Chấm dứt hợp đồng	1	0	5	0	6



### PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN, KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN

TT	Chương trình	Chi phí (Đồng)
1	Bảo hiểm y tế	1.713.563.225
2	Bảo hiểm xã hội	9.994.584.577
3	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	1.587.203.280

	Triệu đồng			
	2015	2016	2017	2018
Lương bình quân/người/tháng	18,3	18,3	18,32	19,34







## **AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP**

### **AN TOÀN TRONG CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ**

- ★ Hầu hết các thiết bị như bồn, máy nén, trạm giảm áp có xuất xứ từ các nhà sản xuất hàng đầu của Canada, Mỹ, Đức, Ý với công nghệ hiện đại, tiên tiến, giúp giảm thiểu rủi ro, hư hỏng thiết bị, luôn đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.
- ★ Quy trình công nghệ sản xuất và vận chuyển CNG với quá trình thao tác đơn giản, tự động hóa cao.
- ★ Thiết bị được đăng ký kiểm định an toàn trước khi đưa vào sử dụng, cũng như được kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng.

### **AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT – VẬN HÀNH – VẬN CHUYỂN**

- ★ Xây dựng các quy trình, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Trạm trung tâm Mỹ Phước 3 và các trạm giảm áp (PRU), tiếp khí tại khách hàng: áp dụng, giám sát thực hiện, cập nhật thường xuyên.
- ★ Kiểm tra an toàn đầu ca sản xuất, kiểm tra các thiết bị vận hành, xe vận chuyển khí và con người điều khiển trước khi thực hiện, nhằm loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn, lỗi kỹ thuật của phương tiện, thiết bị sản xuất, ý thức chủ quan của con người.
- ★ Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị theo đúng định kỳ, xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng đột xuất, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn ở tình trạng an toàn, hoạt động hiệu quả.
- ★ Tổ chức huấn luyện, đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn đầy đủ cho CBCNV, đưa văn hóa an toàn thấm nhuần đến từng CBCNV, đặc biệt là lực lượng sản xuất trực tiếp.
- ★ Thiết lập hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên và xây dựng quy chế hoạt động với mục đích đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động.
- ★ Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho mạng lưới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động cho Công ty.
- ★ Triển khai thực hiện chương trình 5S cho toàn thể CBCNV tại Văn phòng Công ty cũng như Chi nhánh Phú Mỹ, Chi nhánh miền Bắc. Chương trình bao gồm 5 bước: Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng và Sẵn sàng, với mục tiêu giúp môi trường làm việc trở lên sạch đẹp, chuyên nghiệp và an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động nhờ tiết kiệm thời gian, tiết kiệm không gian và hợp lý hóa trong sản xuất.



### **AN TOÀN TRONG CẤP KHÍ CHO KHÁCH HÀNG**

- ★ Trước khi cấp khí cần: (1) Thực hiện khảo sát địa điểm để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn cho trạm con. (2) Lên bản vẽ chi tiết. (3) Cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh về phòng cháy chữa cháy, quy trình phối hợp vận hành giữa CNG Việt Nam và khách hàng. (4) Hỗ trợ khách hàng về đào tạo vận hành, sử dụng khí, hướng dẫn các quy định về an toàn, hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật từ khi chuyển đổi thiết bị cho đến vận hành, đảm bảo quá trình sản xuất liên tục của khách hàng.
- ★ Sau khi cấp khí cần phải hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho khách hàng, và định kỳ khảo sát, đánh giá chất lượng, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cho khách hàng để đảm bảo an toàn hoạt động.

### **AN TOÀN TRONG CHÁY NỔ**

- ★ Đối với đặc thù ngành, thì sự cố cháy nổ là một trong những rủi ro lớn nên công tác quản lý, ngăn chặn và hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy nổ gây ra luôn được Công ty thực hiện nghiêm ngặt. Bảo trì các thiết bị PCCC định kỳ và liên kết với công an PCCC khu công nghiệp để tiến hành tập huấn định kỳ cũng là hoạt động được Công ty chú trọng.
- ★ Tuân thủ quy định PCCC, an toàn điện, thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống điện.
- ★ Nắm chắc quy trình vận hành, Đào tạo an toàn bước 1, 2, 3 và đảm bảo vận hành, lái xe CNG có kinh nghiệm xử lý các tình huống sự cố nếu xảy ra.
- ★ Phối hợp với Công an PCCC huấn luyện PCCC định kỳ, diễn tập ứng cứu sự cố.
- ★ Trang bị và thường xuyên kiểm tra đầy đủ các thiết bị chữa cháy tại các vị trí cần thiết.







## XÃ HỘI (tiếp theo)

### AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

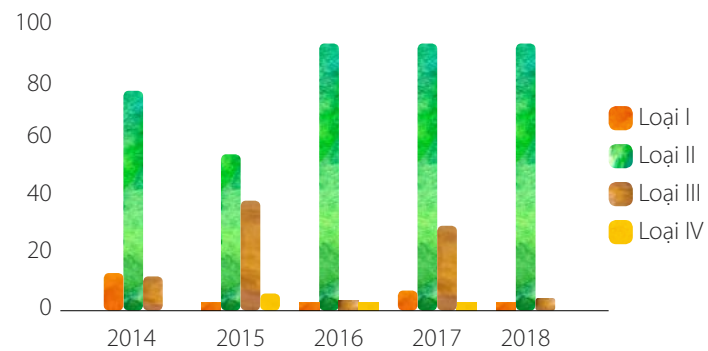
#### SỰ CỐ LAO ĐỘNG

Năm 2016, 2017, 2018 số sự cố có xu hướng giảm dần, hầu hết liên quan đến yếu tố khách quan và một vài sự bất cẩn của người lao động, gây thiệt hại không đáng kể về tài sản. Tất cả các sự cố đều được điều tra, xác định nguyên nhân và đưa ra các biện pháp khắc phục, phổ biến rút kinh nghiệm, phòng ngừa tái diễn.

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
Loại sự cố	06 sự cố, 01 tai nạn lao động	11 sự cố	04 sự cố	03 sự cố, trong đó 02 sự cố thiết bị trong vận hành tại trạm khách hàng, 01 sự cố giao thông trên đường vận chuyển.	02 sự cố, trong đó 01 sự cố về thiết bị, 01 tai nạn lao động liên quan đến nhà thầu thi công công trình xây dựng Văn phòng Chi nhánh Phú Mỹ, sự việc làm 02 người bị thương nhẹ.

#### KHÁM SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Vào quý 2 và quý 4 hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm việc tại nơi có yếu tố độc hại và môi trường lao động cũng luôn được kiểm soát chặt chẽ về vấn đề an toàn vệ sinh. Do đó, tỷ lệ người lao động có nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp đều được hạn chế tối đa. Kết quả phân loại sức khỏe năm 2018: Loại I (2,3%), Loại II (93,4%), Loại III (4,3%), Loại IV (0%), Loại V (0%) và Bệnh Nghề nghiệp (0).



# 1.004

GIỜ/NĂM

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO  
NĂM 2018

### GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công ty tập trung, chú trọng hướng tới góp phần hỗ trợ người lao động trong công việc tác nghiệp thường nhật (ngoại ngữ, tin học ứng dụng...), và thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo phát triển kỹ năng. Ngoài ra, các khóa đào tạo về an toàn, PCCC cũng được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao ý thức của CBCNV về an toàn lao động để hạn chế tối đa các TNSC và thiệt hại về người và tài sản. Trong năm 2018, số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên là 1.004 giờ/năm.

Chỉ tiêu	2017					2018				
	Theo giới tính		Theo chức danh		Tổng cộng	Theo giới tính		Theo chức danh		Tổng cộng
	Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên		Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên	
Số lượt tham gia đào tạo	389	187	229	347	576	887	392	316	963	1.279
Số giờ đào tạo/người/năm	22,5	26	17,5	22,4	20,7	13	12	16,3	15,5	16

#### BẢNG THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CỦA CNV VIỆT NAM

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<b>1</b>	<b>Số lượng khóa đào tạo</b>	<b>Khóa</b>	<b>43</b>	<b>45</b>	<b>44</b>	<b>52</b>	<b>55</b>	<b>30</b>
a	Đào tạo nội bộ	Khóa	12	13	13	12	5	15
b	Đào tạo bên ngoài	Khóa	31	32	31	40	50	45
<b>2</b>	<b>Số lượt người tham dự đào tạo</b>	<b>Lượt người</b>	<b>427</b>	<b>552</b>	<b>973</b>	<b>721</b>	<b>1.177</b>	<b>1.069</b>
a	Cấp độ nhân viên	Lượt người	369	467	908	639	893	963
b	Cấp độ quản lý	Lượt người	58	85	65	82	284	316
<b>3</b>	<b>Số giờ đào tạo/nhân viên</b>	<b>Giờ</b>	<b>1,61</b>	<b>1,3</b>	<b>2,5</b>	<b>2,8</b>	<b>6,98</b>	<b>16</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí dành cho hoạt động đào tạo</b>							
a	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Tỷ đồng	1,9	1,2	1,81	3,6	3,95	2,64
b	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Tỷ đồng	0,75	1,2	2,18	3,34	3,67	2,45
c	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	39,5	100	120,9	92,8	93	93

#### SỐ LƯỢNG CBCNV ĐƯỢC ĐỀ BẠT, BỔ NHIỆM, TUYỂN MỚI NĂM 2018

Chỉ tiêu	Số lượng	% Tổng lao động
Số lượt người được bổ nhiệm	17	6,6 %
Số lượt người được giao nhiệm vụ	6	2,3 %
Số lượt người được tuyển mới	18	7,0 %





## SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

*Công ty đã và đang xây dựng lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD và phát triển trong tương lai. Công ty đã và đang áp dụng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả công việc cũng như chế độ lương thưởng cho CBCNV nhằm đảm bảo tính công bằng.*



Cơ cấu lao động theo chức vụ	Nam	Nữ	% lao động nữ
Hội đồng Quản trị	03	02	40%
Ban Giám đốc	5	0	0%
Ban Kiểm soát	01	02	67%
Toàn bộ Công ty	257	57	22%

Cơ cấu lao động theo trình độ	Năm 2018	Tỷ trọng	% lao động nữ
Thạc sỹ	11	4,28 %	27,3 %
Đại học	122	47,5 %	36 %
Cao đẳng	21	8,2 %	14,3 %
Trung cấp	43	16,7 %	16,3 %
Công nhân kỹ thuật	60	23 %	0 %

Cơ cấu lao động theo độ tuổi	Năm 2018	Tỷ trọng	% lao động nữ
21 tuổi - 30 tuổi	62	24 %	30,6 %
31 tuổi - 39 tuổi	96	37,35 %	25 %
40 tuổi - 49 tuổi	69	26,85 %	15,9 %
50 tuổi - 55 tuổi	22	8,6 %	13,6 %
56 tuổi - 60 tuổi	8	3,1 %	0 %

## CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

*Cùng với nhiệm vụ xây dựng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, Công ty luôn quan tâm coi trọng công tác xã hội, từ thiện tại cộng đồng.*

Cùng với nhiệm vụ xây dựng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, Công ty luôn quan tâm coi trọng công tác xã hội, từ thiện tại cộng đồng. Trong năm 2018, Công ty đã tích cực tham gia các phong trào đóng góp các quỹ do Tập đoàn, Tổng công ty và địa phương phát động như Quỹ tương trợ ngành dầu khí, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt. Ngoài ra Công ty tham gia tích cực các phong trào, chương trình từ thiện, hỗ trợ người nghèo, hội người mù, hội khuyến học, học sinh nghèo vượt khó của địa phương. Cụ thể, Công ty đã chi 2,8 tỷ đồng cho các hoạt động như xây dựng Trường tiểu học Xã Đông Dương - Thái Bình, Quỹ tấm lòng Việt – Chương trình Trái Tim cho em, Ủng hộ chương trình Tình Xuân...

CNG Việt Nam hiểu rõ hoạt động SXKD của mình có tác động trực tiếp tới môi trường và cộng đồng địa phương tại địa bàn hoạt động của Công ty. Vì thế, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy trình về ATCLMT nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực.







**CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)**



**SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG**

*Sản phẩm và dịch vụ của CNG Việt Nam là khí thiên nhiên, ít gây ra nguy hiểm cho người sử dụng vì khí thiên nhiên sẽ nhanh chóng bốc hơi nếu có sự cố rò rỉ xảy ra do nhẹ hơn không khí.*

Sản phẩm và dịch vụ của CNG Việt Nam là khí thiên nhiên, ít gây ra nguy hiểm cho người sử dụng vì khí thiên nhiên sẽ nhanh chóng bốc hơi nếu có sự cố rò rỉ xảy ra do nhẹ hơn không khí. Với mục tiêu khách hàng thỏa mãn với sản phẩm dịch vụ và gắn bó lâu dài với Công ty, nên công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ cho khách hàng để đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục và hạn chế tai nạn sự cố xảy ra luôn được quản lý chặt chẽ thông qua hệ thống quản lý tích hợp. Hoàn toàn không xảy ra bất kỳ vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ của CNG Việt Nam trong năm 2018.



**BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH**

Ngày 21/3/2018, Công ty đã điều chỉnh quy mô và tổng vốn đầu tư dự án CNG dựa trên Quyết định 135/QĐ-CNG. Công tác tăng cường hoạt động đầu tư và SXKD của Công ty góp phần gia tăng việc chuyển đổi thói quen sử dụng nhiên liệu truyền thống sang nhiên liệu thân thiện với môi trường.





CÙNG NHAU  
*Vươn mình*  
ĐÓN NẮNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)**

124	Báo cáo của Ban Giám đốc
125	Báo cáo kiểm toán độc lập
126	Bảng cân đối kế toán
128	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
129	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
130	Thuyết minh báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 61B, Đường 30/4, Phường Thăng Nhất, Tp. Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên độc lập
Ông Vũ Văn Thực	Thành viên
Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên
Ông Bùi Văn Đản	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Thực	Giám đốc
Ông Trần Quang Đán	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Đản	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Nguyên Vũ	Phó Giám đốc
Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Kim Thoa	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Quang Bá	Thành viên Ban Kiểm soát

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- \* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- \* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- \* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- \* Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- \* Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Thực**

**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

# Deloitte.

Số: 385 / VN1A-HC-BC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**

**Các Cổ đông**

**Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2019, từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Thái Hòa**

**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd, và các hãng thành viên.

**Trần Thị Kim Khánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>615.451.203.951</b>	<b>537.110.952.685</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>348.193.699.715</b>	<b>279.880.076.033</b>
1. Tiền	111		26.693.699.715	18.780.076.033
2. Các khoản tương đương tiền	112		321.500.000.000	261.100.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>33.900.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	33.900.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>197.370.624.047</b>	<b>169.607.492.172</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	194.842.602.067	169.910.099.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.985.528.384	2.053.717.299
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.196.014.563	1.875.515.943
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.653.520.967)	(4.231.840.604)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>55.480.135.095</b>	<b>47.490.341.428</b>
1. Hàng tồn kho	141		61.389.290.981	50.664.133.964
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.909.155.886)	(3.173.792.536)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.406.745.094</b>	<b>6.233.043.052</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	5.777.651.906	5.468.122.406
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.629.093.188	764.920.646
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>220.002.863.459</b>	<b>192.848.227.688</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.696.000.000</b>	<b>1.927.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	1.696.000.000	1.927.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>191.413.895.283</b>	<b>171.465.454.435</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	153.557.261.139	132.638.137.363
- Nguyên giá	222		810.565.819.397	745.392.131.325
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(657.008.558.258)	(612.753.993.962)
2. Tài sản vô hình	227	11	37.856.634.144	38.827.317.072
- Nguyên giá	228		40.807.806.700	40.807.806.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.951.172.556)	(1.980.489.628)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.077.861.760</b>	<b>3.303.215.794</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	13.077.861.760	3.303.215.794
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.815.106.416</b>	<b>16.152.557.459</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	7.859.379.948	8.098.434.715
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	5.955.726.468	8.054.122.744
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>835.454.067.410</b>	<b>729.959.180.373</b>

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>298.174.039.246</b>	<b>249.340.779.612</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>280.397.915.946</b>	<b>230.871.211.673</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	226.723.152.312	155.568.759.339
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	40.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	12.111.826.025	18.181.076.921
4. Phải trả người lao động	314		11.417.182.128	14.081.828.193
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	26.799.938.675	40.783.431.870
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.152.196.479	708.366.117
7. Vay ngắn hạn	320	18	488.997.000	646.668.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.704.623.327	861.081.233
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.776.123.300</b>	<b>18.469.567.939</b>
1. Vay và nợ dài hạn	338	18	-	488.997.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	17.776.123.300	11.026.123.300
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	6.954.447.639
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>537.280.028.164</b>	<b>480.618.400.761</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>537.280.028.164</b>	<b>480.618.400.761</b>
1. Vốn góp của cổ đông	411		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.179.045.649	9.179.045.649
4. Cổ phiếu quỹ	415		(3.270.000)	(3.270.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.822.605.088	69.972.247.531
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		164.585.967.427	129.774.697.581
- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước	421a		59.281.616.120	25.522.909.790
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		105.304.351.307	104.251.787.791
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>835.454.067.410</b>	<b>729.959.180.373</b>



**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu



**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thực**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>1.819.225.869.221</b>	<b>1.314.654.107.628</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>1.819.225.869.221</b>	<b>1.314.654.107.628</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	24	1.582.629.897.065	1.077.452.563.232
<b>4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>236.595.972.156</b>	<b>237.201.544.396</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	11.638.298.715	9.699.324.092
6. Chi phí tài chính	22	27	71.924.861	2.007.291.542
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.522.308	2.007.127.540
7. Chi phí bán hàng	25	28	34.449.632.635	27.928.728.404
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	75.138.849.257	74.636.959.769
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>138.573.864.118</b>	<b>142.327.888.773</b>
10. Thu nhập khác	31		7.304.156.531	127.649.455
11. Chi phí khác	32		660.589.195	70.732.117
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>6.643.567.336</b>	<b>56.917.338</b>
<b>13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>145.217.431.454</b>	<b>142.384.806.111</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	28.814.683.871	36.419.503.489
15. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	2.098.396.276	(3.286.485.169)
<b>16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>114.304.351.307</b>	<b>109.251.787.791</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.652	3.560

**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu

**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thực**  
Giám đốc  
Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>145.217.431.454</b>	<b>142.384.806.111</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	45.225.247.224	46.650.121.213
Các khoản dự phòng	03	6.907.043.713	10.996.100.239
(Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.461.121)	164.002
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.636.435.041)	(9.699.324.092)
Chi phí lãi vay	06	71.522.308	2.007.127.540
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>185.783.348.537</b>	<b>192.338.995.013</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(36.461.685.225)	(62.598.223.776)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(10.725.157.017)	(8.625.821.118)
Thay đổi các khoản phải trả	11	48.316.111.171	93.422.177.175
Thay đổi chi phí trả trước	12	(70.474.733)	(6.071.136.300)
Tiền lãi vay đã trả	14	(71.522.308)	(2.071.425.646)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.223.516.377)	(27.248.339.137)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.725.540.853)	(13.842.079.633)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>138.821.563.195</b>	<b>165.304.146.578</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(74.948.334.038)	(75.917.733.420)
3. Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(33.900.000.000)
4. Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	33.900.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	11.706.004.029	9.039.836.314
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.342.330.009)</b>	<b>(100.777.897.106)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(646.668.000)	(46.318.600.386)
2. Cổ tức đã trả	36	(40.520.402.625)	(81.000.882.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(41.167.070.625)</b>	<b>(127.319.482.386)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>68.312.162.561</b>	<b>(62.793.232.914)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>279.880.076.033</b>	<b>342.673.472.949</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.461.121	(164.002)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>348.193.699.715</b>	<b>279.880.076.033</b>

**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu

**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thực**  
Giám đốc  
Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 20 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ("PVGas") và Samarang Ucits – Samarang Asia Prosperity với tỷ lệ sở hữu cổ phần lần lượt là 56% và 9,63%. Các cổ đông khác sở hữu 34,37% cổ phần còn lại của Công ty.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án "CNG Việt Nam") với thời gian hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 245 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 243 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 61B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu và hai (02) chi nhánh phụ thuộc.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tuổi nợ của các nhóm nợ. Cụ thể như sau:

<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Mức trích lập dự phòng</i>
Từ 11 ngày đến dưới 6 tháng	20%
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	3 - 6

Từ năm 2015, đối với các tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản vô hình và khấu hao**

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự và quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ ba năm đến mười năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí quảng cáo, tiền thuê đất trả trước và chi phí bảo hiểm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chỉ để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hàng năm. Trong năm, Công ty thực hiện hoàn nhập toàn bộ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ vào thu nhập khác do không dùng quá 5 năm theo quy định hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	1.000.394.830	665.831.489
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.693.304.885	18.114.244.544
Các khoản tương đương tiền	321.500.000.000	261.100.000.000
	<b>348.193.699.715</b>	<b>279.880.076.033</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất tiền gửi từ 0,25% đến 5,4% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: từ 4,7% đến 5,3% một năm).

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH URC Việt Nam	-	5.048.958.867
Công ty CP Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng ("VLXD") Trung Nguyên	2.970.338.204	10.517.292.190
Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG	30.098.722.265	35.129.937.470
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Sang Minh	15.144.500.295	14.471.862.013
Công ty TNHH Thép KYOEI Việt Nam	5.402.927.890	7.187.304.152
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	37.445.258.894	18.422.251.405
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	-	5.854.493.879
Các khoản phải thu khách hàng khác	103.780.854.519	73.277.999.558
	<b>194.842.602.067</b>	<b>169.910.099.534</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.196.014.563</b>	<b>1.875.515.943</b>
- Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	1.168.416.012	1.237.985.000
- Thuế giá trị gia tăng của chi phí trích trước	-	117.130.879
- Tạm ứng cho nhân viên	104.000.000	112.400.000
- Ký cược ký quỹ	457.380.064	408.000.064
- Phải thu khác	466.218.487	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.696.000.000</b>	<b>1.927.000.000</b>
- Ký cược ký quỹ	1.696.000.000	1.927.000.000
	<b>3.892.014.563</b>	<b>3.802.515.943</b>

**7. NỢ QUÁ HẠN**

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khả năng thu hồi từ 11 ngày đến 6 tháng						
+ Công ty TNHH Bia Anheuser-Busch Inbev Việt Nam	3.874.347.723	3.595.394.759	278.952.964	3.020.762.684	2.854.290.161	166.472.523
+ Công ty TNHH American Home Việt Nam	-	-	-	9.165.649.428	7.332.519.542	1.833.129.886
+ Công ty CP khai thác khoáng sản và sản xuất VLXD Trung Nguyên	-	-	-	10.517.292.190	9.079.272.367	1.438.019.823
+ Công ty TNHH Xăng dầu Thành Tâm	6.176.472.621	5.691.896.355	484.576.266	4.099.976.217	3.878.809.617	221.166.600
+ Công ty TNHH MTV SX VLXD Đồng Tâm	8.528.887.113	8.054.553.827	474.333.286	3.148.692.271	2.988.434.592	160.257.679
+ Công ty CP Đồng Tâm Dotalia	4.850.544.570	4.582.609.717	267.934.853	6.453.897.783	6.041.103.689	412.794.094
+ Công ty TNHH Sản xuất Bia SAB	1.750.270.153	1.633.320.745	116.949.408	-	-	-
+ Chi nhánh Công ty TNHH Alhonga Việt Nam	375.338.614	344.564.424	30.774.190	-	-	-
+ Các khách hàng khác	124.640.965.386	124.640.965.386	-	96.192.116.943	96.192.116.943	-
	<b>150.196.826.180</b>	<b>148.543.305.213</b>	<b>1.653.520.967</b>	<b>132.598.387.516</b>	<b>128.366.546.912</b>	<b>4.231.840.604</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	22.202.113.527	24.650.885.357
Công cụ dụng cụ	239.413.282	200.075.152
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.947.764.172	25.813.173.455
	<b>61.389.290.981</b>	<b>50.664.133.964</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.909.155.886	3.173.792.536

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí quảng cáo trả trước	723.250.000	591.749.996
Chi phí bảo hiểm trả trước	4.936.320.406	4.876.372.410
Chi phí khác	118.081.500	-
	<b>5.777.651.906</b>	<b>5.468.122.406</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí quảng cáo trả trước	3.723.083.337	3.915.000.000
Chi phí thuê đất trả trước	4.136.296.611	4.183.434.715
	<b>7.859.379.948</b>	<b>8.098.434.715</b>
	<b>13.637.031.854</b>	<b>13.566.557.121</b>

Tiền thuê đất trả trước thể hiện tiền thuê đất trả trước cho lô đất tại Long An theo hợp đồng thuê số 07/2017/HĐ-KD/KCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 với thời hạn 44 năm. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	26.422.613.193	281.593.589.682	435.121.030.282	2.254.898.168	745.392.131.325
Tăng trong năm	-	22.000.657.363	-	1.920.233.455	23.920.890.818
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	176.818.182	41.075.979.072	-	-	41.252.797.254
Số dư cuối năm	26.599.431.375	344.670.226.117	435.121.030.282	4.175.131.623	810.565.819.397
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	9.554.725.634	213.141.557.343	388.452.053.440	1.605.657.545	612.753.993.962
Khấu hao trong năm	832.989.828	26.904.618.521	16.173.186.996	343.768.951	44.254.564.296
Số dư cuối năm	10.387.715.462	240.046.175.864	404.625.240.436	1.949.426.496	657.008.558.258
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>16.867.887.559</b>	<b>68.452.032.339</b>	<b>46.668.976.842</b>	<b>649.240.623</b>	<b>132.638.137.363</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>16.211.715.913</b>	<b>104.624.050.253</b>	<b>30.495.789.846</b>	<b>2.225.705.127</b>	<b>153.557.261.139</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.200.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.800.000.000 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 459.679.398.242 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 460.354.879.942 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	39.798.000.000	1.009.806.700	40.807.806.700
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	970.682.928	1.009.806.700	1.980.489.628
Khấu hao trong năm	970.682.928	-	970.682.928
Số dư cuối năm	1.941.365.856	1.009.806.700	2.951.172.556
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>38.827.317.072</b>	-	<b>38.827.317.072</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>37.856.634.144</b>	-	<b>37.856.634.144</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.009.806.700 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.009.806.700 đồng).

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Dự án xây dựng văn phòng Chi nhánh Phú Mỹ	12.405.924.305	2.631.278.339	
Dự án xây dựng văn phòng Công ty	671.937.455	55.727.273	
	<b>13.077.861.760</b>	<b>3.303.215.794</b>	

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
- Thuế suất thông thường	20%	20%	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
- Chịu thuế suất thông thường	5.955.726.468	8.054.122.744	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>5.955.726.468</b>	<b>8.054.122.744</b>	

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

				VND
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Sẽ có khả năng trả nợ	Giá trị	Sẽ có khả năng trả nợ
<b>Tổng các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
a. Phải trả người bán là các bên liên quan	186.711.845.461	186.711.845.461	144.107.916.679	144.107.916.679
- Công ty Cổ phần khí thấp áp Việt Nam	164.467.359.446	164.467.359.446	135.792.828.377	135.792.828.377
- Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam	19.046.289.534	19.046.289.534	4.960.197.686	4.960.197.686
- Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	229.927.500	229.927.500	147.465.000	147.465.000
- Tổng Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí	2.968.268.981	2.968.268.981	3.207.425.616	3.207.425.616
b. Phải trả người bán là bên Thứ ba	40.011.306.851	40.011.306.851	11.460.842.660	11.460.842.660
	<b>226.723.152.312</b>	<b>226.723.152.312</b>	<b>155.568.759.339</b>	<b>155.568.759.339</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

					VND
	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số dư cuối năm	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.700.692.364	28.814.683.871	35.223.516.377	11.291.859.858	
Thuế thu nhập cá nhân	480.384.557	9.750.237.202	9.410.655.592	819.966.167	
Thuế khác	-	226.355.585	226.355.585	-	
	<b>18.181.076.921</b>	<b>38.791.276.658</b>	<b>44.860.527.554</b>	<b>12.111.826.025</b>	

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Trích trước chi phí sử dụng thương hiệu	4.274.631.717	2.850.783.657	
Trích trước chi phí bảo dưỡng công trình	-	4.292.125.000	
Trích trước chi phí sửa chữa văn phòng	-	4.004.116.463	
Trích trước chi phí thuê bồn và đầu kéo	13.583.962.414	14.070.724.878	
Các khoản trích trước khác	8.941.344.544	15.565.681.872	
	<b>26.799.938.675</b>	<b>40.783.431.870</b>	

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Kinh phí Công đoàn	1.471	162.373.349	
Cổ tức lợi nhuận phải trả	269.908.875	290.802.000	
Phải trả khác	882.286.133	255.190.768	
	<b>1.152.196.479</b>	<b>708.366.117</b>	

**18. CÁC KHOẢN VAY**

		VND
		Các khoản vay dài hạn
<b>Số đầu năm</b>		
- Giá trị		1.135.665.000
- Số có khả năng trả nợ		1.135.665.000
<b>Trong năm</b>		
- Tăng		-
- Giảm		646.668.000
<b>Số cuối năm</b>		
- Giá trị		488.997.000
- Số có khả năng trả nợ		488.997.000

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank") để tài trợ cho dự án đầu tư 01 trạm biến áp 3000KVA phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 1.944.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất huy động tiền gửi 12 tháng cộng biên độ 1,5%. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền là 1.944.000.000 đồng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của khoản vay này là 448.997.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trong vòng một năm	488.997.000	646.668.000
Trong năm thứ hai	-	488.997.000
	<b>488.997.000</b>	<b>1.135.665.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	488.997.000	646.668.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>488.997.000</b>

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường, được trích lập không vượt quá 0,5% doanh thu thuần trong năm theo hướng dẫn của Thông tư số 86/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND
	<b>Tổng</b>
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	
Số dư đầu năm trước	270.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-
Chia cổ tức	-
Phân phối quỹ	-
Số dư đầu năm nay	270.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-
Cổ tức trả bằng tiền	-
Phân phối quỹ	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>270.000.000.000</b>
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	
Số dư đầu năm trước	1.695.680.000
Lợi nhuận trong năm	-
Chia cổ tức	-
Phân phối quỹ	-
Số dư đầu năm nay	1.695.680.000
Lợi nhuận trong năm	-
Cổ tức trả bằng tiền	-
Phân phối quỹ	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.695.680.000</b>
<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	
Số dư đầu năm trước	9.179.045.649
Lợi nhuận trong năm	-
Chia cổ tức	-
Phân phối quỹ	-
Số dư đầu năm nay	9.179.045.649
Lợi nhuận trong năm	-
Cổ tức trả bằng tiền	-
Phân phối quỹ	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>9.179.045.649</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	
Số dư đầu năm trước	(3.270.000)
Lợi nhuận trong năm	-
Chia cổ tức	-
Phân phối quỹ	-
Số dư đầu năm nay	(3.270.000)
Lợi nhuận trong năm	-
Cổ tức trả bằng tiền	-
Phân phối quỹ	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>(3.270.000)</b>
<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	
Số dư đầu năm trước	69.972.247.531
Lợi nhuận trong năm	-
Chia cổ tức	-
Phân phối quỹ	-
Số dư đầu năm nay	69.972.247.531
Lợi nhuận trong năm	-
Cổ tức trả bằng tiền	-
Phân phối quỹ	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>69.972.247.531</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	
Số dư đầu năm trước	113.747.678.790
Lợi nhuận trong năm	109.251.787.791
Chia cổ tức	(80.999.019.000)
Phân phối quỹ	(12.225.750.000)
Số dư đầu năm nay	129.774.697.581
Lợi nhuận trong năm	114.304.351.307
Cổ tức trả bằng tiền	(40.499.509.500)
Phân phối quỹ	(38.993.571.961)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>164.585.967.427</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 05/NQ-DHĐCD ngày 18 tháng 4 năm 2018, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2017 là 1,5%/mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2017 cho cổ đông bằng tiền với tổng số tiền là 40.499.509.500 đồng.

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ Khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 8.143.214.404 đồng và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 21.850.357.557 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 05/NQ-DHĐCD ngày 18 tháng 4 năm 2018. Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 9 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	26.999.673	26.999.673
- Cổ phiếu quỹ	327	327

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Các cổ phiếu này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	VND			
	<b>Số cuối năm</b>	<b>%</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	151.200.000.000	56,00	151.200.000.000	56,00
Utilico Emerging Markets Limited	13.462.100.000	4,99	20.927.300.000	7,75
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	26.009.400.000	9,63	26.009.400.000	9,63
Cổ đông khác	79.328.500.000	29,38	71.863.300.000	26,63
	<b>270.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>100</b>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đô la Mỹ (USD)	2.981,88		2.981,88	

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí CNG. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 22 và số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**23. DOANH THU BÁN HÀNG**

Doanh thu bán hàng thể hiện doanh thu từ bán khí CNG trong năm.

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán thể hiện giá vốn của khí CNG đã bán trong năm.

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân công	85.604.112.400	72.349.747.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.225.247.224	46.650.121.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.879.379.606	333.765.689.811
Chi phí khác bằng tiền	87.580.716.067	13.463.078.537
	<b>531.289.455.297</b>	<b>466.228.637.047</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập từ lãi tiền gửi	11.636.435.041	9.699.324.092
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.863.674	-
	<b>11.638.298.715</b>	<b>9.699.324.092</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền vay	71.522.308	2.007.127.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá	402.553	164.002
	<b>71.924.861</b>	<b>2.007.291.542</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	30.022.012.669	24.096.068.350
- Chi phí đồ dùng văn phòng	605.495.095	506.495.272
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.049.275.251	2.202.095.388
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.465.920.962	14.351.526.750
- Các khoản chi khác	30.996.145.280	33.480.774.009
	<b>75.138.849.257</b>	<b>74.636.959.769</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	5.905.036.842	3.703.063.196
- Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.217.308.421)	(4.466.327.305)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.357.526.657	10.714.313.943
- Các khoản chi khác	17.404.377.557	17.977.678.570
	<b>34.449.632.635</b>	<b>27.928.728.404</b>
	<b>109.588.481.892</b>	<b>102.565.688.173</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	VND	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	28.335.471.046	33.707.268.910
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	479.212.825	2.712.234.579
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>28.814.683.871</b>	<b>36.419.503.489</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí / (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.098.396.276	(3.286.485.169)
<b>Tổng chi phí/ (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>2.098.396.276</b>	<b>(3.286.485.169)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	145.217.431.454	142.384.806.111
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không tính thuế</i>	35.779.439.039	11.632.422.871
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	32.239.362.814	37.783.961.309
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	141.677.355.229	168.536.344.549
<i>Thuế suất thông thường</i>	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	28.335.471.046	33.707.268.910

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	114.304.351.307	109.251.787.791
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(15.699.540.800)	(13.143.214.404)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi quỹ thưởng Ban điều hành (i)	(15.699.540.800)	(13.143.214.404)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	98.604.810.507	96.108.573.387
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.999.673	26.999.673
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.652</b>	<b>3.560</b>

(i) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số liệu kế hoạch năm 2018 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018.

**Trình bày lại số liệu năm trước**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2017 dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018. Theo đó, số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	VND			
	Mã số	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số trình bày lại
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	3.591	(31)	3.560

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.475.884.467	2.522.765.400

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng một năm	1.469.213.700	1.819.607.733
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.861.760.000	2.079.387.200
Sau năm năm	8.716.875.000	8.865.725.000
	<b>12.047.848.700</b>	<b>12.764.719.933</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thuê văn phòng tại Thành phố Hà Nội. Chi tiết như sau:

- Tổng số tiền thuê 10.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam theo hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLD/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và các phụ lục kèm theo.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam theo hợp đồng thuê số 3/1/2015/HDTVVP ngày 20 tháng 3 năm 2015.
- Tổng số tiền thuê văn phòng và các căn hộ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam đáo hạn hàng năm tùy theo nhu cầu sử dụng của Công ty.

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

**Bên liên quan**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")  
 Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP  
 Utilico Emerging Markets Limited  
 Samarang Ucits- Samarang Asia Prosperity  
 Công ty Cổ phần khí thấp áp Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam  
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông  
 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu  
 Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí  
 Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ của PVGas  
 Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn (kết thúc từ 25 tháng 9 năm 2018)  
 Cổ đông lớn  
 Công ty trong cùng tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng tập đoàn PVN



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		-
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	1.034.439.250.745	661.339.125.511
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	126.789.378.977	52.749.804.444
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	2.244.339.806	2.001.865.123
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	13.414.556.004	9.686.843.659
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	45.245.578.362	40.885.379.053
<b>Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng</b>		
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	2.853.632.176	2.712.938.930
<b>Chi phí sử dụng thương hiệu</b>		
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	1.423.848.060	1.400.000.000
<b>Cổ tức chi trả trong năm</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	22.680.000.000	45.360.000.000
Utilico Emerging Markets Limited	3.139.095.000	8.460.000.000
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	3.901.410.000	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và thù lao	12.434.903.723	7.298.664.411

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	164.467.359.446	135.792.828.377
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	19.046.289.534	4.960.197.686
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	229.927.500	147.465.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.968.268.981	3.207.425.616
<b>Chi phí phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.274.631.717	2.850.783.657

**33. THÔNG TIN SO SÁNH**

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	VND		
	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
Thay đổi các khoản phải trả	79.580.097.542	13.842.079.633	93.422.177.175
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(13.842.079.633)	(13.842.079.633)



**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu



**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thục**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2019







## CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

[📍]: Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower,  
Số 61B Đường 30/4, Phường Thắng Nhất,  
Thành phố Vũng Tàu

[☎]: (84.254) 3574.635

[📞]: (84.254) 3574.619

[🌐]: [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)